



BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO VÀ CẢNH BÁO
TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT
THÁNG 11 NĂM 2013
VÙNG NAM BỘ



BỘ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC
QUỐC GIA

MỤC LỤC

I. Tổng quan diễn biến mực nước	5
I.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3).....	5
I.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp_{2-3}).....	6
I.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp_1)	7
I.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2).....	8
I.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1).....	9
II. Chi tiết diễn biến và dự báo mực nước các tỉnh thành phố.....	10
II.1. Thành phố Hồ Chí Minh.....	10
II.1.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)	10
II.1.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp_{2-3})	12
II.1.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp_1)	14
II.1.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)	17
II.1.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)	19
II.2. Tỉnh Bình Dương:.....	20
II.2.1. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp_{2-3})	20
II.2.2. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)	21
II.3. Tỉnh Bình Phước:	23
II.3.1. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)	23
II.4. Tỉnh Tây Ninh:	24
II.4.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)	24
II.4.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp_{2-3})	26
II.4.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp_1)	28
II.4.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)	30
II.4.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)	30
II.5. Tỉnh Đồng Nai:	32
II.5.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)	32
II.5.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp_{2-3})	33
II.5.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp_1)	34
II.5.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)	35
II.6. Tỉnh Long An:	37
II.6.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)	37
II.6.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp_{2-3})	38
II.6.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp_1)	40



BỘ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC
QUỐC GIA

II.6.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)	42
II.6.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)	44
II.7. Tỉnh Đồng Tháp:	46
II.7.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)	46
II.7.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp_{2-3})	47
II.7.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp_1)	48
II.7.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)	49
II.7.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)	49
II.8. Tỉnh Bến Tre:.....	51
II.8.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)	51
II.8.2. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp_1)	52
II.8.3. Tầng chứa nước Miocen giữa - trên (n_1^{2-3}).....	53
II.9. Tỉnh An Giang:.....	54
II.9.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)	54
II.9.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp_{2-3})	56
II.9.3. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)	57
II.10. Tỉnh Cần Thơ:	58
II.10.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)	58
II.10.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp_{2-3})	59
II.11. Tỉnh Vĩnh Long:	60
II.11.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)	60
II.11.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp_{2-3})	61
II.11.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp_1)	63
II.11.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)	64
II.11.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)	64
II.12. Tỉnh Trà Vinh:.....	66
II.12.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)	66
II.12.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp_{2-3})	67
II.12.3. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)	68
II.12.4. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)	70
II.13. Tỉnh Kiên Giang:.....	72
II.13.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)	72
II.13.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp_{2-3})	73
II.13.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp_1)	75



BỘ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC
QUỐC GIA

II.13.4. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^2)	76
II.14. Tỉnh Hậu Giang:.....	77
II.14.1. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp_{2-3})	77
II.14.2. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp_1)	78
II.14.3. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)	79
II.14.4. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)	80
II.15. Tỉnh Sóc Trăng:.....	81
II.15.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)	81
II.15.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp_{2-3})	82
II.15.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp_1)	83
II.15.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)	84
II.15.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)	86
II.16. Tỉnh Bạc Liêu:	87
II.16.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)	87
II.16.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp_{2-3})	87
II.16.3. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)	88
II.17. Tỉnh Cà Mau:.....	89
II.17.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)	89
II.17.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp_{2-3})	90
II.17.3. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)	92

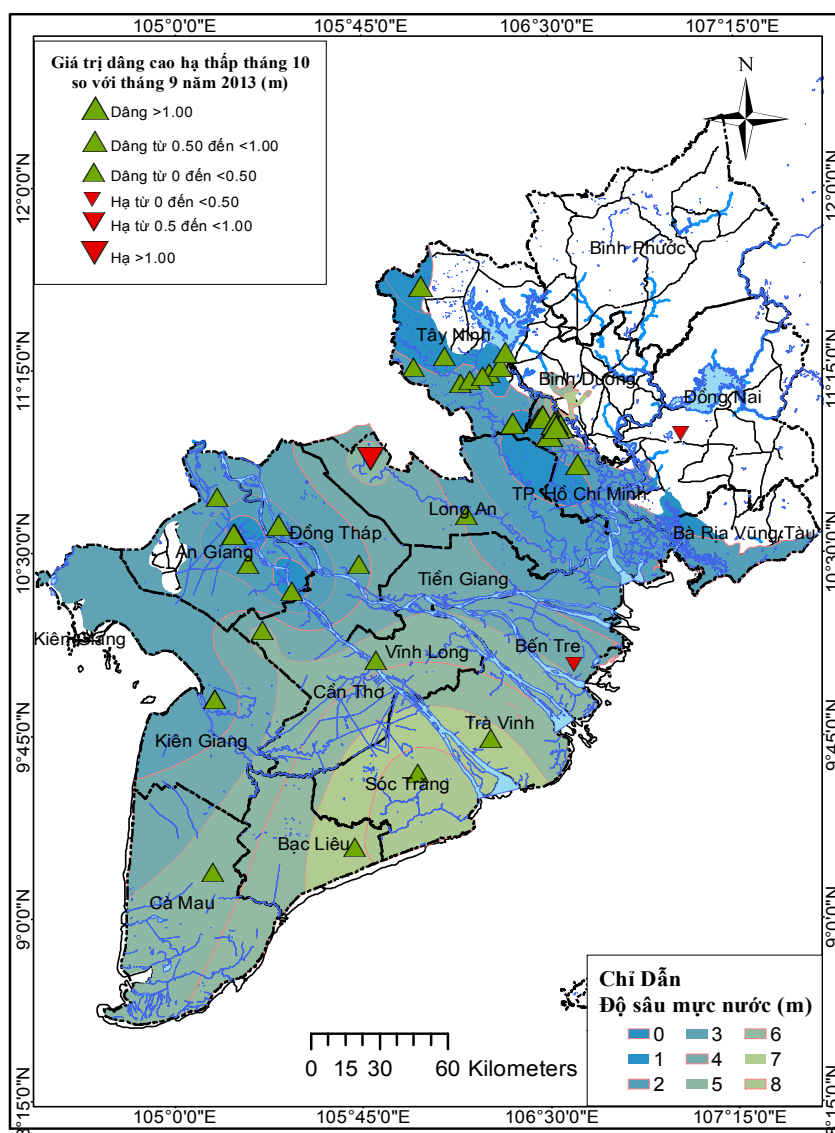
Vùng Nam Bộ gồm có 5 tầng chứa nước chính. Theo thứ tự từ trên xuống gồm các tầng chứa nước trong các trầm tích Pleistocene và Pliocen.

I. Tổng quan diễn biến mực nước

I.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp₃)

Diễn biến mực nước dưới đất tháng 10: nhìn chung mực nước có hai xu hướng dâng cao và hạ thấp so với giá trị trung bình tháng trước, tuy nhiên xu hướng dâng cao chiếm ưu thế trên toàn vùng với giá trị là 0,44m. Giá trị dâng cao nhất là 1,44m tại xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh (Q09902D) và hạ thấp nhất là 1,51m tại TT Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, Long An (Q02702T). Mực nước sâu nhất là 10,16m tại xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh (Q09902A).

Các tỉnh, thành phố có mực nước hạ thấp: tỉnh Long An, Đồng Nai, Bến Tre.

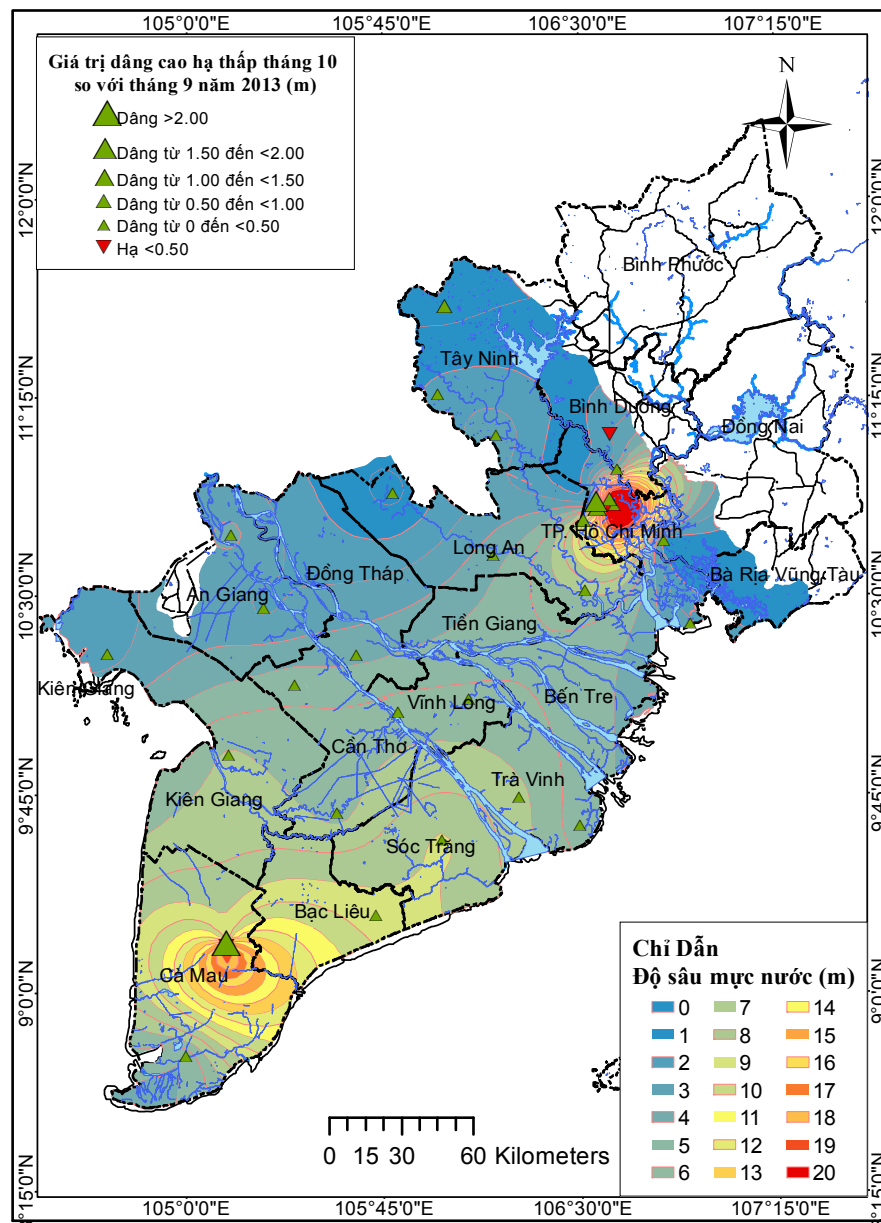


Hình 1. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 năm 2013 tầng qp₃

I.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

Diễn biến mực nước dưới đất tháng 10: nhìn chung mực nước có hai xu hướng dâng cao và hạ thấp so với giá trị trung bình tháng trước, tuy nhiên xu hướng dâng cao chiếm ưu thế trên toàn vùng với giá trị là 0,40m. Giá trị dâng cao nhất là 2,55m tại phường 9, TP Cà Mau, Cà Mau (Q177020M1) và hạ thấp nhất là 0,26m tại phường 5, TP Cà Mau, Cà Mau (Q188020). Mực nước sâu nhất là 36,60m tại phường Đông Hưng Thuận, quận 12, TP Hồ Chí Minh (Q019340).

Các tỉnh, thành phố có mực nước hạ thấp: tỉnh Cà Mau, Bình Dương.

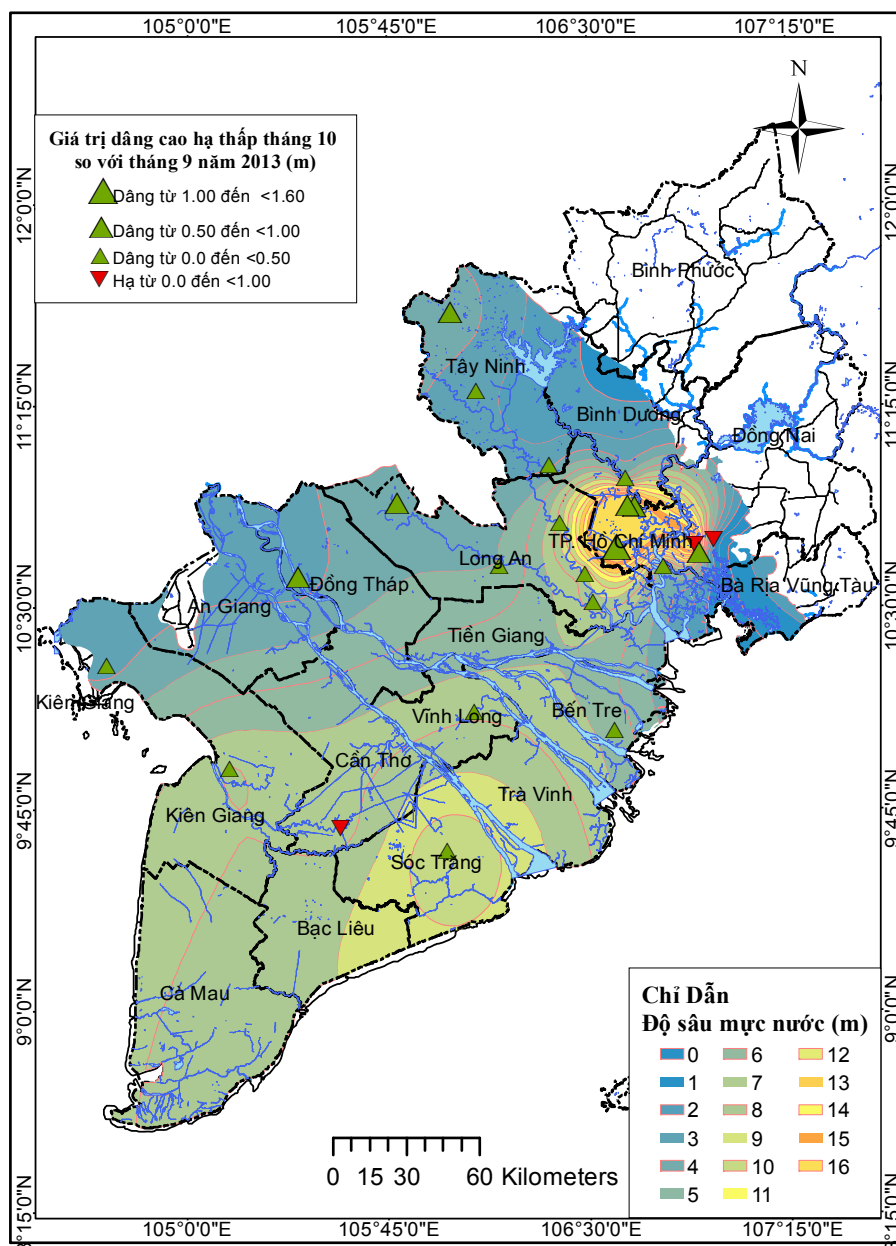


Hình 2. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 năm 2013 tầng qp₂₋₃

I.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp_1)

Diễn biến mực nước dưới đất tháng 10: nhìn chung mực nước có hai xu hướng dâng cao và hạ thấp so với giá trị trung bình tháng trước, tuy nhiên xu hướng dâng cao chiếm ưu thế trên toàn vùng với giá trị là 0,38m. Giá trị dâng cao nhất là 1,58m tại phường An Lạc, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh (Q015030) và hạ thấp nhất là 0,07m tại xã Long An, huyện Long Thành, Đồng Nai (Q040020). Mực nước sâu nhất là 23,65m tại phường Tân Thới Hiệp, quận 12, TP Hồ Chí Minh (Q017030M1).

Các tỉnh, thành phố có mực nước hạ thấp: tỉnh Hậu Giang, Đồng Nai.

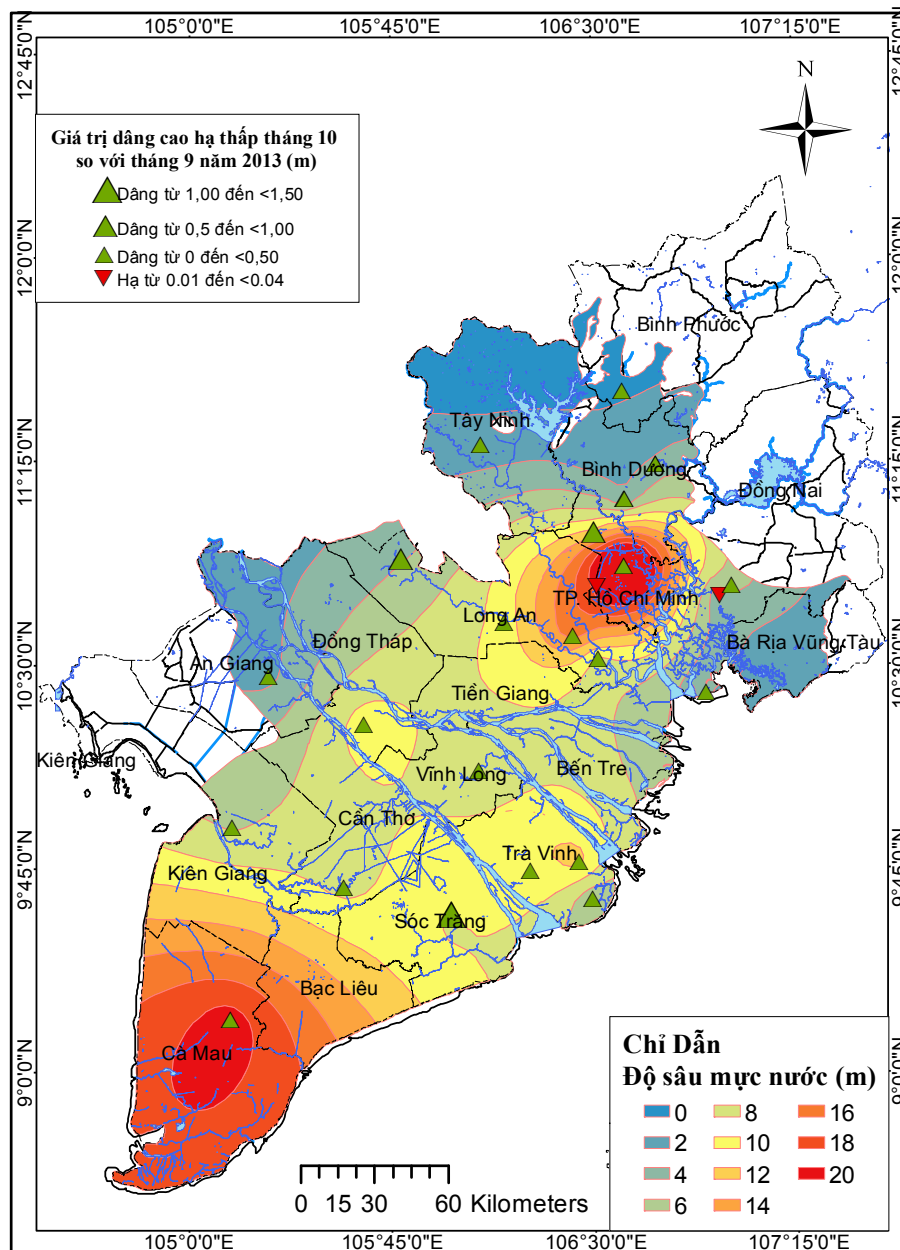


Hình 3. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 năm 2013 tầng qp_1

I.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)

Diễn biến mực nước dưới đất tháng 10: nhìn chung mực nước có hai xu hướng dâng cao và hạ thấp so với giá trị trung bình tháng trước, tuy nhiên xu hướng dâng cao chiếm ưu thế trên toàn vùng với giá trị là 0,27m. Giá trị dâng cao nhất là 1,50m tại phường 3, TP Sóc Trăng, Sóc Trăng (Q59804T) và hạ thấp nhất là 0,03m tại xã Long An, huyện Long Thành, Đồng Nai (Q040040M1). Mực nước sâu nhất là 29,28m tại phường Trung Mỹ Tây, quận 12, TP Hồ Chí Minh (Q011040).

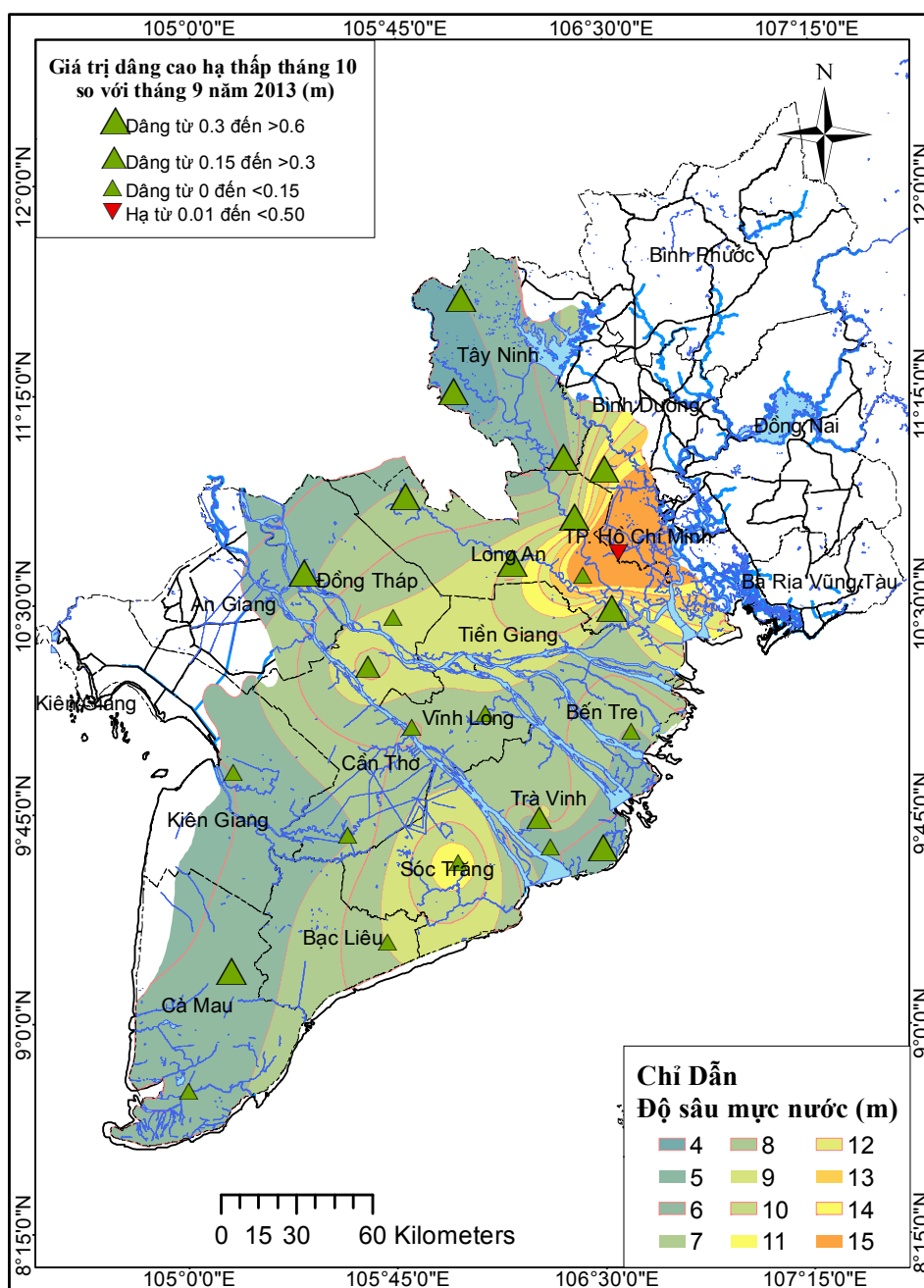
Các tỉnh, thành phố có mực nước hạ thấp: tỉnh Đồng Nai



Hình 4. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 năm 2013 tầng n_2^2

I.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)

Diễn biến mực nước dưới đất tháng 10: nhìn chung mực nước có hai xu hướng dâng cao và hạ thấp so với giá trị trung bình tháng trước, tuy nhiên xu hướng dâng cao chiếm ưu thế trên toàn vùng với giá trị là 0,21m. Giá trị dâng cao nhất là 0,62m tại TT Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, Long An (Q02704Z) và hạ thấp nhất là 0,33m tại TT Tân Túc, huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh (Q605060). Mực nước sâu nhất là 22,51m tại TT Tân Túc, huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh (Q605060).



Hình 5. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 năm 2013 tầng n_2^1

II. Chi tiết diễn biến và dự báo mực nước các tỉnh thành phố

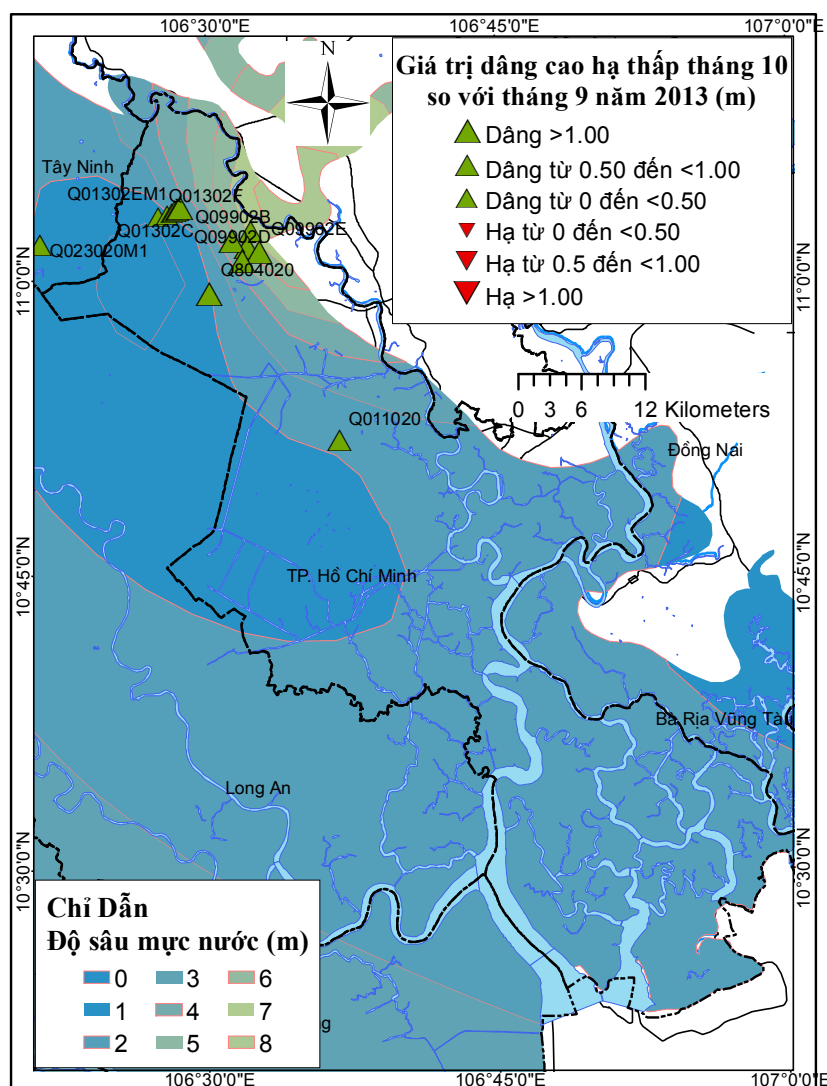
II.1. Thành phố Hồ Chí Minh

II.1.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp₃)

Nhận xét: nhìn chung trên toàn thành phố, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,83m.

Giá trị dâng cao nhất là 1,44m tại xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi (Q09902D).

Mực nước nông nhất là 0,59m tại xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi (Q01302DM1), mực nước sâu nhất là 10,16m tại xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi (Q09902A).

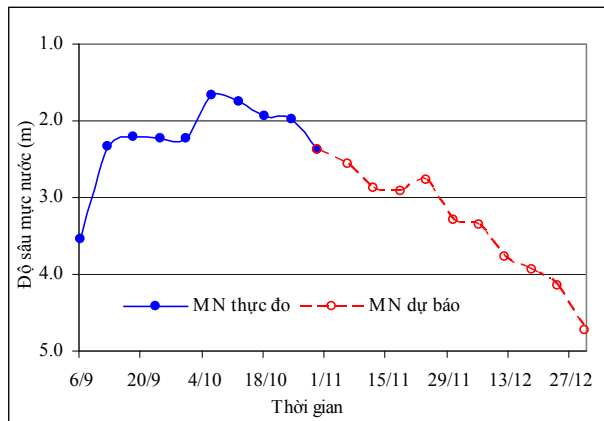


Hình 6. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng qp₃

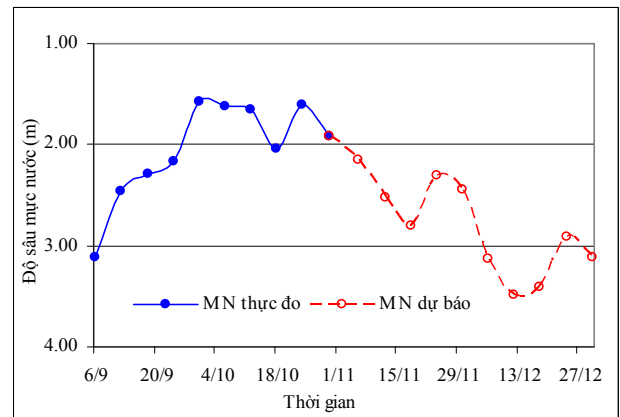
Dự báo: Trong tháng 11, 12 nhìn chung mực nước có xu hướng hạ thấp. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 7 và bảng 1).



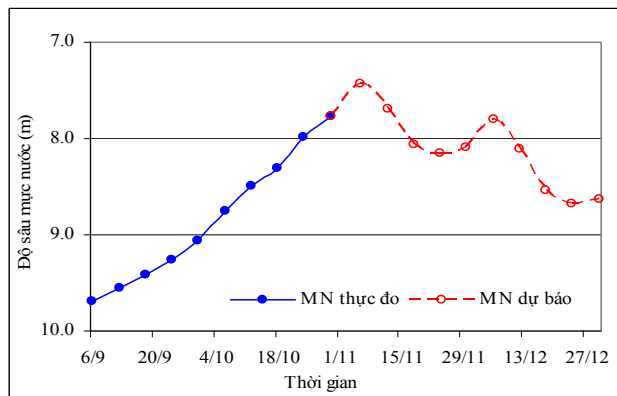
BỘ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC
QUỐC GIA



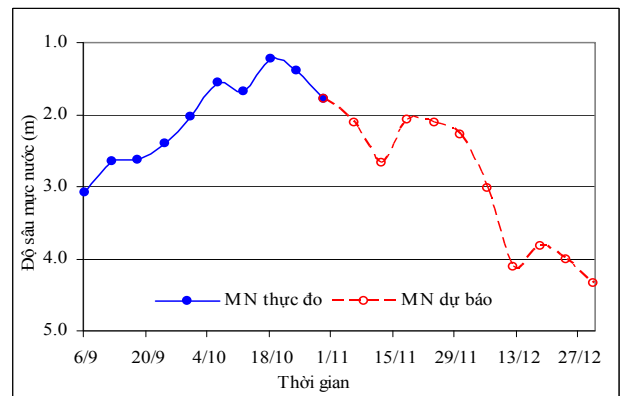
(a) phường Trung Mỹ Tây, quận 12 (Q011020)



(b) xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi (Q01302AM1)



(c) xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi (Q09902C)



(d) xã Đồng Dù, huyện Củ Chi (Q804020)

Hình 7. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tăng qp3

Bảng 1. Độ sâu mực nước tăng qp3 (m)

Ngày	phường Trung Mỹ Tây, quận 12 (Q011020)			xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi (Q01302AM1)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	1,67	2,57	3,35	1,62	2,15	3,13
12	1,75	2,88	3,76	1,66	2,52	3,48
18	1,93	2,92	3,94	2,04	2,80	3,41
24	1,97	2,77	4,15	1,60	2,31	2,91
30	2,37	3,28	4,72	1,92	2,44	3,11
TB	1,94	2,88	3,98	1,77	2,44	3,21

Ngày	xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi (Q09902C)			xã Đồng Dù, huyện Củ Chi (Q804020)		
	Mức nước thực đo tháng 10	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 10	Mức nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	8,75	7,43	7,80	1,55	2,11	3,02
12	8,49	7,69	8,11	1,68	2,67	4,12
18	8,31	8,06	8,54	1,23	2,07	3,83
24	7,99	8,16	8,67	1,40	2,12	4,00
30	7,76	8,10	8,64	1,78	2,28	4,34
TB	8,26	7,89	8,35	4,53	2,25	3,86

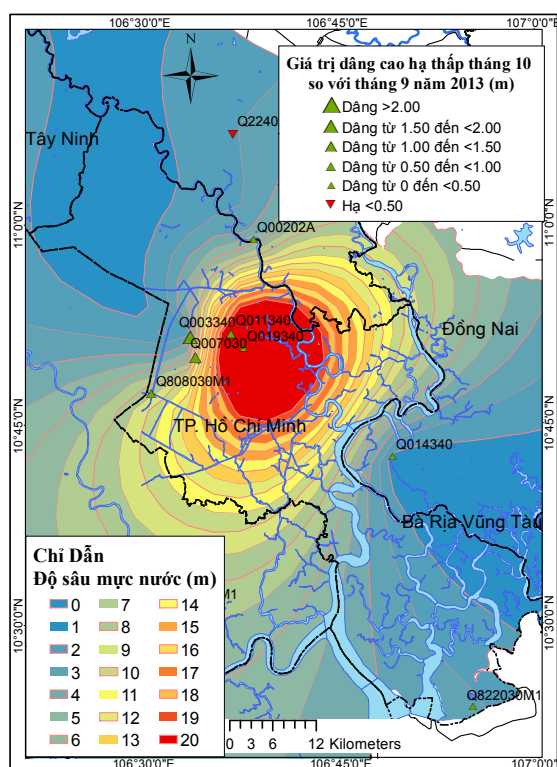
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.1.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

Nhận xét: nhìn chung trên toàn thành phố, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,69m.

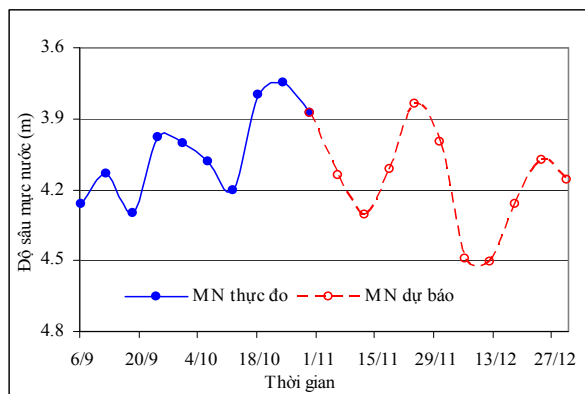
Giá trị dâng cao nhất là 1,64m tại xã Xuân Thới, huyện Hóc Môn (Q003340).

Mức nước nông nhất là 2,13m tại xã Xuân Thới, huyện Hóc Môn (Q003340), mức nước sâu nhất là 36,60m tại phường Đông Hưng Thuận, quận 12 (Q019340).

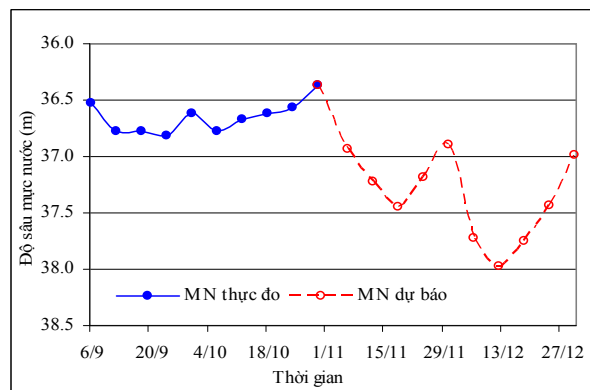


Hình 8. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng qp₂₋₃

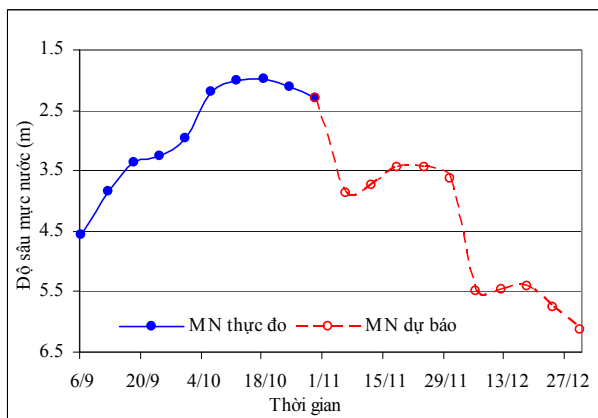
Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước có xu hướng hạ thấp. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 9 và bảng 2).



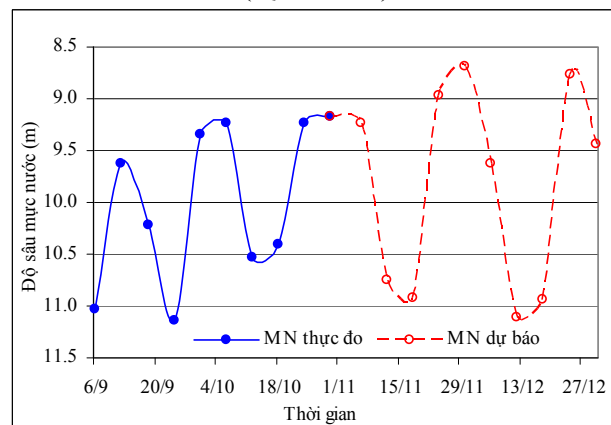
(a) xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi (Q00202A)



(b) phường Đông Hưng Thuận, quận 12 (Q019340)



(c) xã Xuân Thới, huyện Hóc Môn (Q003340)



(d) xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh (Q808030M1)

Hình 9. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng qp₂₋₃

Bảng 2. Độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃ (m)

Ngày	xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi (Q00202A)			phường Đông Hưng Thuận, quận 12 (Q019340)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	4,08	4,14	4,49	36,77	36,93	37,73
12	4,20	4,31	4,50	36,67	37,22	37,97
18	3,80	4,11	4,26	36,62	37,45	37,75
24	3,75	3,84	4,07	36,57	37,19	37,43
30	3,88	4,00	4,16	36,37	36,89	36,99
TB	3,94	4,08	4,30	36,60	37,14	37,57



BỘ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC
QUỐC GIA

Ngày	xã Xuân Thới, huyện Hóc Môn (Q003340)			xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh (Q808030M1)		
	Mức nước thực đo tháng 10	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 10	Mức nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	2,20	3,88	5,48	9,24	9,24	9,62
12	2,01	3,74	5,46	10,53	10,75	11,12
18	1,97	3,45	5,40	10,40	10,92	10,93
24	2,11	3,44	5,76	9,24	8,98	8,76
30	2,30	3,62	6,14	9,18	8,69	9,45
TB	2,12	3,63	5,65	9,71	9,71	9,97

Cảnh báo: Độ sâu mực nước lớn nhất tháng 10 tại phường Đông Hưng Thuận, quận 12 đạt 36,77m còn cách giới hạn cho phép là 13,23m ($H_{cp}=50m$). Cần chú ý chế độ khai thác để tránh vượt giới ngưỡng giới hạn khai thác.

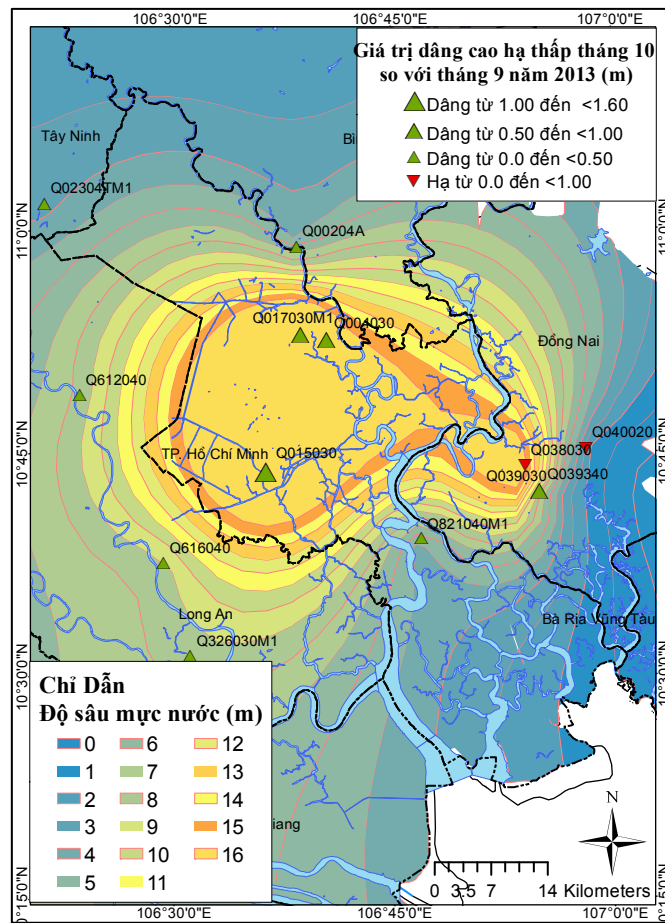
II.1.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp_1)

Nhận xét: nhìn chung trên toàn thành phố, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,59m.

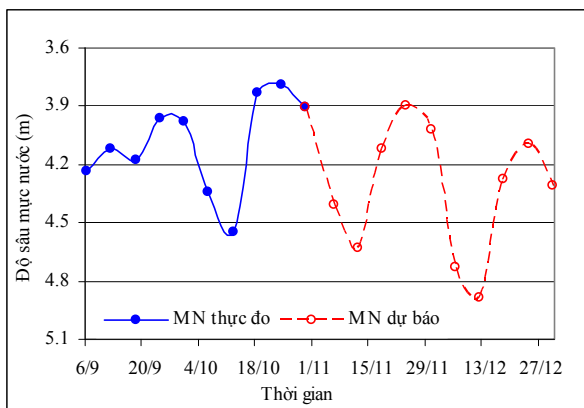
Giá trị dâng cao nhất là 1,58m tại phường An Lạc, quận Bình Tân (Q015030).

Mức nước nông nhất là 3,39m tại xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ (Q821040M1), mức nước sâu nhất là 21,21m tại phường An Lạc, quận Bình Tân (Q015030).

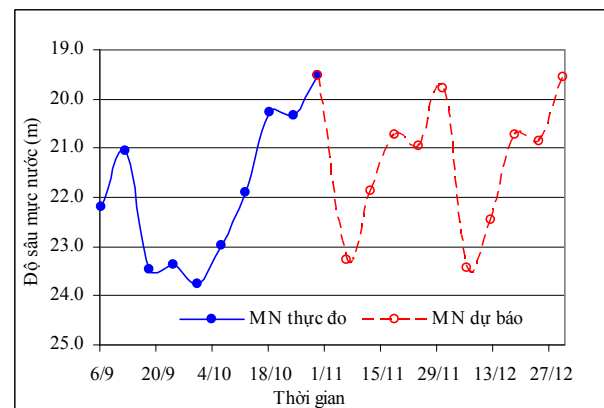
Dự báo: Trong tháng 11, 12 mức nước biến động không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 11 và bảng 3).



Hình 10. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tăng qđ



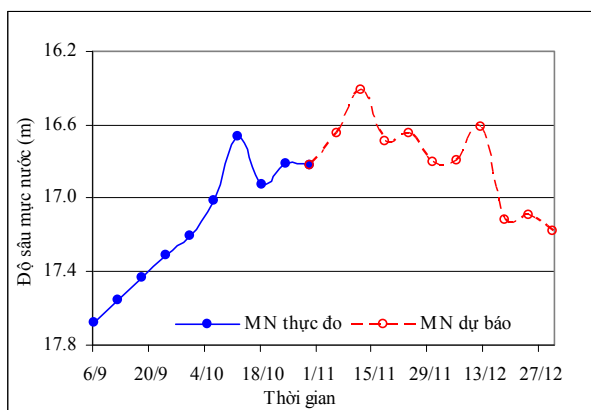
(a) xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi (Q00204A)



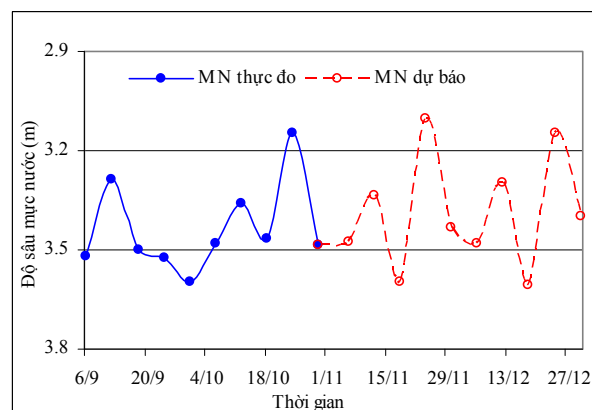
(b) phường An Lạc, quận Bình Tân (Q015030)



BỘ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC
QUỐC GIA



(c) phường Thanh Lộc, quận 12 (Q004030)



(d) xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ
(Q821040M1)

Hình 11. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tăng q_{p1}

Bảng 3. Độ sâu mực nước tăng q_{p1} (m)

Ngày	xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi (Q00204A)			phường An Lạc, quận Bình Tân (Q015030)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	4,35	4,41	4,73	22,97	23,26	23,43
12	4,55	4,63	4,89	21,89	21,87	22,47
18	3,83	4,12	4,28	20,28	20,73	20,72
24	3,79	3,90	4,10	20,33	20,97	20,85
30	3,90	4,02	4,31	19,53	19,78	19,57
TB	4,08	4,21	4,46	21,00	21,32	21,41
Ngày	phường Thanh Lộc, quận 12 (Q004030)			xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ (Q821040M1)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	17,01	16,65	16,80	3,48	3,48	3,48
12	16,66	16,41	16,61	3,36	3,34	3,30
18	16,93	16,69	17,12	3,47	3,60	3,61
24	16,82	16,64	17,10	3,15	3,11	3,15
30	16,82	16,80	17,18	3,49	3,43	3,40
TB	16,85	16,64	16,96	3,39	3,39	3,39

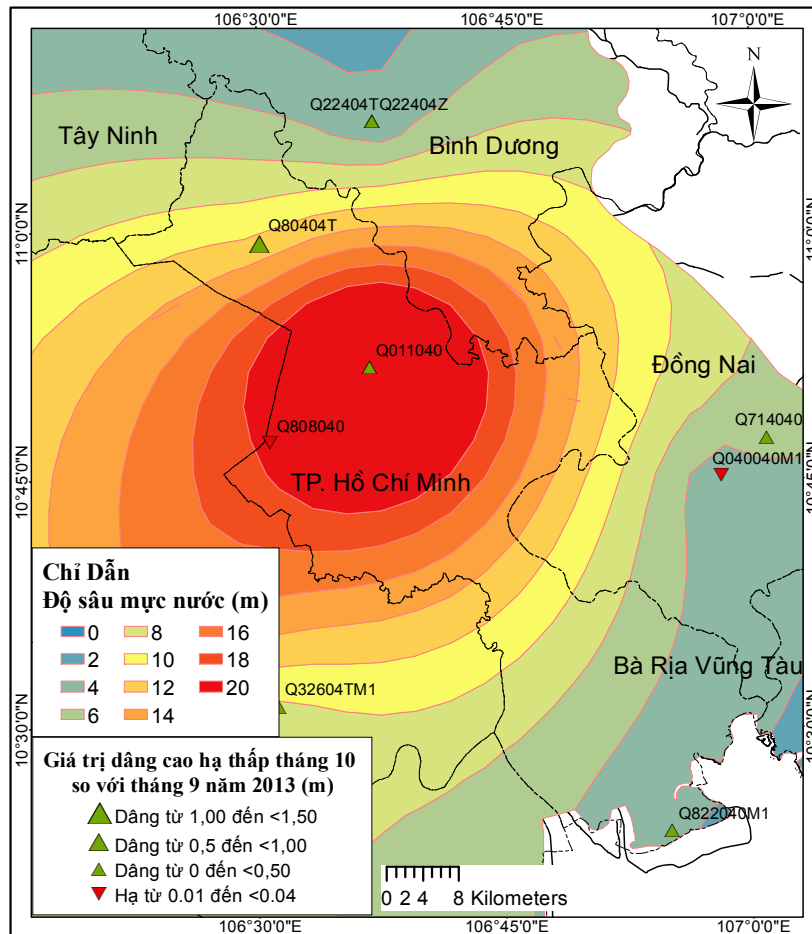
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.1.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)

Nhận xét: nhìn chung trên toàn thành phố, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng cao so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,27m.

Giá trị dâng cao nhất là 0,59m tại xã Đồng Dù, huyện Củ Chi (Q80404T) và hạ thấp nhất là 0,02 tại xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh (Q808040).

Mực nước nông nhất là 3,09m tại xã Long Hòa, huyện Cần Giờ (Q822040M1), mực nước sâu nhất là 29,28m tại phường Trung Mỹ Tây, quận 12 (Q011040).

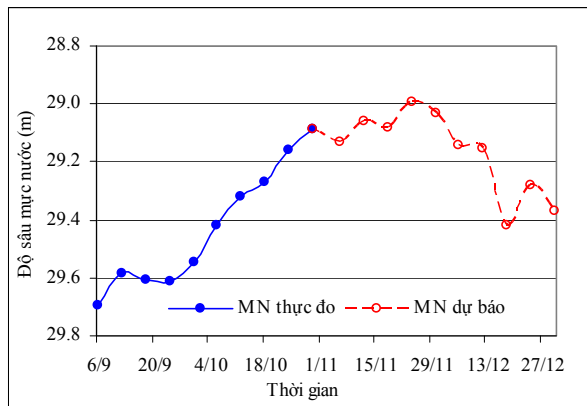


Hình 12. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng n_2^2

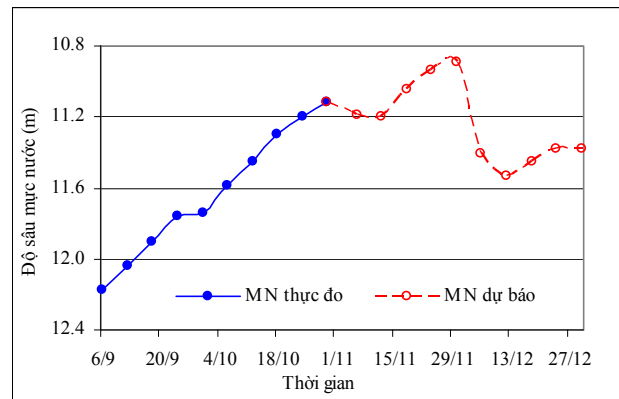
Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước có xu hướng dâng lên. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 13 và bảng 4).



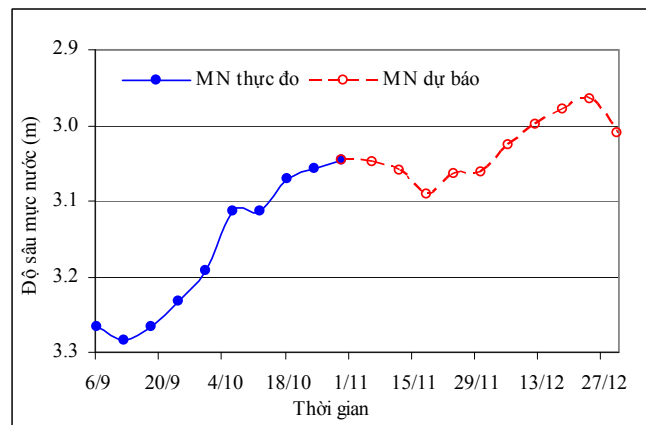
BỘ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC
QUỐC GIA



(a) phường Trung Mỹ Tây, quận 12
(Q011040)



(b) xã Đồng Dù, huyện Củ Chi (Q80404T)



(c) xã Long Hòa, huyện Cần Giờ (Q822040M1)

Hình 13. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng n_2^2

Bảng 4. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

Ngày	phường Trung Mỹ Tây, quận 12 (Q011040)			xã Đồng Dù, huyện Củ Chi (Q80404T)			xã Long Hòa, huyện Cần Giờ (Q822040M1)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	29,42	29,13	29,14	11,59	11,19	11,41	3,11	3,05	3,03
12	29,32	29,06	29,15	11,45	11,20	11,53	3,11	3,06	3,00
18	29,27	29,08	29,42	11,30	11,04	11,45	3,07	3,09	2,98
24	29,16	28,99	29,28	11,20	10,94	11,38	3,06	3,06	2,96
30	29,09	29,03	29,37	11,12	10,89	11,38	3,05	3,06	3,01
TB	29,25	29,06	29,27	11,33	11,05	11,43	3,08	3,06	3,00

Cảnh báo: không có cảnh báo

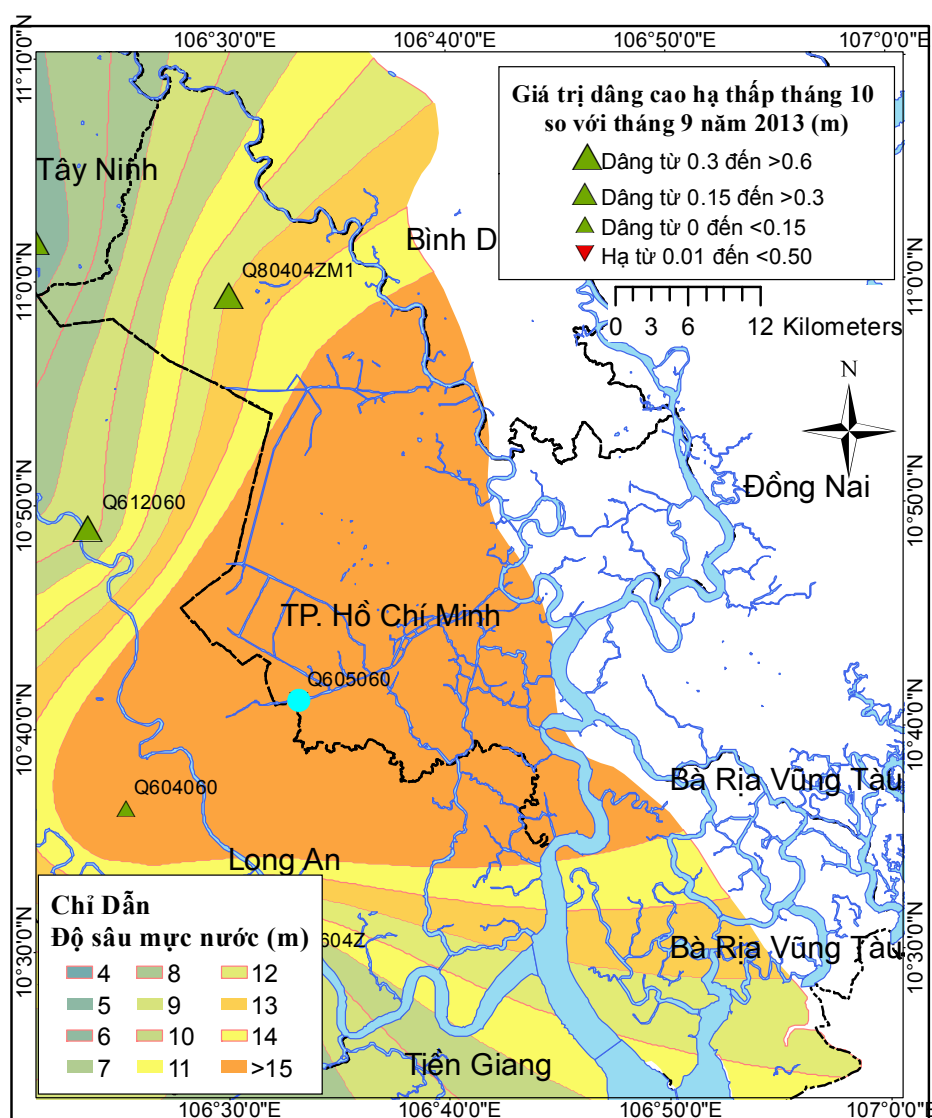
II.1.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)

Nhận xét: nhìn chung trên toàn thành phố, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng cao so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,03m.

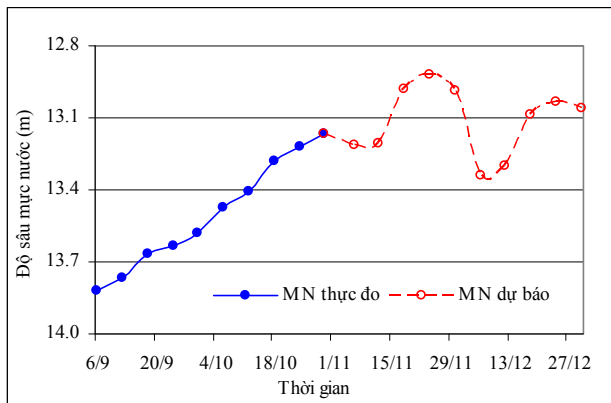
Giá trị dâng cao nhất là 0,38m tại xã Đồng Dù, huyện Củ Chi (Q80404ZM1) và hạ thấp nhất là 0,33 tại TT Tân Túc, huyện Bình Chánh (Q605060).

Mực nước nông nhất là 13,33m tại xã Đồng Dù, huyện Củ Chi (Q80404ZM1), mực nước sâu nhất là 22,51m tại TT Tân Túc, huyện Bình Chánh (Q605060).

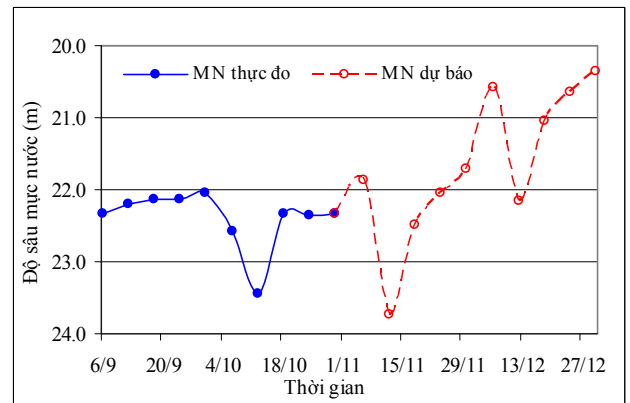
Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước như hình vẽ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 15 và bảng 5).



Hình 14. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng n_2^1



(a) xã Đồng Dù, huyện Củ Chi
(Q80404ZM1)



(b) TT Tân Túc, huyện Bình Chánh
(Q605060)

Hình 15. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng n_2^I

Bảng 5. Độ sâu mực nước tầng n_2^I (m)

Ngày	xã Đồng Dù, huyện Củ Chi (Q80404ZM1)			TT Tân Túc, huyện Bình Chánh (Q605060)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	13,47	13,21	13,34	22,58	21,88	20,57
12	13,41	13,21	13,30	23,45	23,73	22,17
18	13,28	12,98	13,09	22,34	22,49	21,04
24	13,22	12,92	13,03	22,36	22,06	20,64
30	13,17	12,99	13,06	22,33	21,71	20,35
TB	13,31	13,06	13,16	22,61	22,37	20,95

Cảnh báo: không có cảnh báo

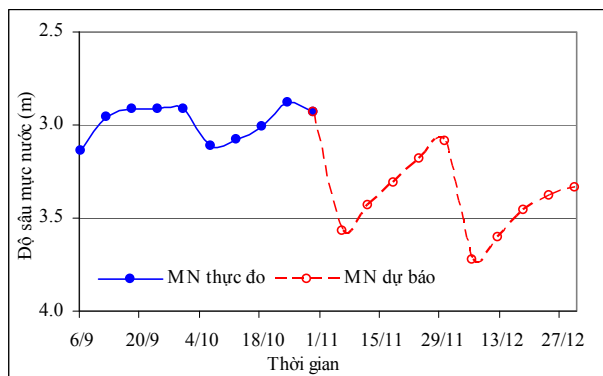
II.2. Tỉnh Bình Dương:

II.2.1. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp_{2-3})

Nhận xét: theo kết quả quan trắc mực nước, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng hạ thấp so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,04m.

Tại xã Thới Hòa, huyện Bến Cát (Q224020) mực nước nông nhất là 2,88m, mực nước sâu nhất là 3,12m.

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước có xu hướng hạ thấp. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 16 và bảng 6).



Hình 16. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng qp₂₋₃

Bảng 6. Độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃ (m)

Ngày	xã Thới Hòa, huyện Bến Cát (Q224020)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	3,11	3,57	3,72
12	3,08	3,43	3,60
18	3,01	3,31	3,46
24	2,88	3,18	3,38
30	2,93	3,09	3,34
TB	3,00	3,32	3,50

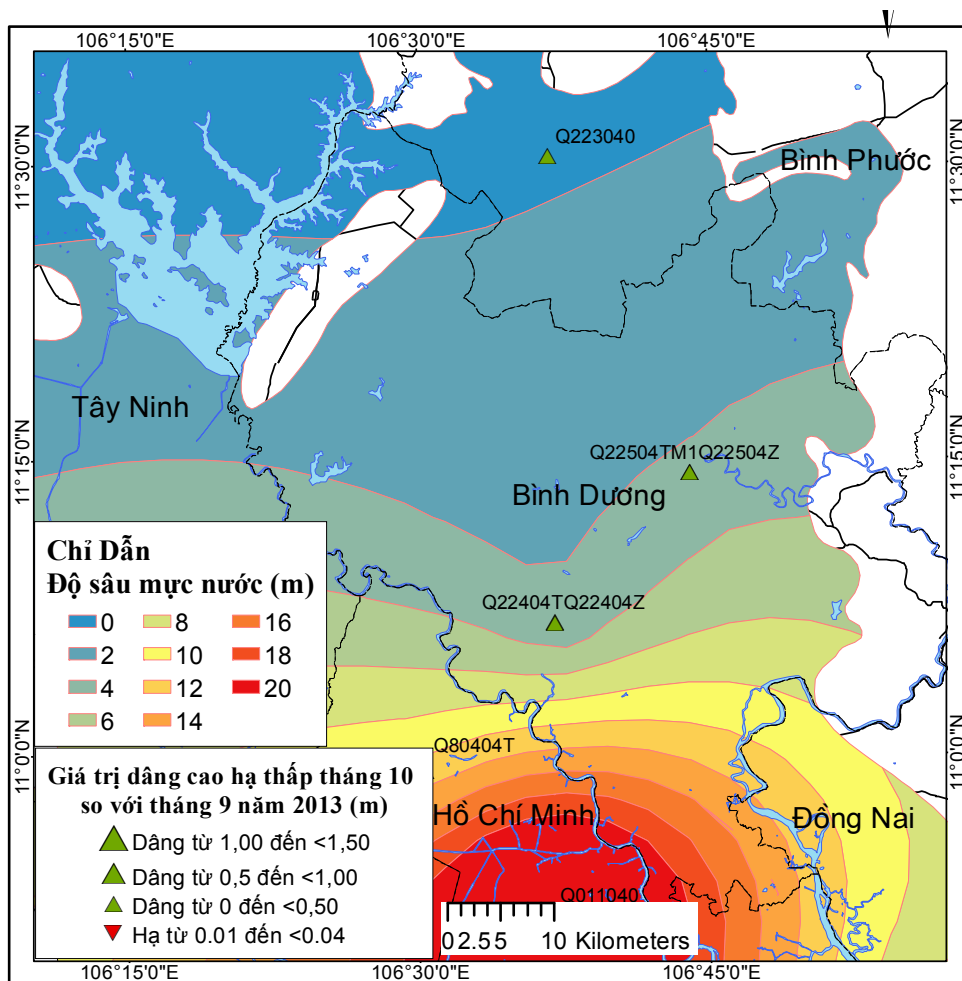
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.2.2. Tầng chứa nước Pliocene trung (n₂²)

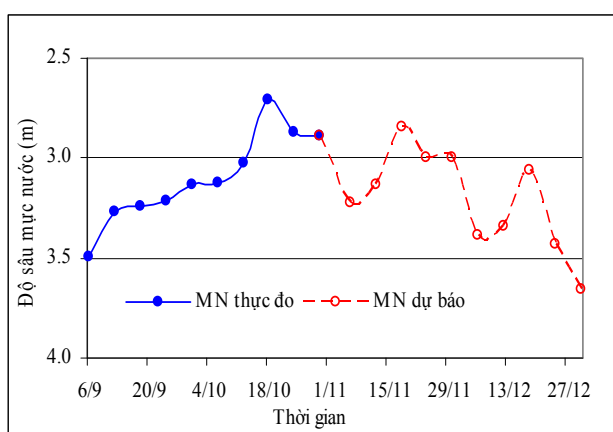
Nhận xét: nhìn chung trên toàn tỉnh, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,18m. Giá trị dâng cao nhất là 0,34m tại xã Thới Hòa, huyện Bến Cát (Q22404Z)

Mực nước nông nhất là 2,94m tại xã Thới Hòa, huyện Bến Cát (Q22404Z), mực nước sâu nhất là 4,08m tại xã Phước Hòa, huyện Tân Uyên (Q22504Z).

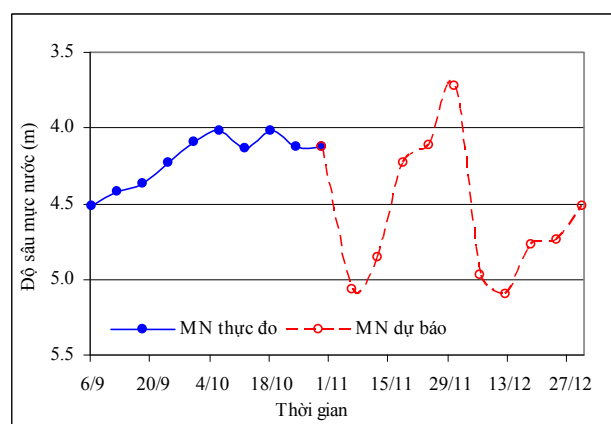
Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước có xu hướng hạ thấp. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 18 và bảng 7).



Hình 17. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng n_2^2



(a) xã Thới Hòa, huyện Bến Cát (Q22404Z)



(b) xã Phước Hòa, huyện Tân Uyên (Q22504Z)

Hình 18. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng n_2^2

Bảng 7. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

Ngày	xã Thới Hòa, huyện Bến Cát (Q22404Z)			xã Phước Hòa, huyện Tân Uyên (Q22504Z)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	3,12	3,22	3,39	4,02	5,07	4,97
12	3,02	3,13	3,34	4,13	4,85	5,10
18	2,71	2,84	3,06	4,02	4,23	4,77
24	2,87	3,00	3,43	4,12	4,11	4,74
30	2,89	3,00	3,66	4,12	3,72	4,52
TB	2,92	3,04	3,38	4,08	4,40	4,82

Cảnh báo: không có cảnh báo

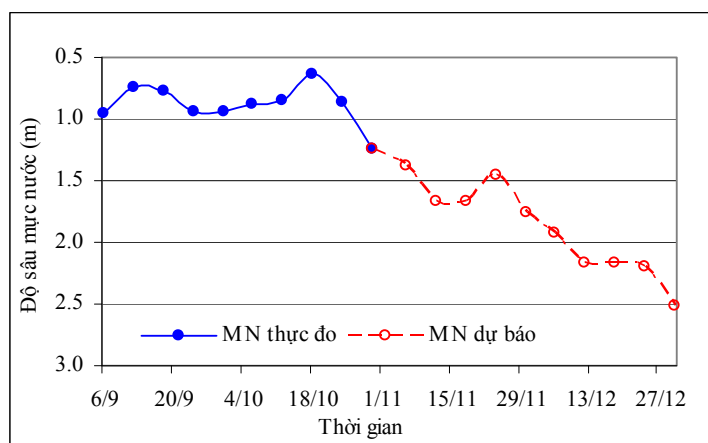
II.3. Tỉnh Bình Phước:

II.3.1. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)

Nhận xét: theo kết quả quan trắc giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,04m.

Tại xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành (Q223040) mực nước nông nhất là 0,64m, mực nước sâu nhất là 1,23m.

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước có xu hướng hạ thấp. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 19 và bảng 8).



Hình 19. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng n_2^2

Bảng 8. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

Ngày	xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành (Q223040)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	0,88	1,38	1,93

12	0,85	1,66	2,16
18	0,63	1,66	2,16
24	0,87	1,45	2,20
30	1,24	1,76	2,51
TB	0,89	1,58	2,19

Cảnh báo: không có cảnh báo

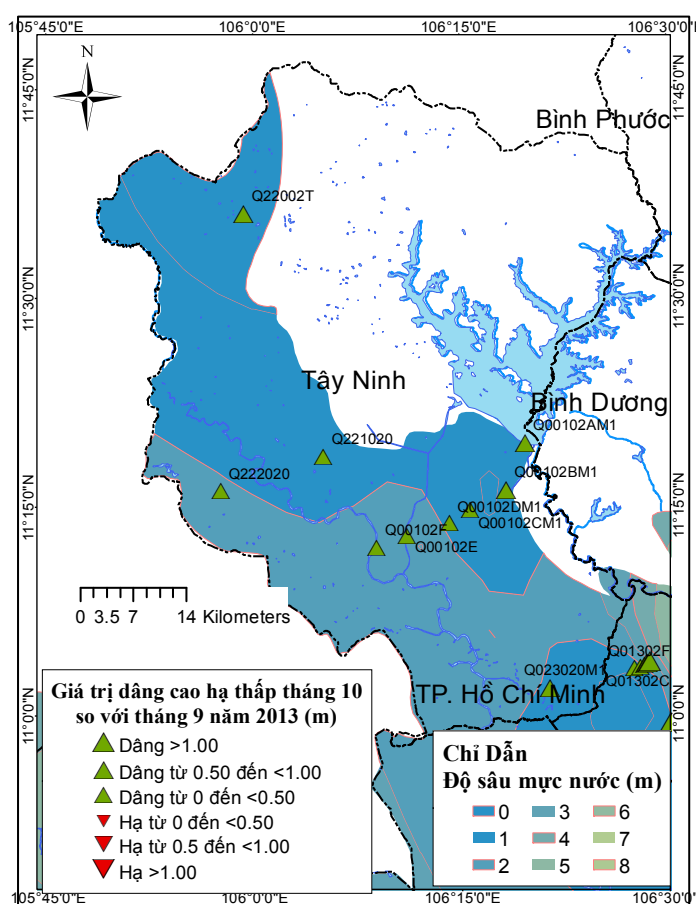
II.4. Tỉnh Tây Ninh:

II.4.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp₃)

Nhận xét: nhìn chung trên toàn tỉnh, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,45m. Giá trị dâng cao nhất là 0,98m tại xã Phước Minh, huyện Dương Minh Châu (Q00102AM1).

Mức nước nông nhất là 0,58m tại xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q22002T), mức nước sâu nhất là 3,74m tại xã Cẩm Dàng, huyện Gò Dầu (Q00102E).

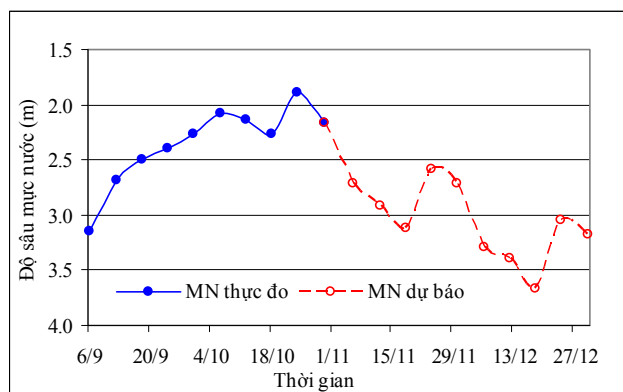
Dự báo: Trong tháng 11, 12 mức nước có xu hướng hạ thấp. Chi tiết diễn biến mức nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 21 và bảng 9).



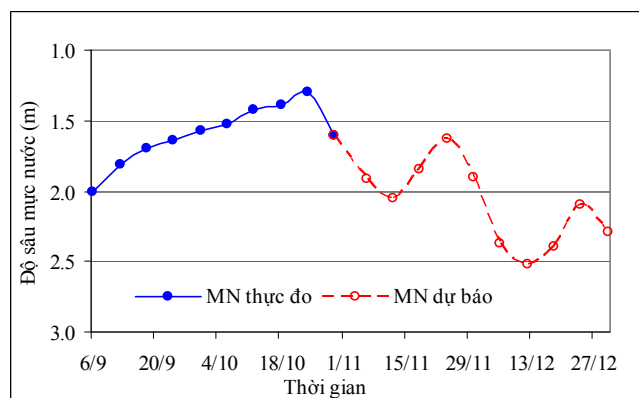
Hình 20. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng qp₃



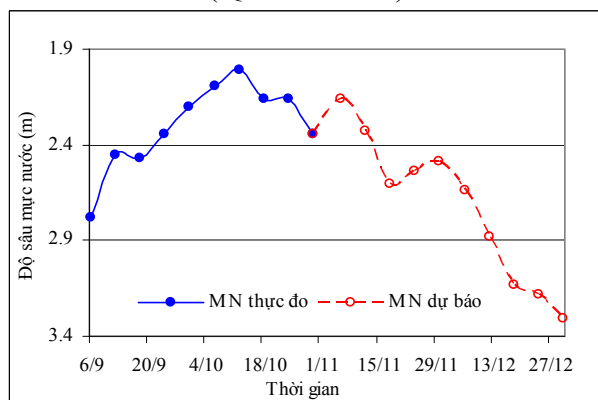
BỘ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC
QUỐC GIA



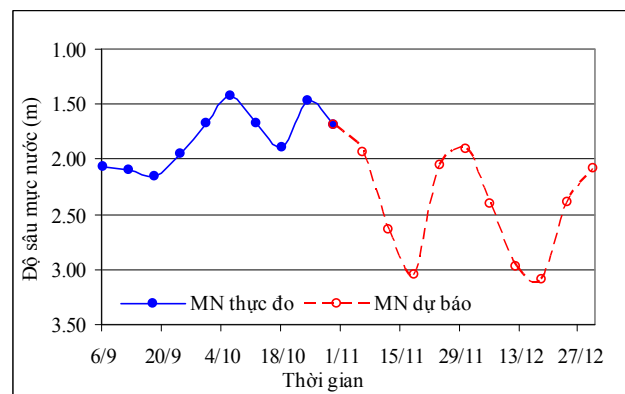
(a) TT Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng (Q023020M1)



(b) Phường 1, TX Tây Ninh (Q221020)



(c) xã Thành Long, huyện Châu Thành (Q222020)



(d) xã Truông Mít, huyện Gò Dầu (Q00102DM1)

Hình 21. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng qp3

Bảng 9. Độ sâu mực nước tầng qp3 (m)

Ngày	TT Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng (Q023020M1)			Phường 1, TX Tây Ninh (Q221020)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	2,08	2,72	3,29	1,53	1,91	2,37
12	2,13	2,91	3,40	1,42	2,05	2,52
18	2,26	3,12	3,67	1,39	1,85	2,39
24	1,89	2,58	3,05	1,30	1,63	2,10
30	2,17	2,71	3,17	1,61	1,90	2,29
TB	2,11	2,81	3,32	1,45	1,87	2,33

Ngày	xã Thành Long, huyện Châu Thành (Q222020)			xã Truong Mít, huyện Gò Dầu (Q00102DM1)		
	Mức nước thực đo tháng 10	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 10	Mức nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	2,09	2,16	2,64	1,42	1,93	2,41
12	2,01	2,33	2,88	1,67	2,64	2,98
18	2,16	2,60	3,13	1,89	3,05	3,09
24	2,16	2,54	3,18	1,47	2,05	2,39
30	2,34	2,49	3,31	1,68	1,90	2,08
TB	2,15	2,42	3,03	1,63	2,31	2,59

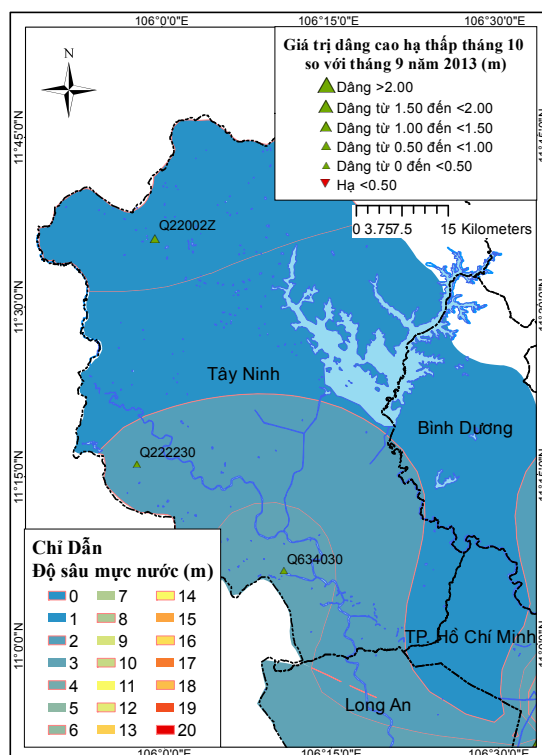
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.4.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

Nhận xét: nhìn chung trên toàn tỉnh, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,41m. Giá trị dâng cao nhất là 0,68m tại xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q22002Z).

Mức nước nông nhất là 0,60m tại xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q22002Z), mức nước sâu nhất là 3,84m tại TT Bến Cầu, huyện Bến Cầu (Q634040).

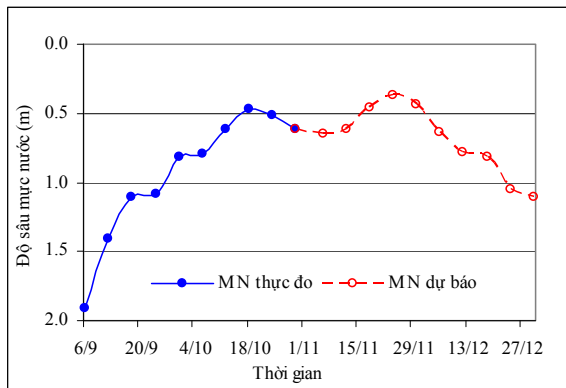
Dự báo: Trong tháng 11, 12 mức nước có xu hướng hạ thấp. Chi tiết diễn biến mức nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 23 và bảng 10).



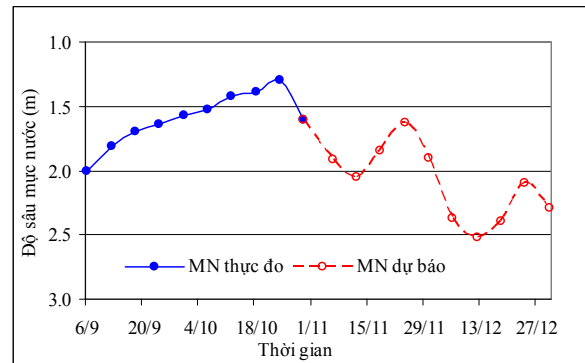
Hình 22. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng qp₂₋₃



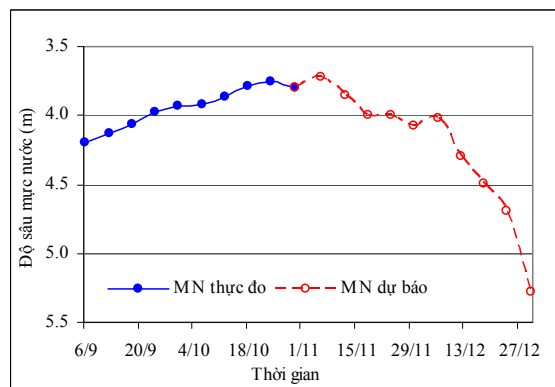
BỘ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC
QUỐC GIA



(a) xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q22002Z)



(b) xã Thành Long, huyện Châu Thành (Q222230)



(c) TT Bến Cầu, huyện Bến Cầu (Q634030)

Hình 23. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tăng qp₂₋₃

Bảng 10. Độ sâu mực nước tăng qp₂₋₃ (m)

Ngày	xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q22002Z)			xã Thành Long, huyện Châu Thành (Q222230)			TT Bến Cầu, huyện Bến Cầu (Q634030)		
	Mức nước thực đo tháng 10	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 10	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 10	Mức nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	0,79	0,65	0,64	2,33	2,41	2,79	3,92	3,72	4,02
12	0,61	0,61	0,78	2,22	2,52	3,02	3,86	3,85	4,30
18	0,47	0,46	0,82	2,35	2,76	3,24	3,79	4,00	4,49
24	0,51	0,37	1,05	2,34	2,77	3,34	3,75	4,00	4,69
30	0,61	0,44	1,11	2,53	2,62	3,46	3,80	4,08	5,28
TB	0,60	0,51	0,88	2,35	2,62	3,17	3,82	3,93	4,56

Cảnh báo: không có cảnh báo

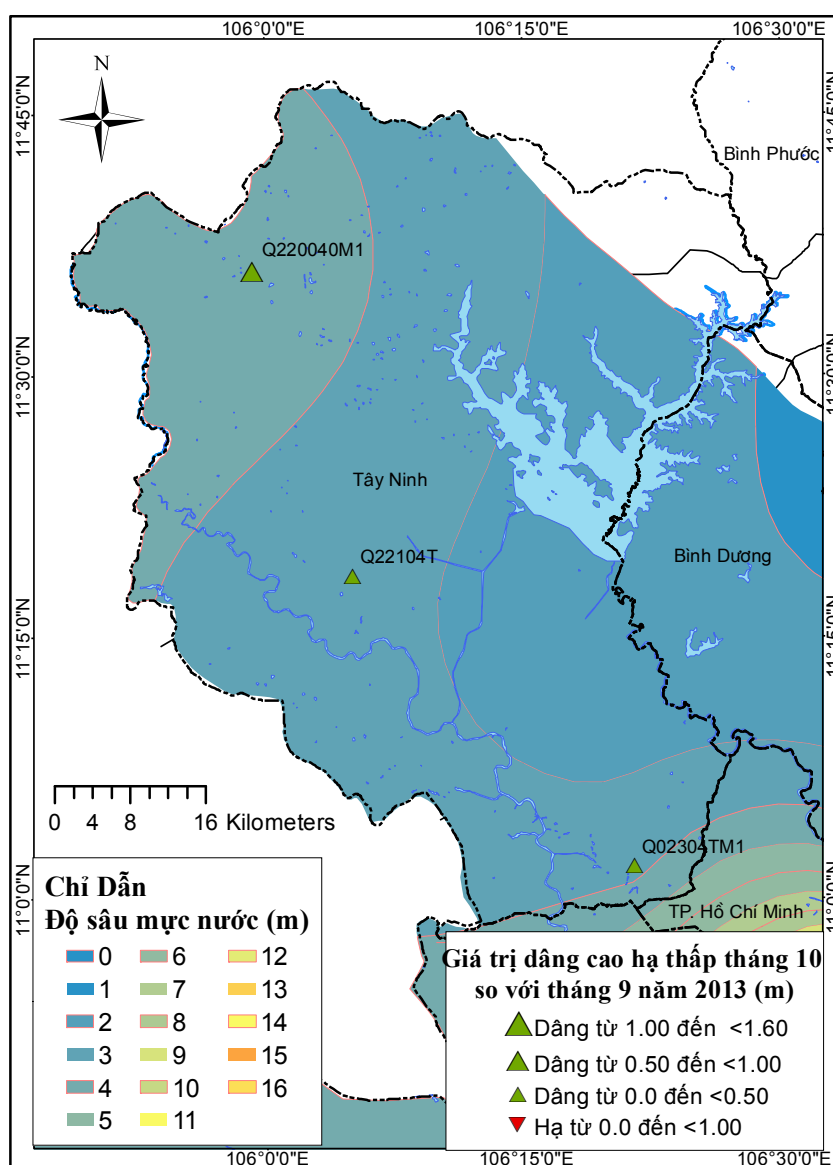
II.4.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp₁)

Nhận xét: nhìn chung trên toàn tỉnh, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,43m.

Giá trị dâng cao nhất là 0,60m tại xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q220040M1).

Mức nước nông nhất là 2,27m tại phường 1, TX Tây Ninh (Q22104T), mức nước sâu nhất là 3,83m tại xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q220040M1).

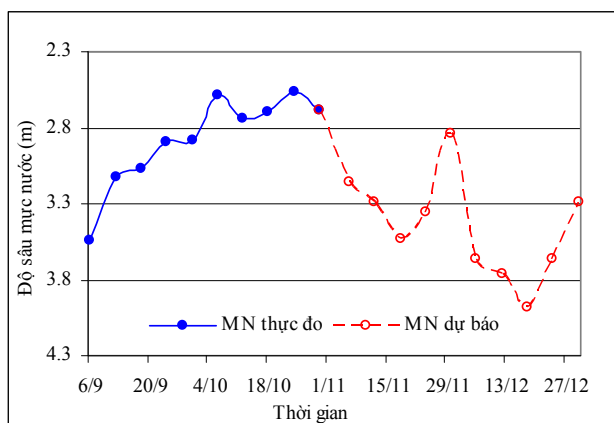
Dự báo: Trong tháng 11, 12 mức nước có xu hướng hạ thấp. Chi tiết diễn biến mức nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 25 và bảng 11).



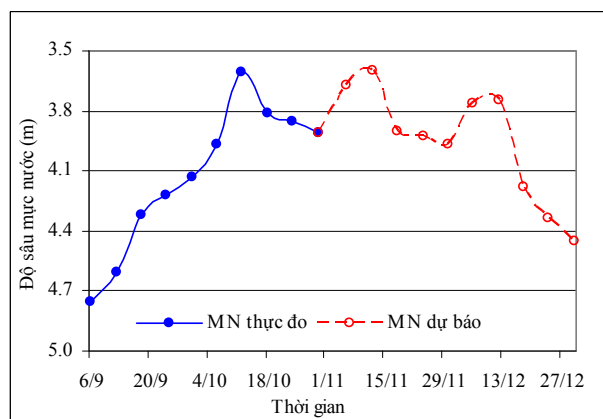
Hình 24. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng qp₁



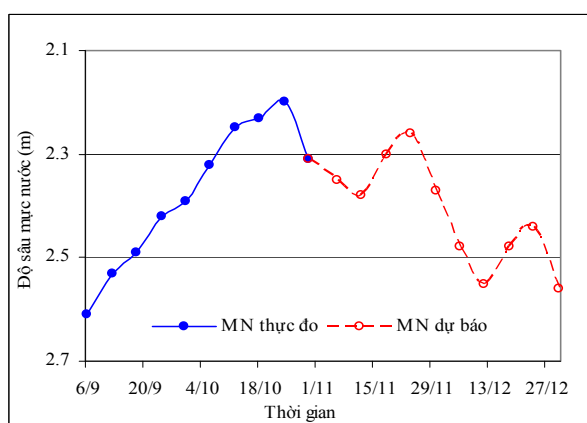
BỘ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC
QUỐC GIA



(a) TT Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng (Q02304TM1)



(b) xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q220040M1)



(c) Phường 1, huyện Tây Ninh (Q22104T)

Hình 25. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng q_{p1}

Bảng 11. Độ sâu mực nước tầng q_{p1} (m)

Ngày	TT Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng (Q02304TM1)			xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q220040M1)			Phường 1, TX Tây Ninh (Q22104T)		
	Mức nước thực đo tháng 10	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 10	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 10	Mức nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	2,59	3,16	3,66	3,97	3,67	3,76	2,32	2,35	2,48
12	2,74	3,29	3,76	3,61	3,60	3,75	2,25	2,38	2,55
18	2,7	3,53	3,98	3,81	3,90	4,18	2,23	2,30	2,48
24	2,56	3,36	3,66	3,85	3,93	4,34	2,2	2,26	2,44
30	2,68	2,84	3,29	3,91	3,97	4,45	2,31	2,37	2,56
TB	2,65	3,24	3,67	3,83	3,81	4,10	2,26	2,33	2,50

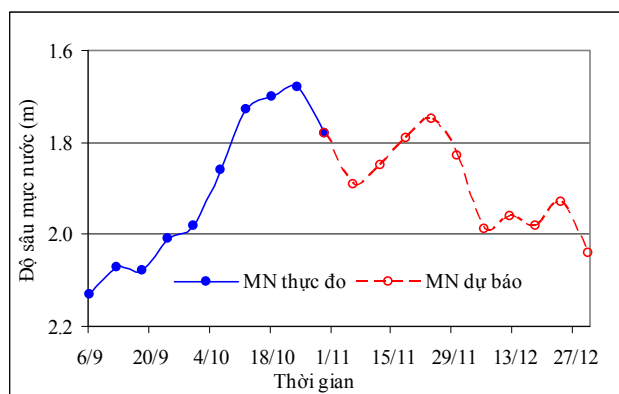
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.4.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)

Nhận xét: theo kết quả quan trắc giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,30m.

Tại phường 1, huyện Tây Ninh (Q22104Z) mực nước nông nhất là 1,68m, mực nước sâu nhất là 1,90m.

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước như hình vẽ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 26 và bảng 12).



Hình 26. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng n_2^2

Bảng 12. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

Ngày	phường 1, huyện Tây Ninh (Q22104Z)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	1,86	1,89	1,99
12	1,73	1,85	1,96
18	1,70	1,79	1,98
24	1,68	1,75	1,93
30	1,78	1,83	2,04
TB	1,75	1,82	1,98

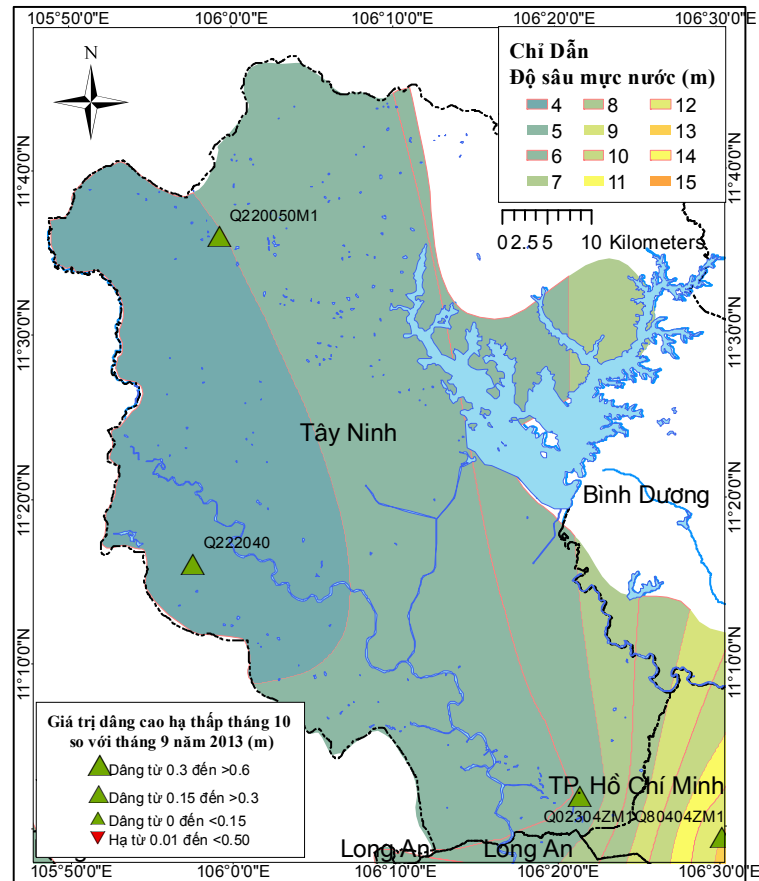
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.4.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)

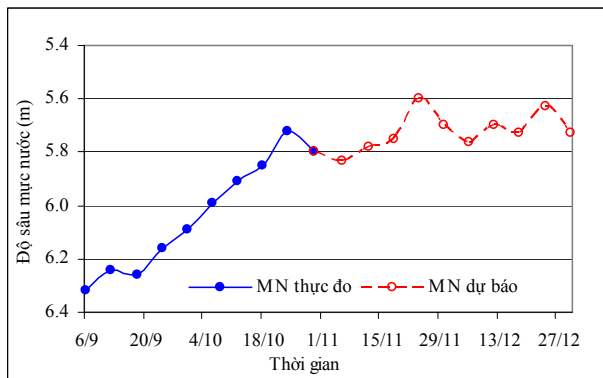
Nhận xét: nhìn chung trên toàn tỉnh, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,42m. Giá trị dâng cao nhất là 0,59m tại xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q220050M1).

Mức nước nông nhất là 4,38m tại xã Thành Long, huyện Châu Thành (Q222040), mức nước sâu nhất là 5,86m TT Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng (Q02304ZM1).

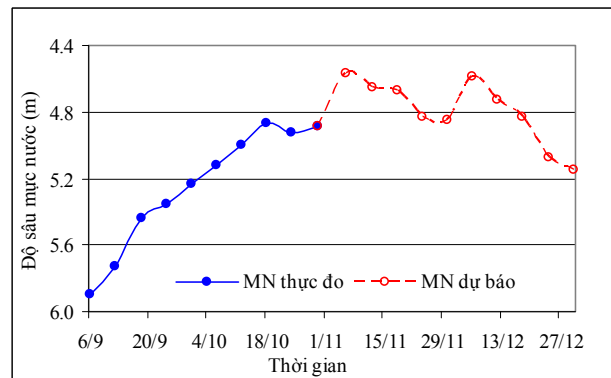
Dự báo: Trong tháng 11, 12 mức nước có xu hướng dâng lên. Chi tiết diễn biến mức nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 28 và bảng 13).



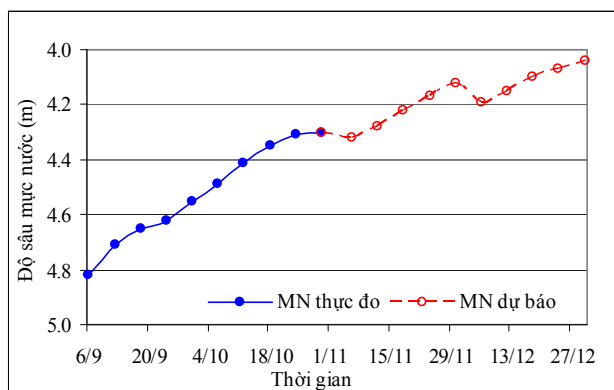
Hình 27. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng n_2^1



(a) TT Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng (Q02304ZM1)



(b) xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q220050M1)



(c) xã Thành Long, huyện Châu Thành (Q222040)

Hình 28. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng n_2^1

Bảng 13. Độ sâu mực nước tầng n_2^1 (m)

Ngày	TT Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng (Q02304ZM1)			xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q220050M1)			xã Thành Long, huyện Châu Thành (Q222040)		
	Mức nước thực đo tháng 10	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 10	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 10	Mức nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	5,99	5,83	5,76	5,12	4,57	4,59	4,49	4,32	4,19
12	5,91	5,78	5,70	5,00	4,65	4,73	4,41	4,28	4,15
18	5,85	5,75	5,73	4,87	4,67	4,83	4,35	4,22	4,10
24	5,72	5,60	5,63	4,92	4,83	5,07	4,31	4,17	4,07
30	5,80	5,70	5,73	4,89	4,85	5,15	4,30	4,12	4,04
TB	5,85	5,73	5,71	4,96	4,71	4,87	4,37	4,22	4,11

Cảnh báo: không có cảnh báo

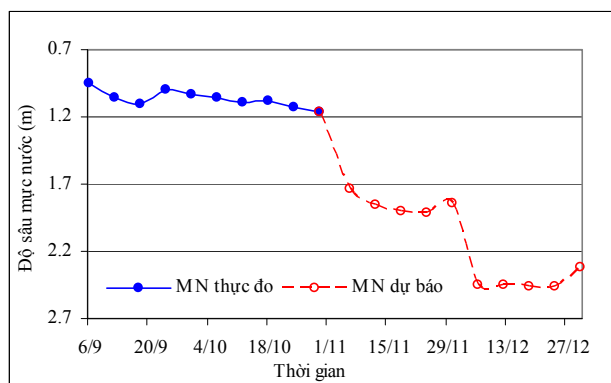
II.5. Tỉnh Đồng Nai:

II.5.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)

Nhận xét: theo kết quả quan trắc giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng hạ so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,07m.

Tại xã Sông Trầu, huyện Trảng Bòm (Q01001F) mực nước nông nhất là 1,04m, mực nước sâu nhất là 1,16m.

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước có xu hướng hạ thấp. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 29 và bảng 14).



Hình 29. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng qp₃

Bảng 14. Độ sâu mực nước tầng qp₃ (m)

Ngày	xã Sông Trầu, huyện Trảng Bòm (Q01001F)		
	Mức nước thực đo tháng 10	Mức nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	1,06	1,73	2,45
12	1,09	1,85	2,45
18	1,08	1,90	2,46
24	1,13	1,92	2,46
30	1,16	1,84	2,32
TB	1,10	1,85	2,43

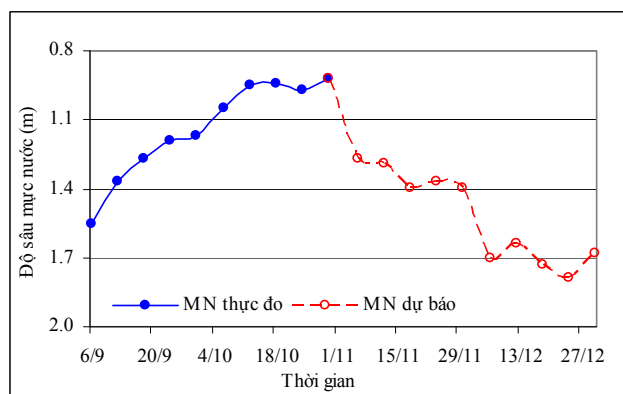
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.5.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

Nhận xét: theo kết quả quan trắc giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,36m.

Tại xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch (Q014340) mực nước nông nhất là 0,92m, mực nước sâu nhất là 1,15m.

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước có xu hướng hạ thấp. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 30 và bảng 15).



Hình 30. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng qp₂₋₃

Bảng 15. Độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃ (m)

Ngày	xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch (Q014340)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	1,05	1,27	1,70
12	0,95	1,29	1,64
18	0,94	1,40	1,73
24	0,97	1,37	1,79
30	0,92	1,40	1,68
TB	0,97	1,35	1,71

Cảnh báo: không có cảnh báo

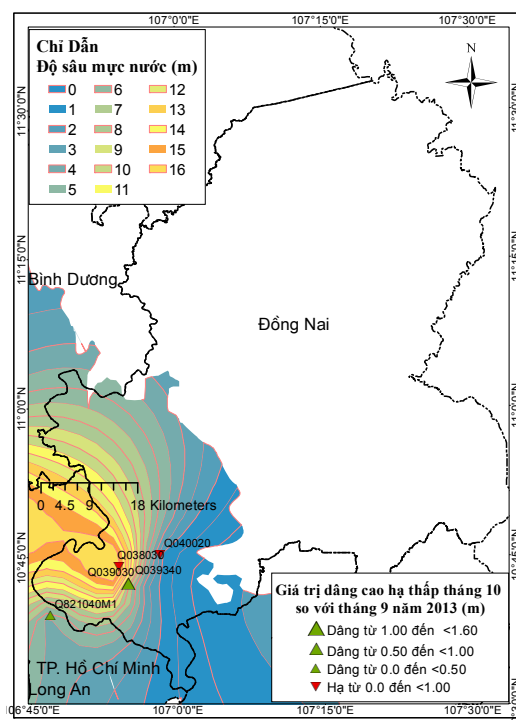
II.5.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp₁)

Nhận xét: nhìn chung trên toàn tỉnh, giá trị trung bình tháng 10 có cả hai xu hướng dâng cao và hạ thấp so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,36m.

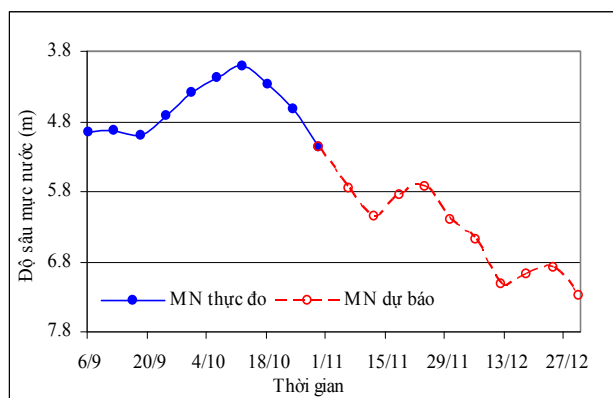
Giá trị dâng cao nhất là 0,77m tại xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch (Q039340) và hạ thấp nhất là 0,07 xã Long An, huyện Long Thành (Q040020)

Mực nước nông nhất là 1,08m tại xã Long An, huyện Long Thành (Q040020), mực nước sâu nhất là 12,11m tại xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch (Q039340).

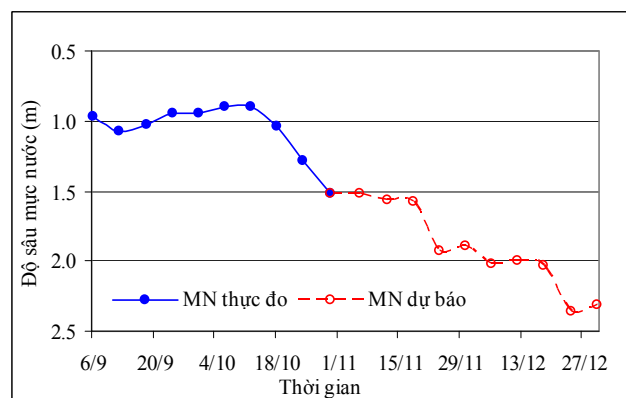
Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước có xu hướng hạ thấp. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 32 và bảng 16).



Hình 31. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng qp₁



(a) xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch (Q039030)



(b) xã Long An, huyện Long Thành (Q040020)

Hình 32. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng qp_1

Bảng 16. Độ sâu mực nước tầng qp_1 (m)

Ngày	xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch (Q039030)			xã Long An, huyện Long Thành (Q040020)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	4,17	5,76	6,49	0,90	1,52	2,02
12	4,01	6,16	7,12	0,90	1,57	2,00
18	4,27	5,84	6,97	1,04	1,58	2,03
24	4,63	5,73	6,88	1,28	1,93	2,36
30	5,16	6,21	7,29	1,52	1,89	2,31
TB	4,45	5,94	6,95	1,13	1,70	2,14

Cảnh báo: không có cảnh báo

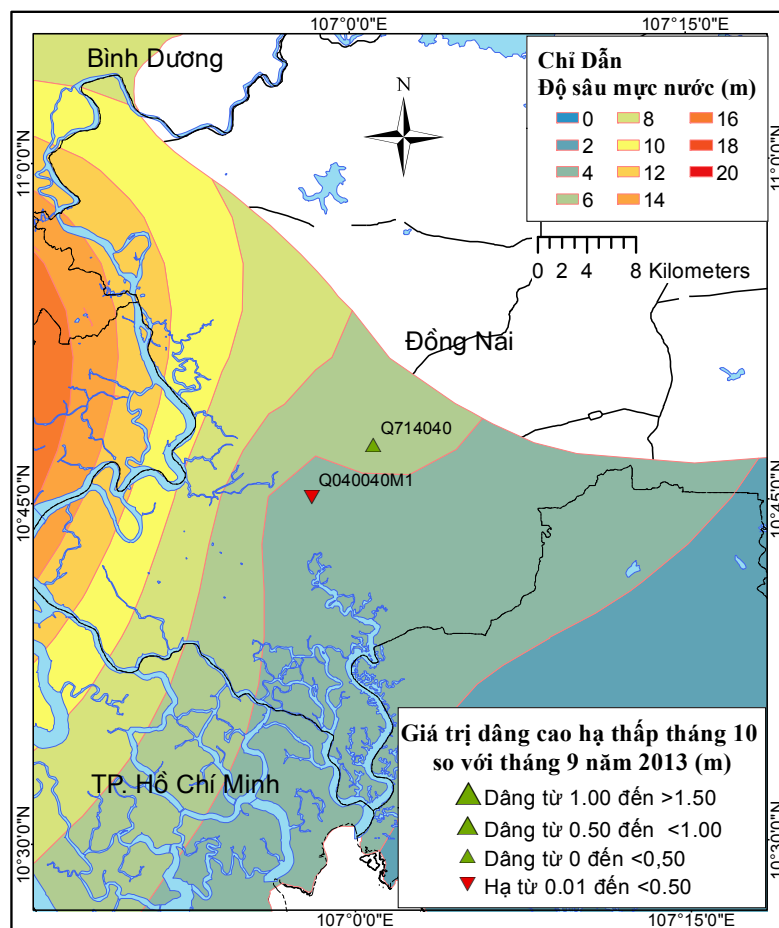
II.5.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)

Nhận xét: nhìn chung trên toàn tỉnh, giá trị trung bình tháng 10 có cả hai xu hướng dâng cao và hạ thấp, tuy nhiên xu thế dâng chiếm ưu thế so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,08m (xem hình)

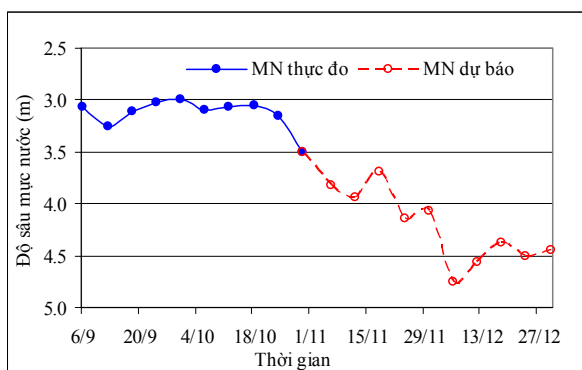
Giá trị dâng cao nhất là 0,19m tại xã Bình Sơn, huyện Long Thành (Q714040) và hạ thấp nhất là 0,03 xã Long An, huyện Long Thành (Q040040M1).

Mực nước nông nhất là 3,12m tại xã Long An, huyện Long Thành (Q040040M1), mực nước sâu nhất là 6,15m tại xã Bình Sơn, huyện Long Thành (Q714040).

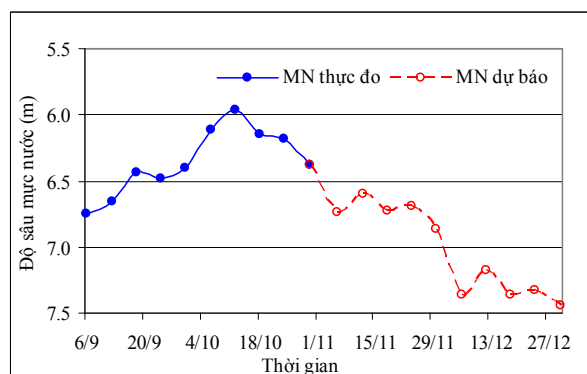
Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước có xu hướng hạ thấp. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 34 và bảng 17).



Hình 33. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng n_2^2



(a) xã Long An, huyện Long Thành (Q040040M1)



(b) xã Bình Sơn, huyện Long Thành (Q714040)

Hình 34. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng n_2^2

Bảng 17. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

Ngày	xã Long An, huyện Long Thành (Q040040M1)			xã Bình Sơn, huyện Long Thành (Q714040)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	3,09	3,82	4,76	6,11	6,74	7,36
12	3,06	3,94	4,56	5,96	6,60	7,18
18	3,05	3,69	4,37	6,15	6,72	7,36
24	3,16	4,14	4,51	6,18	6,69	7,33
30	3,51	4,07	4,45	6,38	6,86	7,44
TB	3,17	3,93	4,53	6,16	6,72	7,33

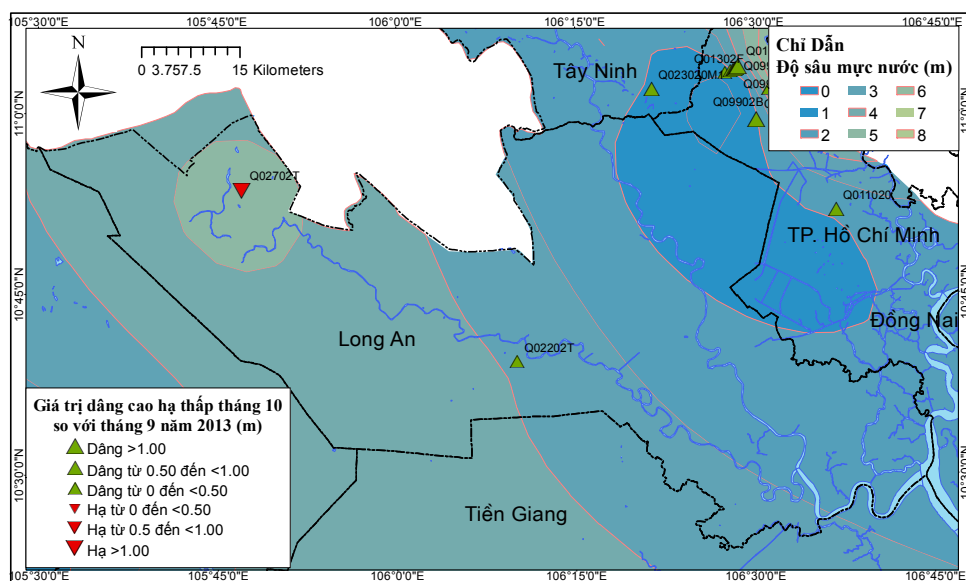
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.6. Tỉnh Long An:

II.6.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)

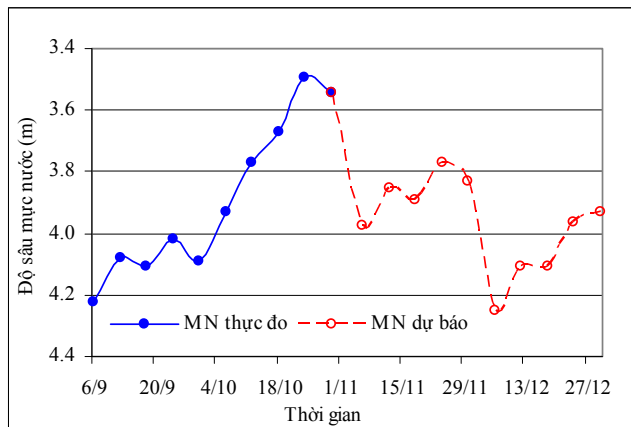
Nhận xét: nhìn chung trên toàn tỉnh, giá trị trung bình tháng 10 có cả hai xu hướng dâng cao và hạ thấp so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,55m. Giá trị dâng cao nhất là 0,40m tại TT Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa (Q02202T) và hạ thấp nhất là 1,51 tại TT Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng (Q02702T).

Mực nước nông nhất là 3,93m tại TT Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa (Q02202T), mực nước sâu nhất là 5,63m tại TT Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng (Q02702T).



Hình 35. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng qp_3

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước có xu hướng hạ thấp. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 36 và bảng 18).



Hình 36. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng qp₃

Bảng 18. Độ sâu mực nước tầng qp₃ (m)

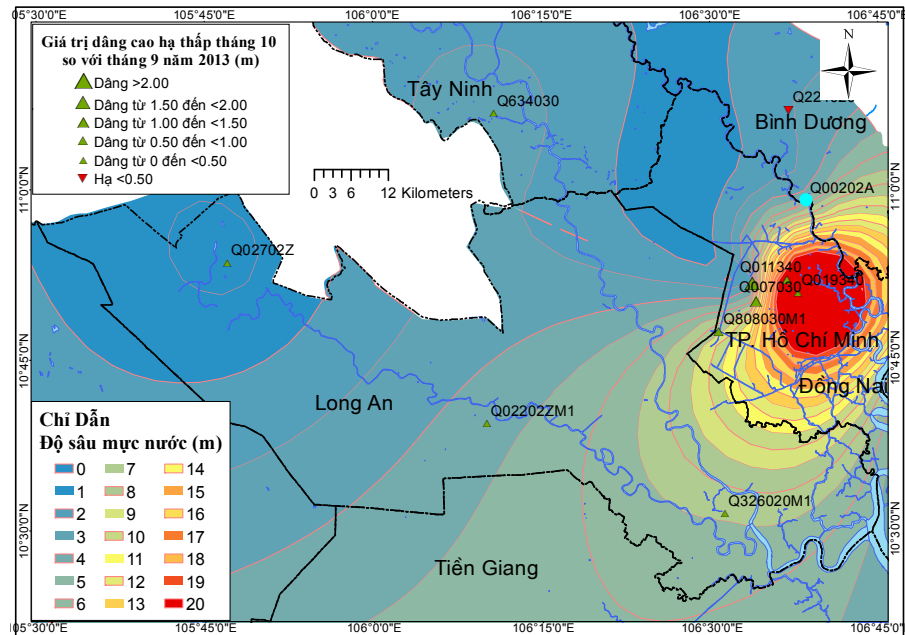
Ngày	TT Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa (Q02202T)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	3,93	3,98	4,25
12	3,77	3,85	4,11
18	3,67	3,89	4,11
24	3,49	3,77	3,96
30	3,54	3,83	3,93
TB	3,68	3,86	4,07

Cảnh báo: không có cảnh báo

II.6.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

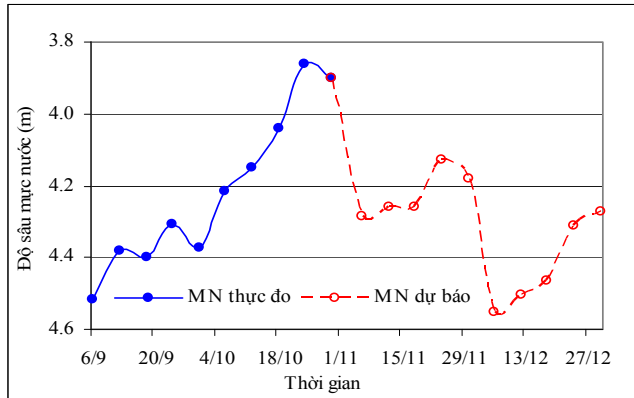
Nhận xét: nhìn chung trên toàn tỉnh, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,25m. Giá trị dâng cao nhất là 0,35m tại TT Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa (Q02202ZM1).

Mực nước nông nhất là 4,59m tại TT Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa (Q02202ZM1), mực nước sâu nhất là 7,10m tại TT Tân Trụ, huyện Tân Trụ (Q326020M1).

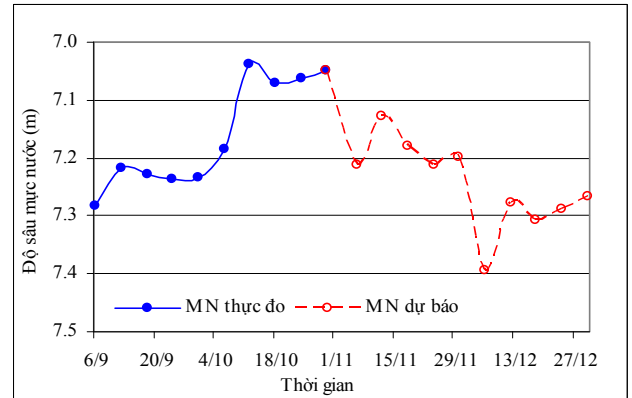


Hình 37. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng qp₂₋₃

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước có xu hướng hạ thấp. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 38 và bảng 19).



(a) TT Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa (Q02202ZM1)



(b) TT Tân Trụ, huyện Tân Trụ (Q326020M1)

Hình 38. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng qp₂₋₃

Bảng 19. Độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃ (m)

Ngày	TT Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa (Q02202ZM1)			TT Tân Trụ, huyện Tân Trụ (Q326020M1)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	4,22	4,29	4,55	7,23	7,21	7,39

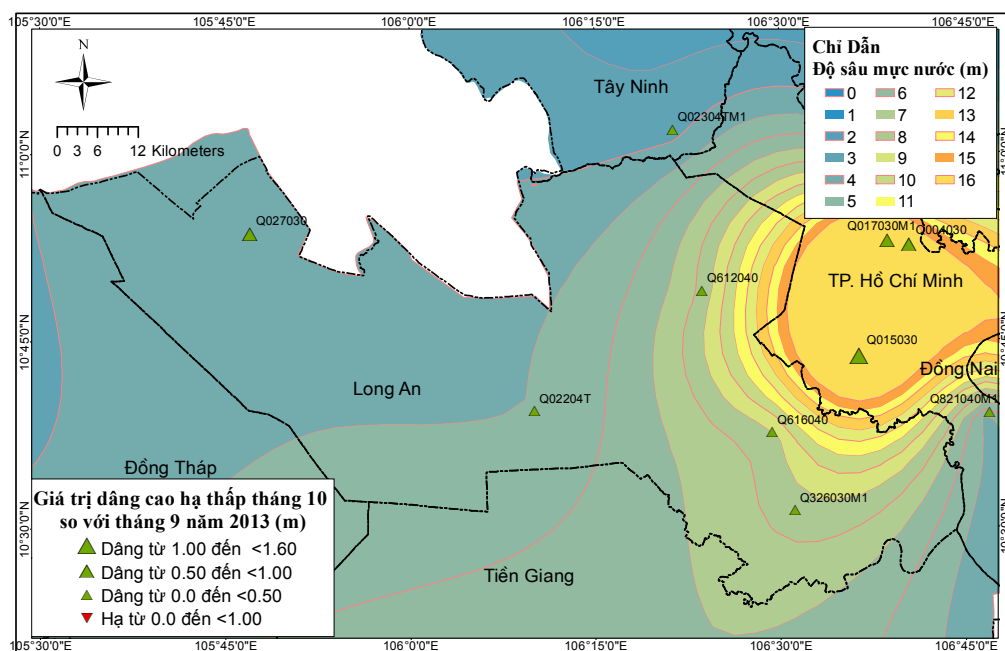
12	4,15	4,26	4,50	7,18	7,13	7,28
18	4,04	4,26	4,47	7,04	7,18	7,31
24	3,86	4,13	4,31	7,07	7,21	7,29
30	3,90	4,18	4,27	7,06	7,20	7,27
TB	4,03	4,22	4,42	7,08	7,19	7,31

Cảnh báo: không có cảnh báo

II.6.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp₁)

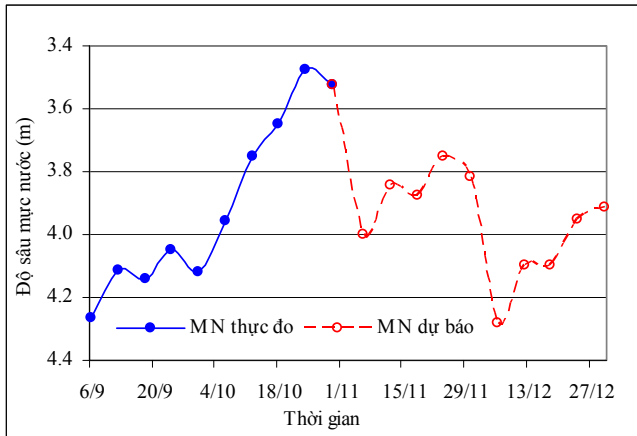
Nhận xét: nhìn chung trên toàn tỉnh, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,37m. Giá trị dâng cao nhất là 0,76m tại TT Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng (Q027030).

Mực nước nông nhất là 3,95m tại TT Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng (Q027030), mực nước sâu nhất là 7,68m tại TT Tân Trụ, huyện Tân Trụ (Q326030M1).

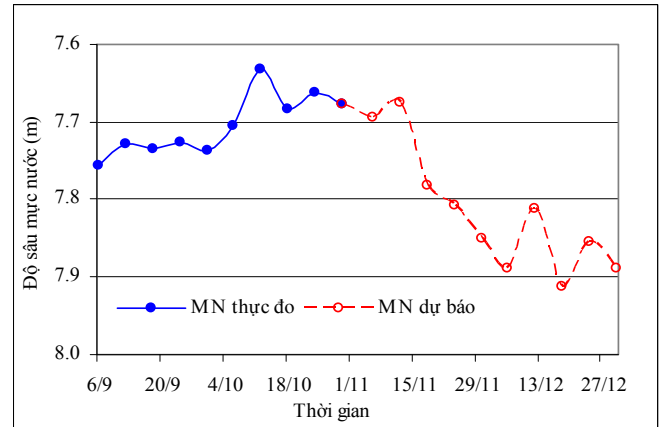


Hình 39. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng qp₁

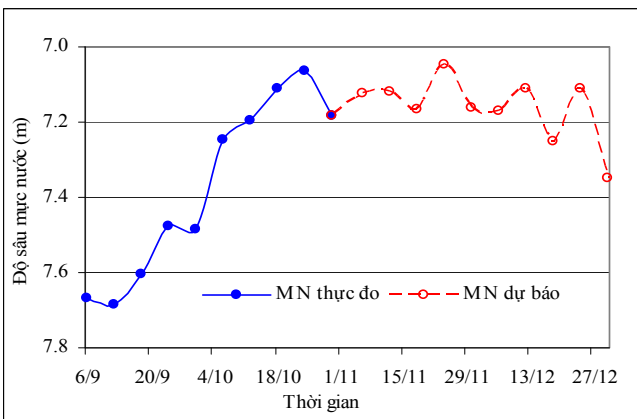
Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước có xu hướng hạ thấp. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 40 và bảng 20).



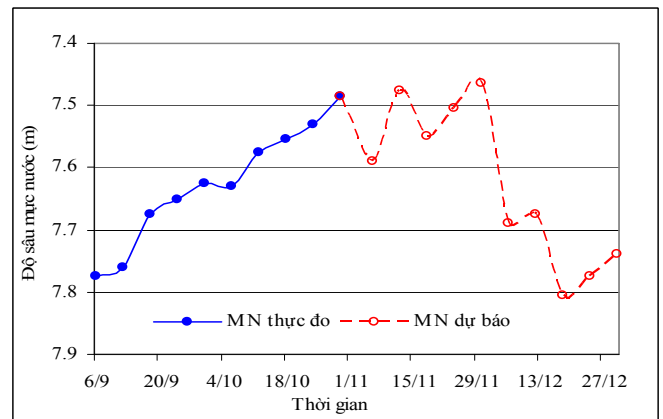
(a) TT Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa (Q02204T)



(b) TT Tân Trụ, huyện Tân Trụ (Q326030M1)



(c) xã Hòa Khánh Nam, huyện Đức Hòa (Q612040)



(d) TT Bến Lức, huyện Bến Lức (Q616040)

Hình 40. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tăng q_{p1}

Bảng 20. Độ sâu mực nước tăng q_{p1} (m)

Ngày	TT Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa (Q02204T)			TT Tân Trụ, huyện Tân Trụ (Q326030M1)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	3,96	4,00	4,28	7,70	7,69	7,89
12	3,75	3,84	4,10	7,63	7,68	7,81
18	3,65	3,88	4,10	7,68	7,78	7,91
24	3,48	3,75	3,95	7,66	7,81	7,85
30	3,52	3,81	3,91	7,68	7,85	7,89
TB	3,67	3,86	4,07	7,67	7,76	7,87

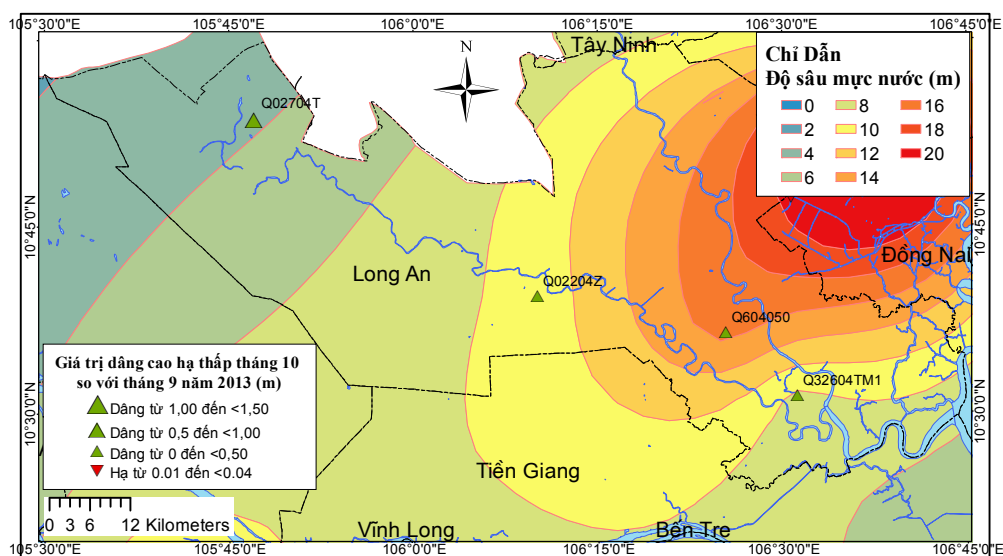
Ngày	xã Hòa Khánh Nam, huyện Đức Hòa (Q612040)			TT Bến Lức, huyện Bến Lức (Q616040)		
	Mức nước thực đo tháng 10	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 10	Mức nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	7,25	7,13	7,17	7,63	7,59	7,69
12	7,20	7,12	7,11	7,58	7,48	7,68
18	7,11	7,17	7,25	7,56	7,55	7,81
24	7,07	7,05	7,11	7,53	7,51	7,78
30	7,19	7,16	7,35	7,49	7,47	7,74
TB	7,16	7,12	7,20	7,56	7,52	7,74

Cảnh báo: không có cảnh báo

II.6.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)

Nhận xét: nhìn chung trên toàn tỉnh, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,32m. Giá trị dâng cao nhất là 0,74m tại TT Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng (Q02704T).

Mức nước nông nhất là 4,81m tại TT Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng (Q02704T), mức nước sâu nhất là 15,90m tại xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa (Q604050).

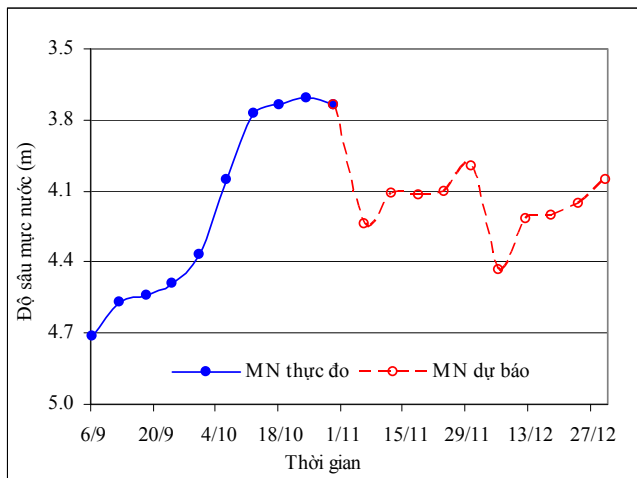


Hình 41. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng n_2^2

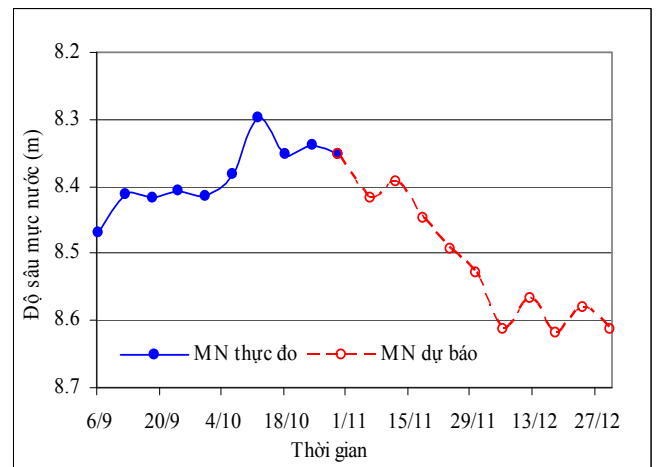
Dự báo: Trong tháng 11, 12 mức nước có xu hướng hạ thấp. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 42 và bảng 21).



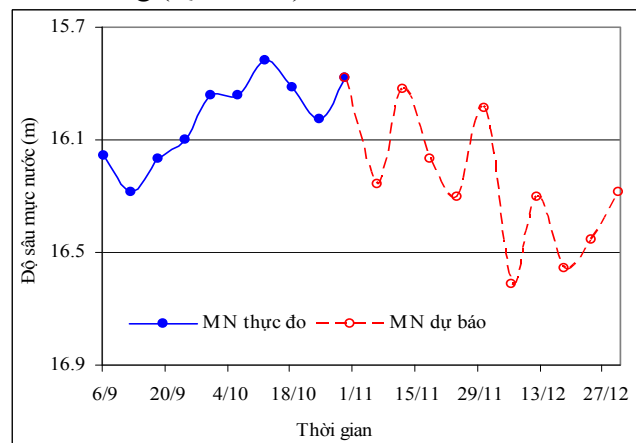
BỘ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC
QUỐC GIA



(a) TT Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng (Q02704T)



(b) TT Tân Trụ, huyện Tân Trụ (Q32604TM1)



(c) xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa (Q604050)

Hình 42. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng n_2^2

Bảng 21. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

Ngày	TT Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng (Q02704T)			TT Tân Trụ, huyện Tân Trụ (Q32604TM1)			xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa (Q604050)		
	Mức nước thực đo tháng 10	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 10	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 10	Mức nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	4,06	4,24	4,44	8,38	8,42	8,61	15,95	16,26	16,61
12	3,77	4,11	4,22	8,30	8,39	8,57	15,82	15,92	16,31
18	3,74	4,12	4,20	8,35	8,45	8,62	15,92	16,17	16,56
24	3,71	4,11	4,15	8,34	8,49	8,58	16,03	16,31	16,46
30	3,74	4,00	4,06	8,35	8,53	8,61	15,88	15,99	16,29
TB	3,80	4,11	4,21	8,35	8,46	8,60	15,92	16,13	16,44

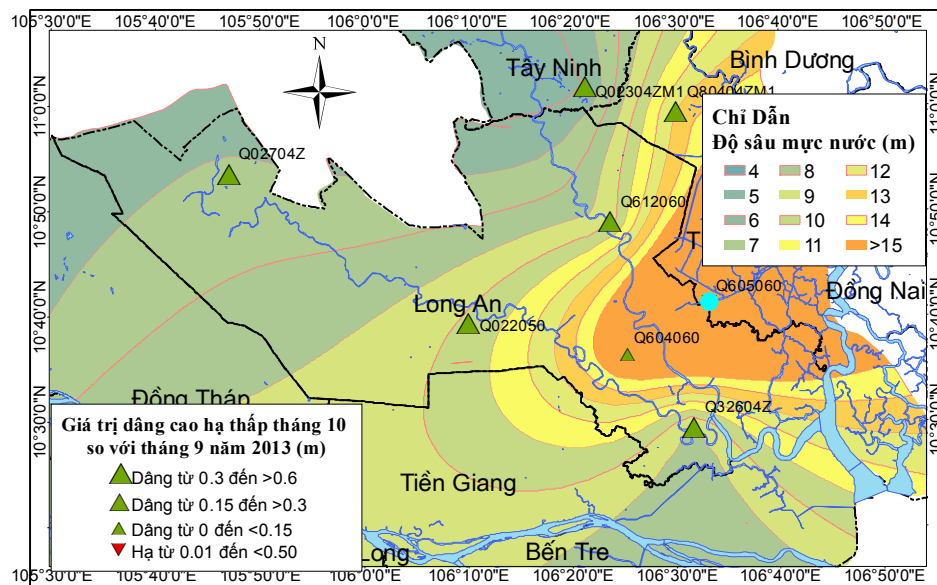
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.6.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)

Nhận xét: nhìn chung trên toàn tỉnh, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,38m.

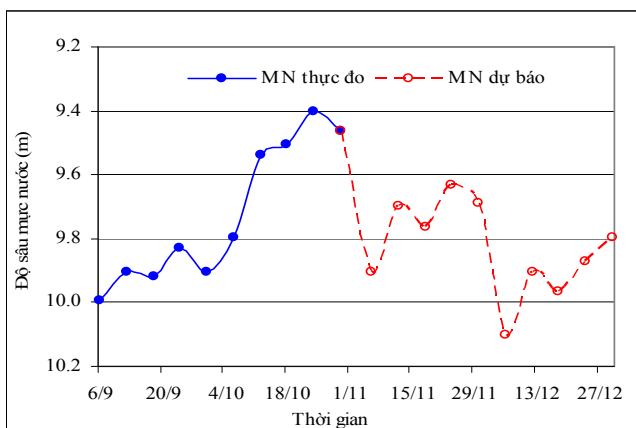
Giá trị dâng cao nhất là 0,62m tại TT Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng (Q02704Z).

Mức nước nông nhất là 7,27m tại TT Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng. (Q02704Z), mức nước sâu nhất là 17,19m tại xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa (Q604060).

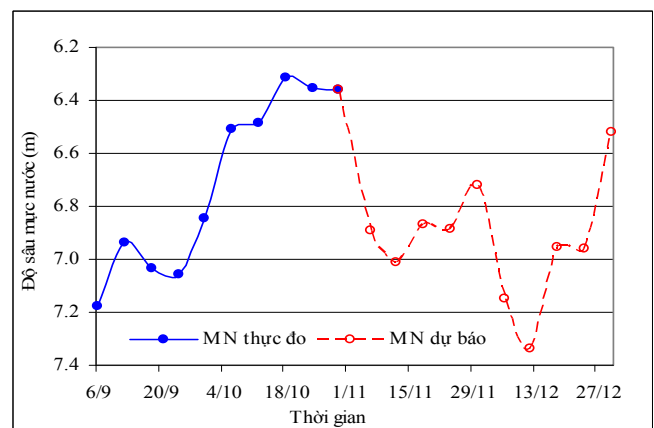


Hình 43. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng n_2^1

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước như hình vẽ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 44 và bảng 22).



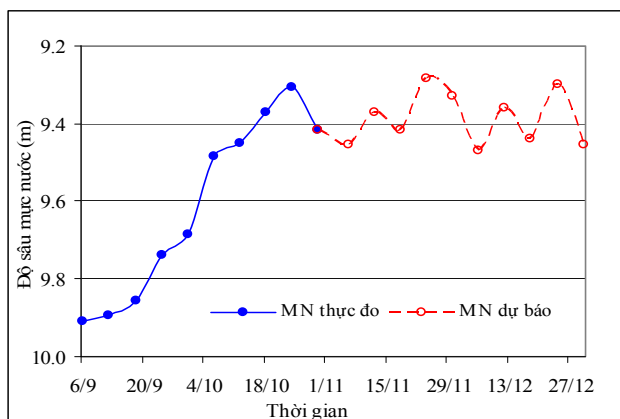
(a) TT Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa (Q022050)



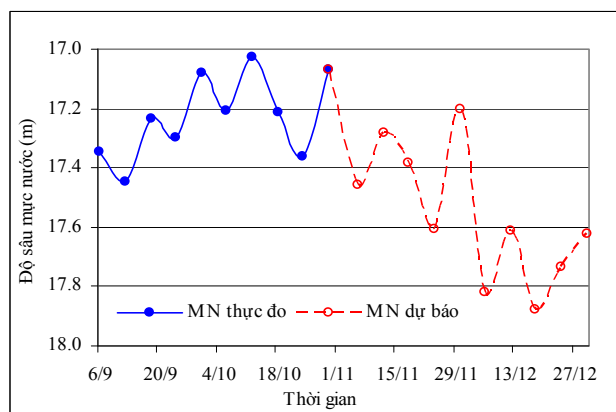
(b) TT Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng (Q02704Z)



BỘ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC
QUỐC GIA



(c) xã Hòa Khánh Nam, huyện Đức Hòa (Q612060)



(d) xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa (Q604060)

Hình 44. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng n_2^1

Bảng 22. Độ sâu mực nước tầng n_2^1 (m)

Ngày	TT Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa (Q022050)			TT Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng (Q02704Z)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	9,80	9,90	10,10	6,51	6,89	7,15
12	9,54	9,70	9,90	6,49	7,01	7,34
18	9,51	9,76	9,97	6,32	6,87	6,96
24	9,40	9,63	9,87	6,36	6,89	6,96
30	9,46	9,69	9,80	6,36	6,72	6,52
TB	9,54	9,74	9,93	6,41	6,88	6,98
Ngày	xã Hòa Khánh Nam, huyện Đức Hòa (Q612060)			xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa (Q604060)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	9,49	9,46	9,47	17,21	17,46	17,82
12	9,45	9,37	9,36	17,03	17,28	17,61
18	9,37	9,42	9,44	17,22	17,39	17,88
24	9,31	9,29	9,30	17,36	17,61	17,74
30	9,42	9,33	9,46	17,07	17,20	17,62
TB	9,41	9,37	9,41	17,18	17,39	17,73

Cảnh báo: không có cảnh báo

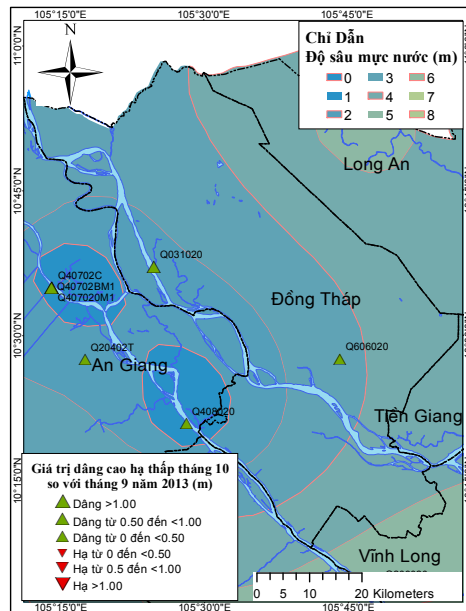
II.7. Tỉnh Đồng Tháp:

II.7.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp₃)

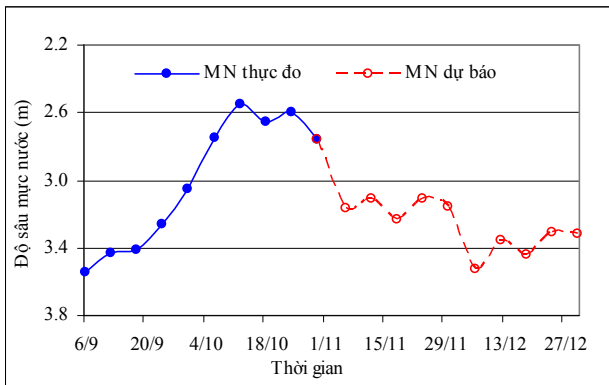
Nhận xét: nhìn chung trên toàn tỉnh, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,46m. Giá trị dâng cao nhất là 0,71m tại xã An Phong, huyện Thanh Bình (Q031020)

Mực nước nông nhất là 2,68m tại xã An Phong, huyện Thanh Bình (Q031020), mực nước sâu nhất là 3,79m tại xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh (Q606020).

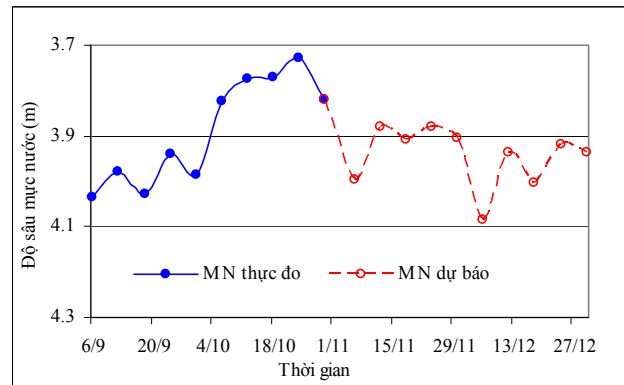
Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước có xu hướng hạ thấp. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 46 và bảng 23).



Hình 45. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng qp₃



(a) xã An Phong, huyện Thanh Bình (Q031020)



(b) xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh (Q606020)

Hình 46. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng qp₃

Bảng 23. Độ sâu mực nước tầng qp₃ (m)

Ngày	xã An Phong, huyện Thanh Bình (Q031020)			xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh (Q606020)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	2,75	3,17	3,52	3,83	4,00	4,09
12	2,55	3,11	3,35	3,78	3,88	3,94
18	2,65	3,23	3,44	3,77	3,91	4,01
24	2,59	3,11	3,31	3,73	3,88	3,92
30	2,76	3,16	3,32	3,82	3,91	3,94
TB	2,66	3,16	3,39	3,78	3,91	3,98

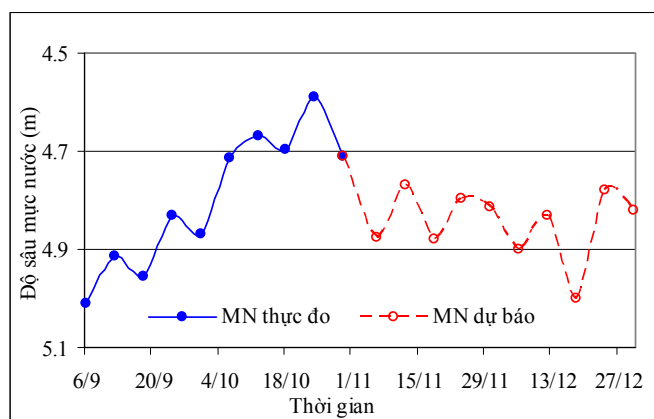
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.7.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

Nhận xét: theo kết quả quan trắc giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,26m.

Tại xã Hòa Long, huyện Lai Vung (Q206020M1) mực nước nông nhất là 4,59m, mực nước sâu nhất là 4,76m.

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước như hình vẽ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 47 và bảng 24).



Hình 47. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng qp₂₋₃

Bảng 24. Độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃ (m)

Ngày	xã Hòa Long, huyện Lai Vung (Q206020M1)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	4,72	4,88	4,90
12	4,67	4,77	4,83

18	4,70	4,88	5,00
24	4,59	4,80	4,78
30	4,71	4,82	4,82
TB	4,68	4,83	4,87

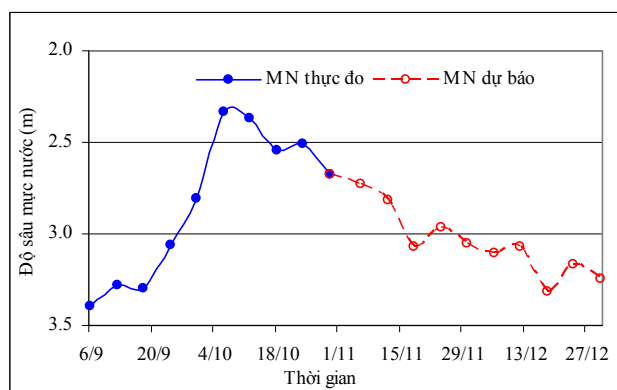
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.7.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp_1)

Nhận xét: theo kết quả quan trắc giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,75m.

Tại xã An Phong, huyện Thanh Bình (Q031030) mực nước nông nhất là 2,00m, mực nước sâu nhất là 2,74m.

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước có xu hướng hạ thấp. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 48 và bảng 25).



Hình 48. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng qp_1

Bảng 25. Độ sâu mực nước tầng qp_1 (m)

Ngày	xã An Phong, huyện Thanh Bình (Q031030)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	2,34	2,72	3,10
12	2,37	2,81	3,07
18	2,54	3,07	3,32
24	2,51	2,97	3,17
30	2,68	3,06	3,25
TB	2,49	2,93	3,18

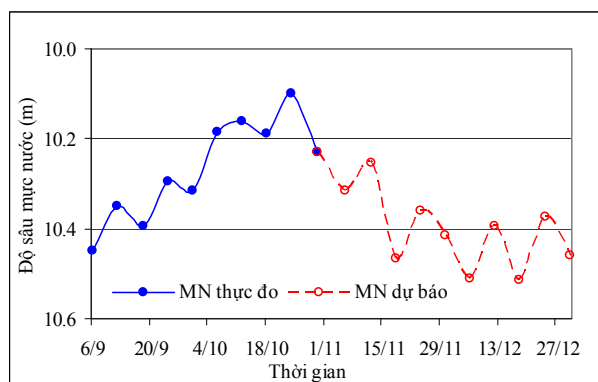
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.7.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)

Nhận xét: theo kết quả quan trắc giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,20m.

Tại xã Hòa Long, huyện Lai Vung (Q206030M1) mực nước nông nhất là 10,10m, mực nước sâu nhất là 10,23m.

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước như hình vẽ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 49 và bảng 26).



Hình 49. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng n_2^2

Bảng 26. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

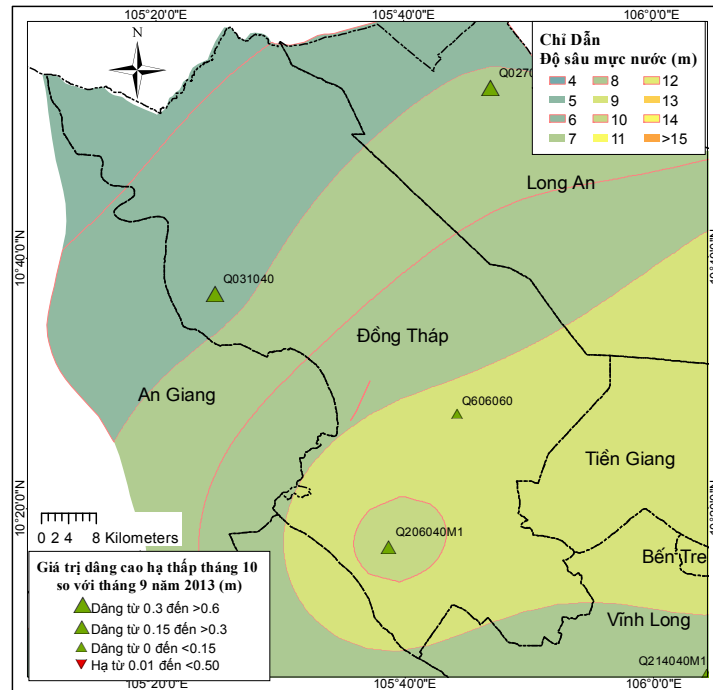
Ngày	xã Hòa Long, huyện Lai Vung (Q206030M1)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	10,19	10,32	10,51
12	10,16	10,26	10,40
18	10,19	10,47	10,52
24	10,10	10,36	10,38
30	10,23	10,42	10,46
TB	10,17	10,36	10,45

Cảnh báo: không có cảnh báo

II.7.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)

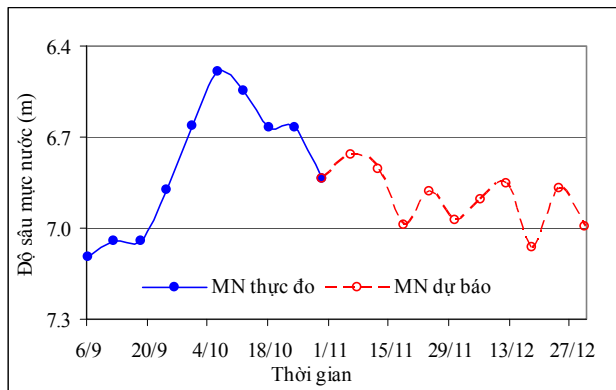
Nhận xét: nhìn chung trên toàn tỉnh, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,21m.

Giá trị dâng cao nhất là 0,36m tại xã An Phong, huyện Thanh Bình (Q031040). Mực nước nông nhất là 6,63m tại xã An Phong, huyện Thanh Bình (Q031040), mực nước sâu nhất là 10,57m tại xã Hòa Long, huyện Lai Vung (Q206040M1).

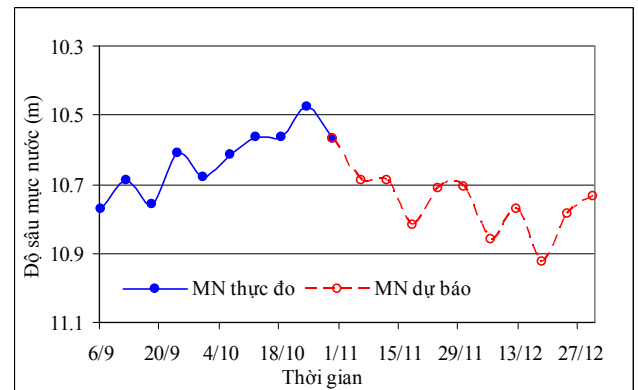


Hình 50. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng n_2^I

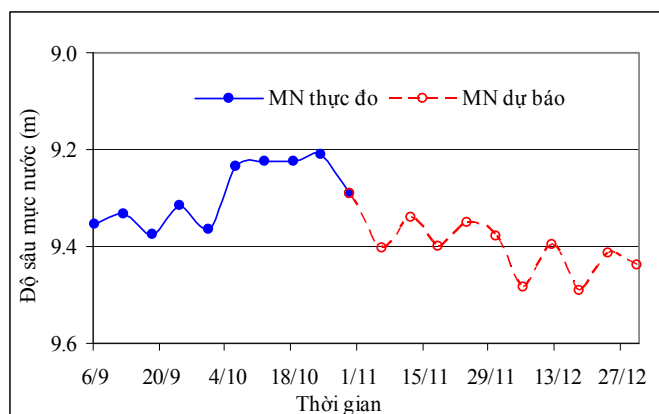
Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước có xu hướng hạ thấp. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 51 và bảng 27).



(a) xã An Phong, huyện Thanh Bình (Q031040)



(b) xã Hòa Long, huyện Lai Vung (Q206040M1)



(c) xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh (Q606060)

Hình 51. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng n_2^1

Bảng 27. Độ sâu mực nước tầng n_2^1 (m)

Ngày	xã An Phong, huyện Thanh Bình (Q031040)			xã Hòa Long, huyện Lai Vung (Q206040M1)			xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh (Q606060)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	6,48	6,76	6,91	10,62	10,69	10,86	9,24	9,41	9,49
12	6,55	6,80	6,85	10,57	10,69	10,77	9,23	9,34	9,40
18	6,67	6,99	7,06	10,57	10,82	10,93	9,23	9,40	9,49
24	6,67	6,88	6,87	10,48	10,71	10,79	9,21	9,35	9,42
30	6,84	6,97	7,00	10,57	10,71	10,74	9,29	9,38	9,44
TB	6,64	6,88	6,94	10,56	10,72	10,82	9,24	9,38	9,45

Cảnh báo: không có cảnh báo

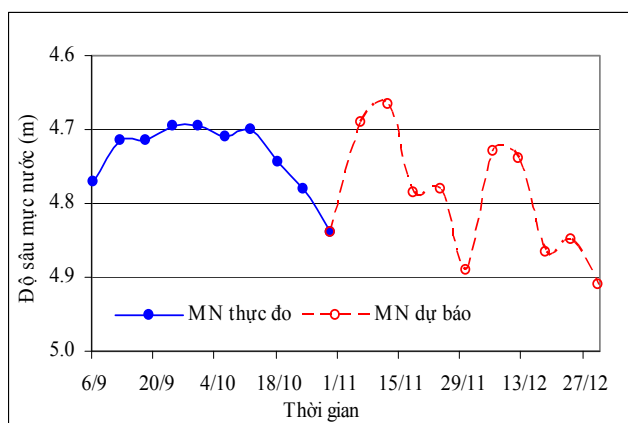
II.8. Tỉnh Bến Tre:

II.8.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)

Nhận xét: theo kết quả quan trắc mực nước, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng hạ thấp so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,02m.

Tại TT Ba Tri, huyện Ba Tri (Q219020M1) mực nước nông nhất là 4,69m, mực nước sâu nhất là 4,84m.

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước như hình vẽ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 52 và bảng 28).



Hình 52. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng qp₃

Bảng 28. Độ sâu mực nước tầng qp₃ (m)

Ngày	TT Ba Tri, huyện Ba Tri (Q219020M1)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	4,71	4,69	4,73
12	4,70	4,67	4,74
18	4,75	4,79	4,87
24	4,78	4,78	4,85
30	4,84	4,89	4,91
TB	4,76	4,76	4,82

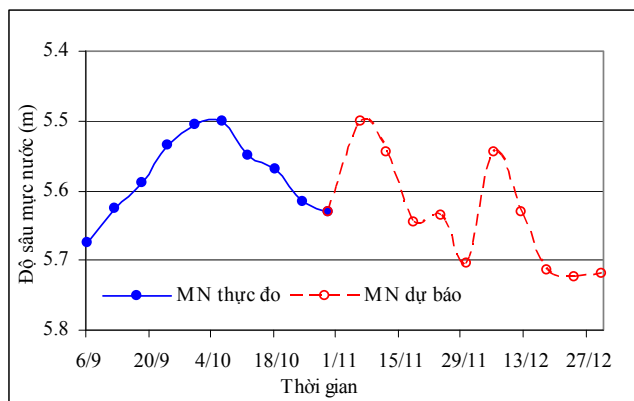
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.8.2. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp₁)

Nhận xét: theo kết quả quan trắc mực nước, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng cao so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,03m.

Tại TT Ba Tri, huyện Ba Tri (Q219030) mực nước nông nhất là 5,50m, mực nước sâu nhất là 5,63m.

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước như hình vẽ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 53 và bảng 29).



Hình 53. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng qp_1

Bảng 29. Độ sâu mực nước tầng qp_1 (m)

Ngày	TT Ba Tri, huyện Ba Tri (Q219030)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	5,50	5,50	5,55
12	5,55	5,55	5,63
18	5,57	5,65	5,72
24	5,62	5,64	5,73
30	5,63	5,71	5,72
TB	5,57	5,61	5,67

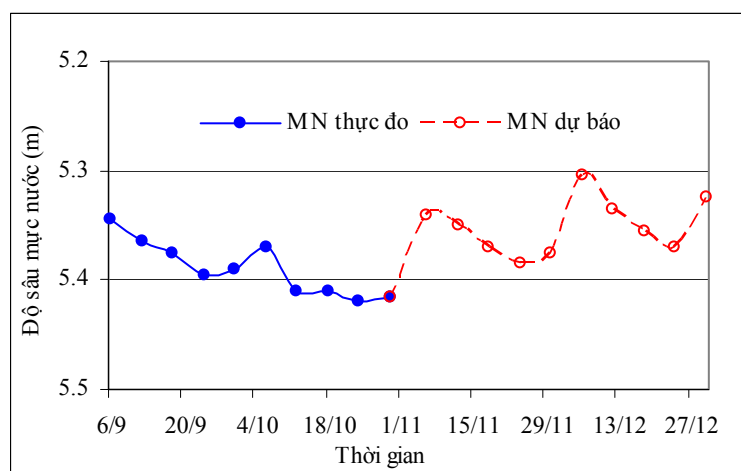
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.8.3. Tầng chứa nước Miocen giữa - trên (n_1^{2-3})

Nhận xét: theo kết quả quan trắc mực nước, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng hạ thấp so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,03m.

Tại TT Ba Tri, huyện Ba Tri (Q219020M1) mực nước nông nhất là 5,37m, mực nước sâu nhất là 5,42m.

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước như hình vẽ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 54 và bảng 30).



Hình 54. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng n_1^{2-3}

Bảng 30. Độ sâu mực nước tầng n_1^{2-3} (m)

Ngày	TT Ba Tri, huyện Ba Tri (Q219050)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	5,37	5,34	5,31
12	5,41	5,35	5,34
18	5,41	5,37	5,36
24	5,42	5,39	5,37
30	5,42	5,38	5,33
TB	5,41	5,36	5,34

Cảnh báo: không có cảnh báo

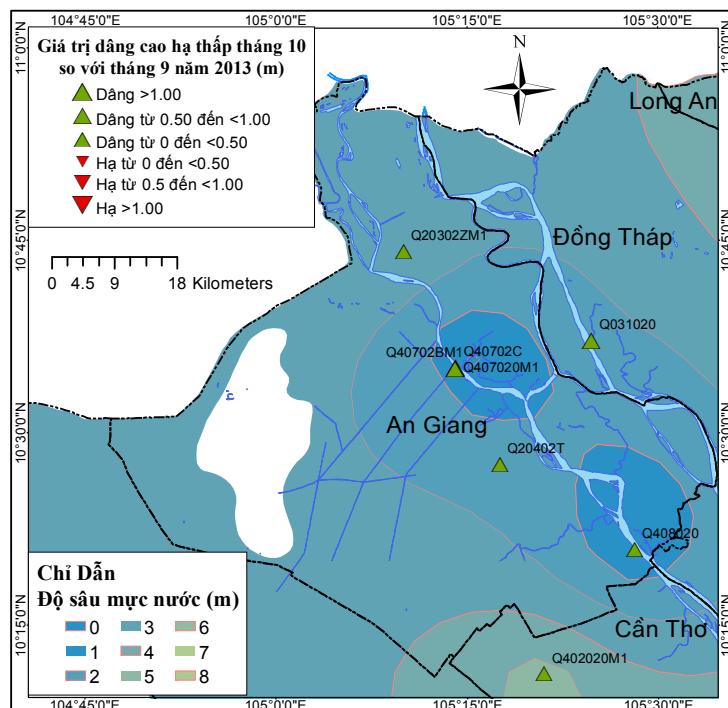
II.9. Tỉnh An Giang:

II.9.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp₃)

Nhận xét: nhìn chung trên toàn tỉnh, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,47m.

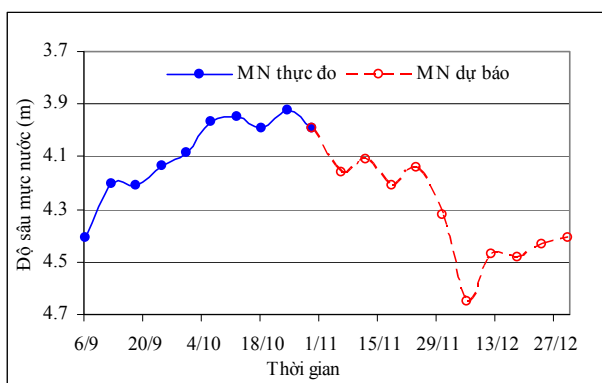
Giá trị dâng cao nhất là 0,72m tại TT Cái Dầu, huyện Châu Phước (Q407020M1).

Mực nước nông nhất là 0,44m tại TT Cái Dầu, huyện Châu Phước (Q40702C), mực nước sâu nhất là 3,96m xã Lê Chánh, huyện Tân Châu (Q20302ZM1).

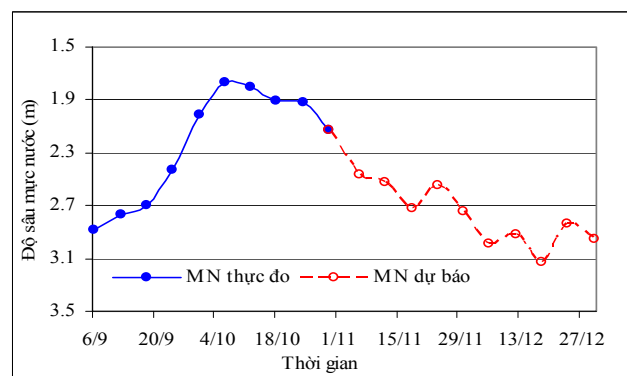


Hình 55. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng qp₃

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước có xu hướng hạ thấp. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 56 và bảng 31).



(a) xã Lê Chánh, huyện Tân Châu (Q20302ZM1)



(b) TT.Cái Dầu, huyện Châu Phước (Q407020M1)

Hình 56. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng qp₃

Bảng 31. Độ sâu mực nước tầng qp₃ (m)

Ngày	xã Lê Chánh, huyện Tân Châu (Q20302ZM1)			TT Cái Dầu, huyện Châu Phước (Q407020M1)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	3,97	4,16	4,65	1,77	2,47	2,99

12	3,95	4,11	4,47	1,80	2,52	2,91
18	3,99	4,21	4,48	1,91	2,72	3,12
24	3,93	4,14	4,44	1,92	2,55	2,84
30	3,99	4,32	4,41	2,13	2,75	2,95
TB	3,97	4,19	4,49	1,90	2,60	2,96

Cảnh báo: không có cảnh báo

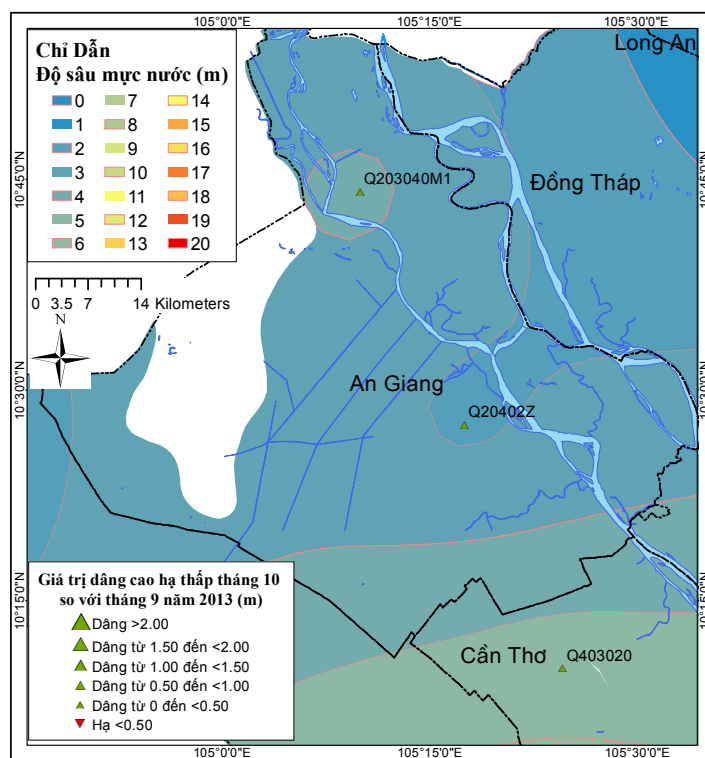
II.9.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

Nhận xét: nhìn chung trên toàn tỉnh, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,30m.

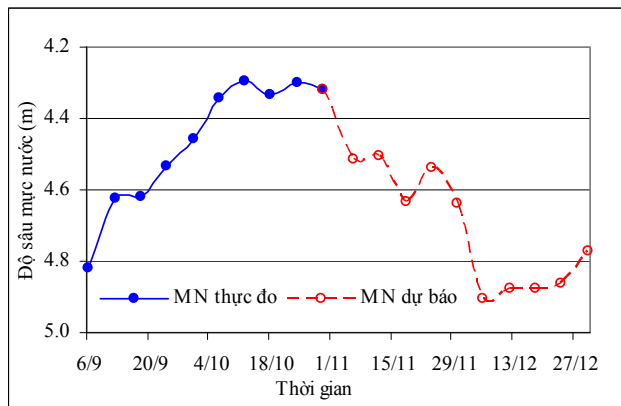
Giá trị dâng cao nhất là 0,31m tại xã Lê Chánh, huyện Tân Châu (Q203040M1).

Mức nước nông nhất là 2,76m tại xã Cần Đăng, huyện Châu Thành (Q20402Z), mức nước sâu nhất là 4,32m tại xã Lê Chánh, huyện Tân Châu (Q203040M1).

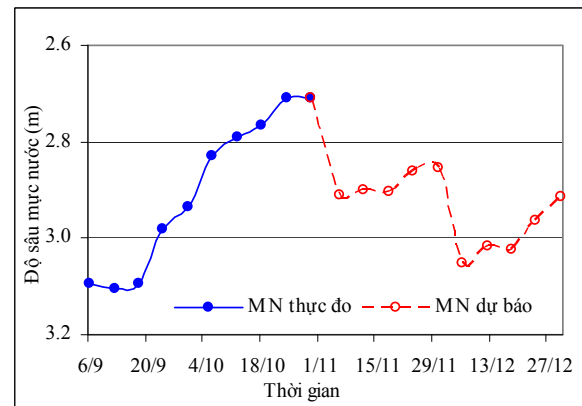
Dự báo: Trong tháng 11, 12 mức nước có xu hướng hạ thấp. Chi tiết diễn biến mức nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 58 và bảng 32)



Hình 57. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng qp₂₋₃



(a) xã Lê Chánh, huyện Tân Châu
(Q203040M1)



(b) xã Cần Đăng, huyện Châu Thành
(Q20402Z)

Hình 58. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng qp₂₋₃

Bảng 32. Độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃ (m)

Ngày	xã Lê Chánh, huyện Tân Châu (Q203040M1)			xã Cần Đăng, huyện Châu Thành (Q20402Z)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	4,35	4,52	4,91	2,83	2,91	3,05
12	4,30	4,51	4,88	2,79	2,90	3,02
18	4,34	4,64	4,88	2,77	2,91	3,03
24	4,30	4,54	4,86	2,71	2,86	2,97
30	4,32	4,64	4,77	2,71	2,86	2,92
TB	4,32	4,57	4,86	2,76	2,89	2,99

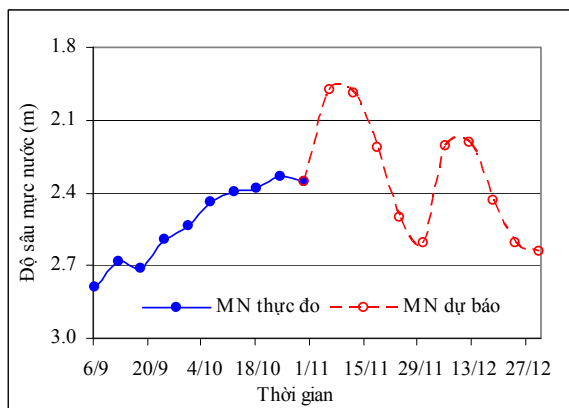
Cảnh báo: không có cảnh báo.

II.9.3. Tầng chứa nước Pliocene trung (n₂²)

Nhận xét: theo kết quả quan trắc mực nước, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,29m.

Tại xã Cần Đăng, huyện Châu Thành (Q204040) mực nước nông nhất là 2,32m, mực nước sâu nhất là 2,49m.

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước như hình vẽ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 59 và bảng 33).



Hình 59. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng n_2^2

Bảng 33. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

Ngày	xã Cần Đăng, huyện Châu Thành (Q204040)		
	Mức nước thực đo tháng 10	Mức nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	2,44	1,98	2,21
12	2,40	1,99	2,19
18	2,39	2,22	2,43
24	2,33	2,50	2,61
30	2,36	2,61	2,65
TB	2,38	2,26	2,42

Cảnh báo: không có cảnh báo

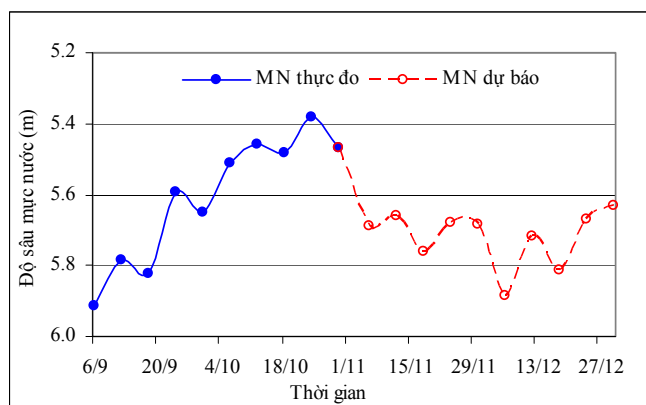
II.10. Tỉnh Cần Thơ:

II.10.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)

Nhận xét: theo kết quả quan trắc mực nước, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,32m.

Tại xã Thạnh Tiến, huyện Vĩnh Thạnh (Q402020M1) mực nước nông nhất là 5,37m, mực nước sâu nhất là 5,65m.

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước có xu hướng hạ thấp. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 60 và bảng 34).



Hình 60. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng qp₃

Bảng 34. Độ sâu mực nước tầng qp₃ (m)

Ngày	xã Thạnh Tiến, huyện Vĩnh Thạnh (Q402020M1)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	5,51	5,69	5,89
12	5,46	5,66	5,72
18	5,48	5,76	5,81
24	5,38	5,68	5,67
30	5,47	5,68	5,63
TB	5,46	5,69	5,74

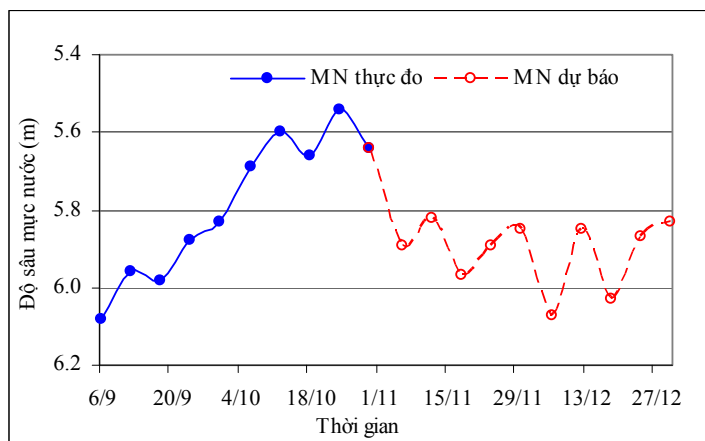
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.10.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

Nhận xét: theo kết quả quan trắc mực nước, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,33m.

Tại xã Thạnh Quới, huyện Thốt Nốt (Q403020) mực nước nông nhất là 5,54m, mực nước sâu nhất là 5,78m.

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước có xu hướng hạ thấp. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 61 và bảng 35)..



Hình 61. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng qp₂₋₃

Bảng 35. Độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃ (m)

Ngày	xã Thạnh Quới, huyện Thốt Nốt (Q403020)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	5,69	5,89	6,07
12	5,6	5,82	5,85
18	5,66	5,97	6,03
24	5,54	5,89	5,87
30	5,64	5,85	5,83
TB	5,63	5,88	5,93

Cảnh báo: không có cảnh báo

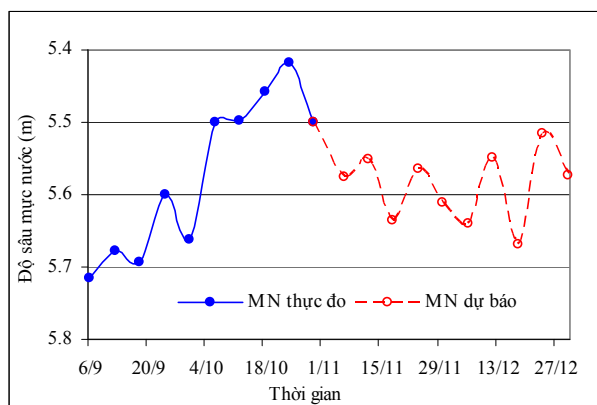
II.11. Tỉnh Vĩnh Long:

II.11.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp₃)

Nhận xét: theo kết quả quan trắc mực nước, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng cao so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,19m.

Tại xã Cái Vồn, huyện Bình Minh (Q209020) mực nước nông nhất là 5,61m, mực nước sâu nhất là 5,87m.

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước như hình vẽ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 62 và bảng 36).



Hình 62. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng qp₃

Bảng 36. Độ sâu mực nước tầng qp₃ (m)

Ngày	xã Cái Vồn, huyện Bình Minh (Q209020)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	5,50	5,58	5,64
12	5,50	5,55	5,55
18	5,46	5,64	5,67
24	5,42	5,56	5,52
30	5,50	5,61	5,57
TB	5,47	5,59	5,59

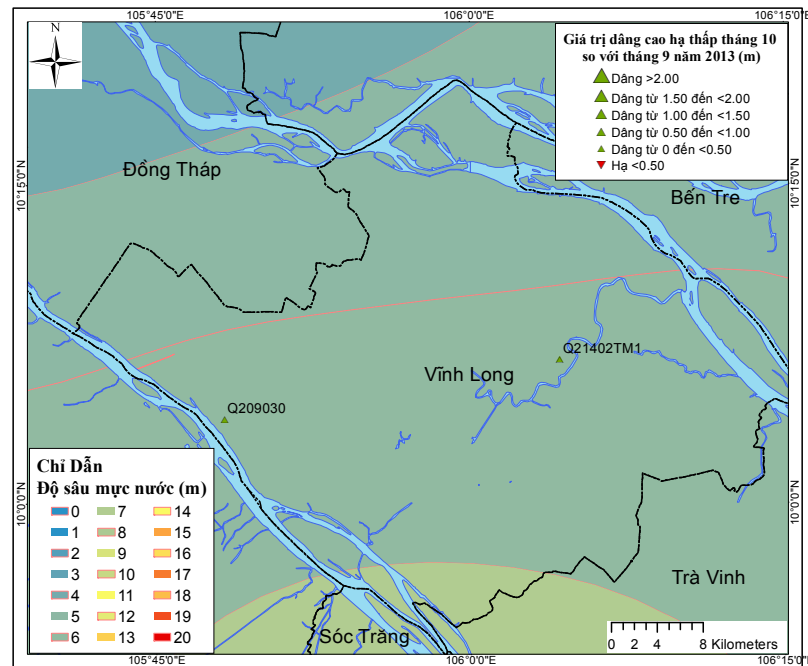
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.11.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

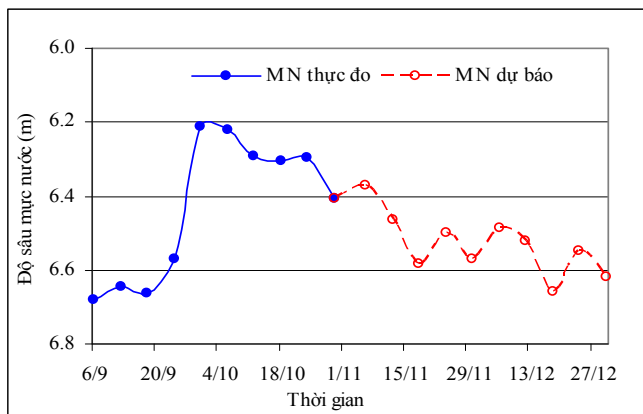
Nhận xét: nhìn chung trên toàn tỉnh, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,16m. Giá trị dâng cao nhất là 0,27m tại xã Cái Vồn, huyện Bình Minh (Q209030).

Mực nước nông nhất là 6,23m tại xã Tân Long Hội, huyện Măng Thít (Q21402TM1), mực nước sâu nhất là 6,46m tại xã Cái Vồn, huyện Bình Minh (Q209030).

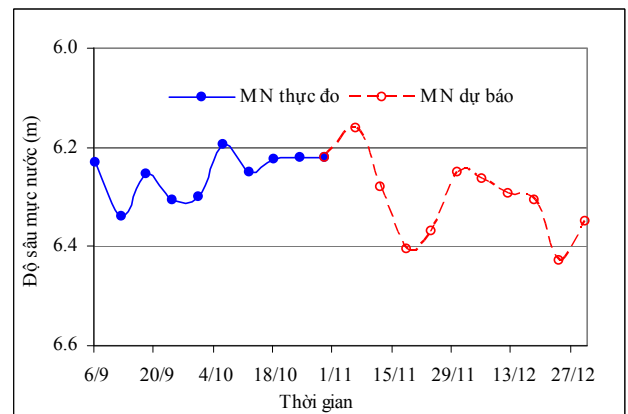
Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước như hình vẽ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 79 và bảng 37).



Hình 63. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng qp2-3



(a) xã Cái Vồn, huyện Bình Minh (Q209030)



(b) xã Tân Long Hội, huyện Măng Thít (Q21402TM1)

Hình 64. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng qp2-3

Bảng 37. Độ sâu mực nước tầng qp2-3 (m)

Ngày	xã Cái Vồn, huyện Bình Minh (Q209030)			xã Tân Long Hội, huyện Măng Thít (Q21402TM1)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	6,22	6,37	6,49	6,20	6,16	6,27
12	6,29	6,46	6,52	6,25	6,28	6,30

18	6,31	6,58	6,66	6,23	6,41	6,31
24	6,30	6,50	6,55	6,22	6,37	6,43
30	6,41	6,57	6,62	6,22	6,25	6,35
TB	6,30	6,50	6,57	6,22	6,29	6,33

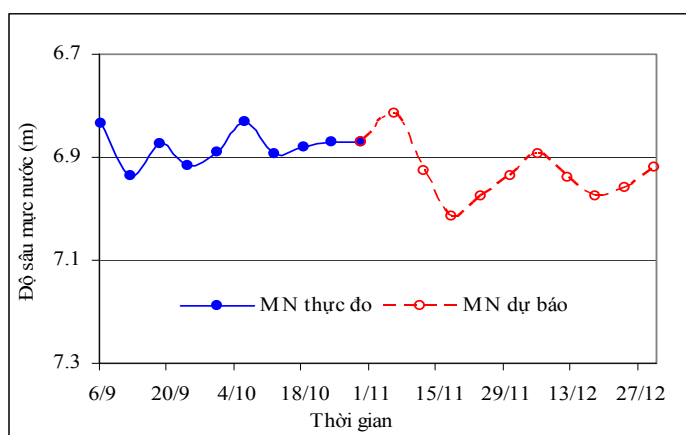
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.11.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp_1)

Nhận xét: theo kết quả quan trắc mực nước, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng cao so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,03m.

Tại xã Tân Long Hội, huyện Măng Thít (Q21402ZM1) mực nước nông nhất là 6,82m, mực nước sâu nhất là 6,93m.

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước như hình vẽ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 65 và bảng 38).



Hình 65. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng qp_1

Bảng 38. Độ sâu mực nước tầng qp_1 (m)

Ngày	xã Tân Long Hội, huyện Măng Thít (Q21402ZM1)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	6,83	6,82	6,90
12	6,90	6,93	6,94
18	6,88	7,02	6,98
24	6,87	6,98	6,96
30	6,87	6,94	6,92
TB	6,87	6,93	6,94

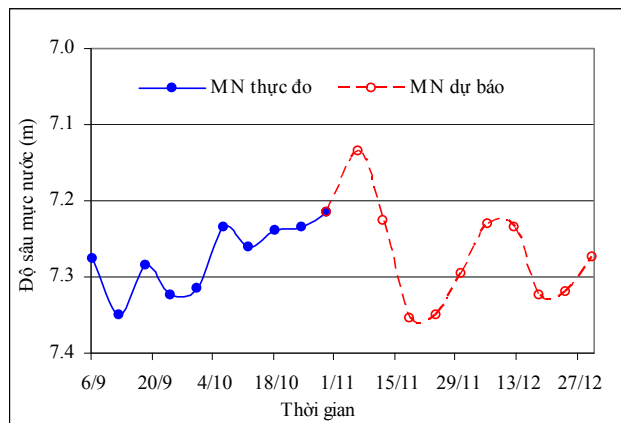
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.11.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)

Nhận xét: theo kết quả quan trắc mực nước, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng cao so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,06m.

Tại xã Tân Long Hội, huyện Măng Thít (Q214030M1) mực nước nông nhất là 7,20m, mực nước sâu nhất là 7,29m.

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước như hình vẽ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 66 và bảng 39).



Hình 66. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng n_2^2

Bảng 39. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

Ngày	xã Tân Long Hội, huyện Măng Thít (Q214030M1)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	7,24	7,14	7,23
12	7,26	7,23	7,24
18	7,24	7,36	7,33
24	7,24	7,35	7,32
30	7,22	7,30	7,28
TB	7,24	7,27	7,28

Cảnh báo: không có cảnh báo

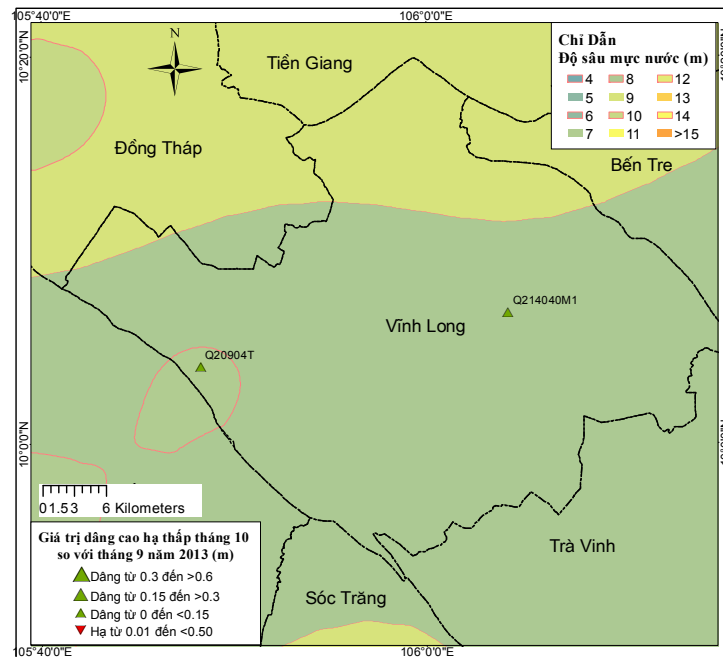
II.11.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)

Nhận xét: nhìn chung trên toàn tỉnh, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,05m.

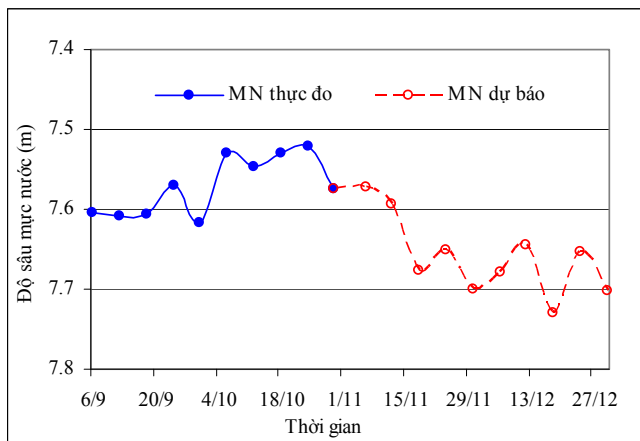
Giá trị dâng cao nhất là 0,06m tại xã Cái Vồn, huyện Bình Minh (Q20904T).

Mực nước nông nhất là 7,81m tại xã Cái Vồn, huyện Bình Minh (Q20904T), mực nước sâu nhất là 8,81m tại xã Tân Long Hội, huyện Măng Thít (Q214040M1).

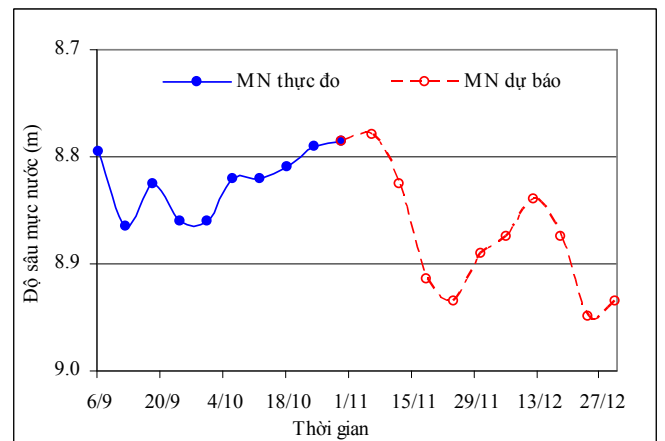
Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước như hình vẽ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 68 và bảng 40).



Hình 67. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng n_2^1



(a) xã Cái Vồn, huyện Bình Minh (Q20904T)



(b) xã Tân Long Hội, huyện Măng Thít (Q214040M1)

Hình 68. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng n_2^1

Bảng 40. Độ sâu mực nước tầng n_2^1 (m)

Ngày	xã Cái Vồn, huyện Bình Minh (Q20904T)			xã Tân Long Hội, huyện Măng Thít (Q214040M1)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	7,53	7,57	7,68	8,82	8,78	8,88
12	7,55	7,59	7,64	8,82	8,83	8,84
18	7,53	7,68	7,73	8,81	8,92	8,88



BỘ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC
QUỐC GIA

Ngày	xã Cái Vồn, huyện Bình Minh (Q20904T)			xã Tân Long Hội, huyện Măng Thít (Q214040M1)		
	Mức nước thực đo tháng 10	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 10	Mức nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
24	7,52	7,65	7,65	8,79	8,94	8,95
30	7,57	7,70	7,70	8,79	8,89	8,94
TB	7,54	7,64	7,68	8,81	8,87	8,90

Cảnh báo: không có cảnh báo

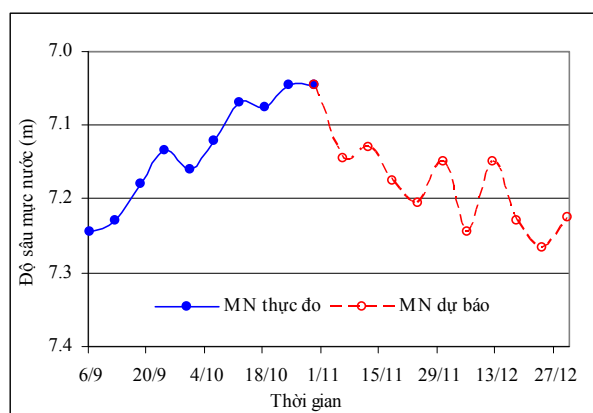
II.12. Tỉnh Trà Vinh:

II.12.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp₃)

Nhận xét: theo kết quả quan trắc mức nước, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng cao so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,12m.

Tại xã Tập Sơn, huyện Trà Cú (Q404020) mức nước nông nhất là 7,27m, mức nước sâu nhất là 7,38m.

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mức nước như hình vẽ. Chi tiết diễn biến mức nước như sau (xem hình 69 và bảng 41).



Hình 69. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng qp₃

Bảng 41. Độ sâu mực nước tầng qp₃ (m)

Ngày	Xã Tập Sơn, huyện Trà Cú (Q404020)		
	Mức nước thực đo tháng 10	Mức nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	7,12	7,15	7,25
12	7,07	7,13	7,15
18	7,08	7,18	7,23
24	7,05	7,21	7,27

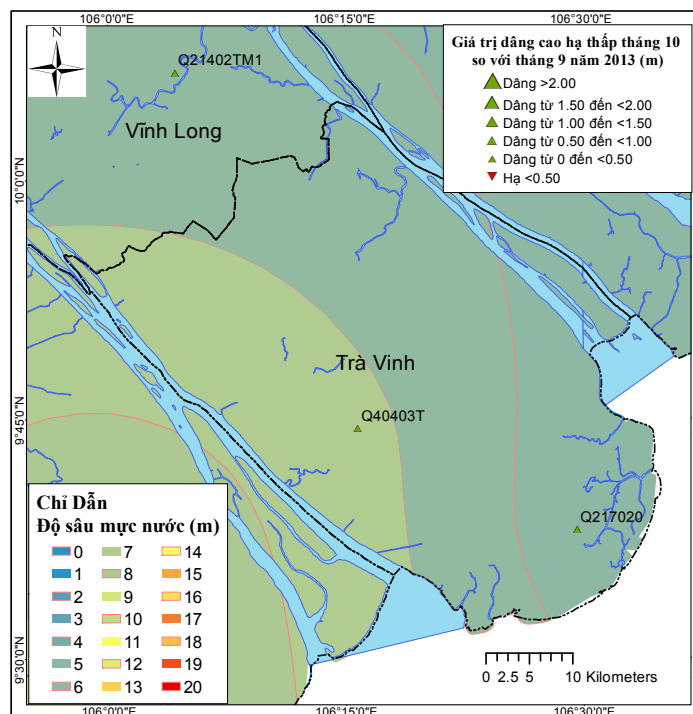
30	7,05	7,15	7,23
TB	7,07	7,16	7,22

Cảnh báo: không có cảnh báo

II.12.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

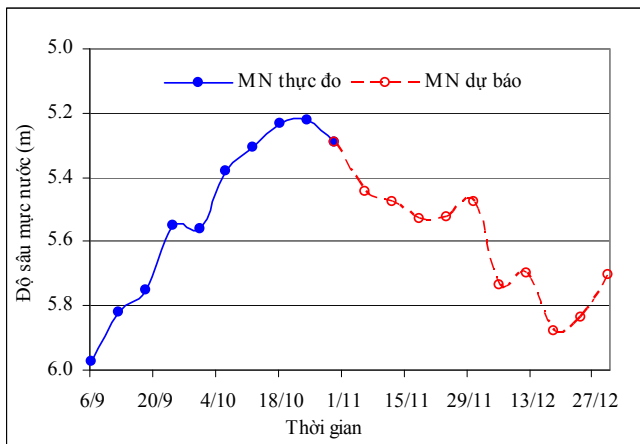
Nhận xét: nhìn chung trên toàn tỉnh, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,29m. Giá trị dâng cao nhất là 0,45m tại TT Duyên Hải, huyện Duyên Hải (Q217020)

Mực nước nông nhất là 5,41m tại TT Duyên Hải, huyện Duyên Hải (Q217020), mực nước sâu nhất là 7,32m tại xã Tập Sơn, huyện Trà Cú (Q40403T).

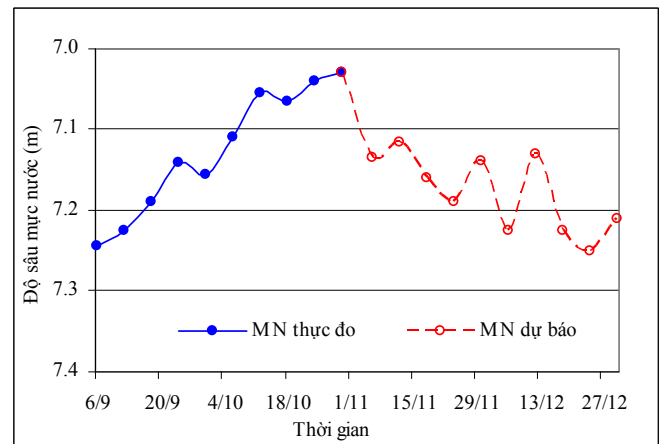


Hình 70. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng qp₂₋₃

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước như hình vẽ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 71 và bảng 42).



(a) TT Duyên Hải, huyện Duyên Hải (Q217020)



(b) xã Tập Sơn, huyện Trà Cú (Q40403T)

Hình 71. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng qp₂₋₃

Bảng 42. Độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃ (m)

Ngày	TT.Duyên Hải, huyện Duyên Hải (Q217020)			Xã Tập Sơn, huyện Trà Cú (Q40403T)		
	Mực nước thực đo tháng 9	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 9	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	5,38	5,45	5,74	7,11	7,14	7,23
12	5,31	5,47	5,70	7,06	7,12	7,13
18	5,23	5,53	5,88	7,07	7,16	7,23
24	5,22	5,52	5,84	7,04	7,19	7,25
30	5,29	5,47	5,70	7,03	7,14	7,21
TB	5,29	5,49	5,77	7,06	7,15	7,21

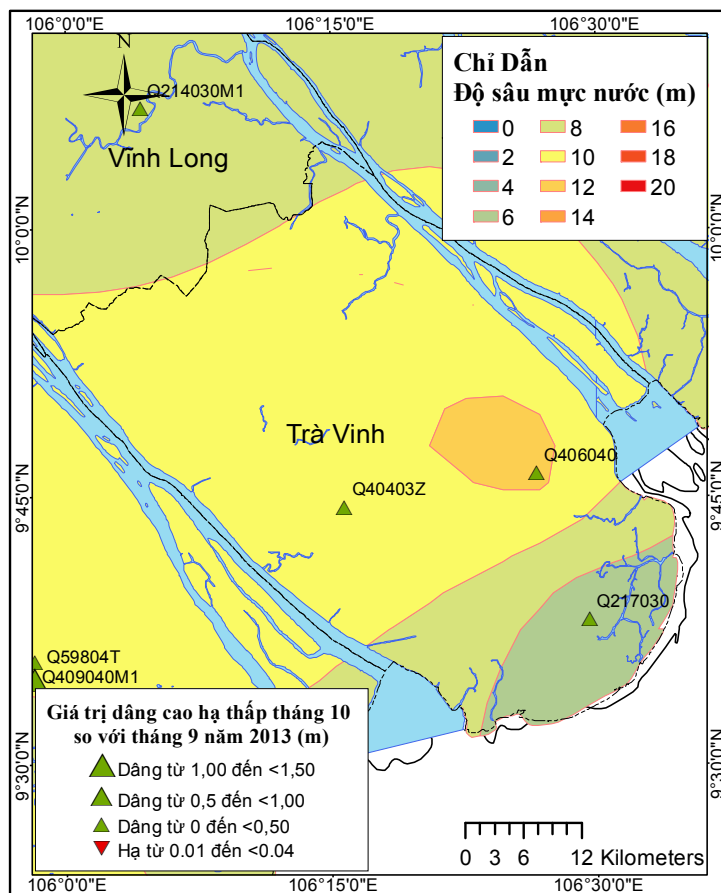
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.12.3. Tầng chứa nước Pliocene trung (n₂²)

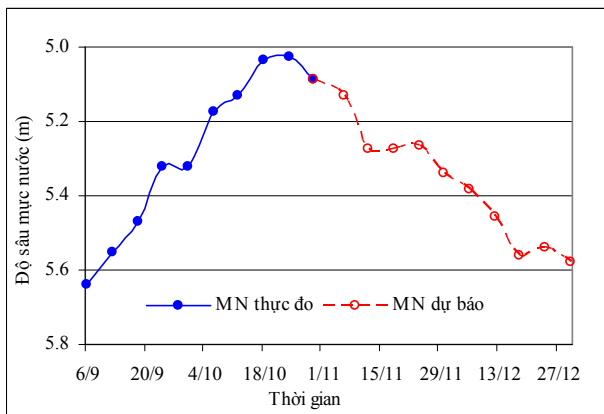
Nhận xét: nhìn chung trên toàn tỉnh, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,32m. Giá trị dâng cao nhất là 0,38m tại TT Duyên Hải, huyện Duyên Hải (Q217030)

Mực nước nông nhất là 5,18m tại TT Duyên Hải, huyện Duyên Hải (Q217030), mực nước sâu nhất là 11,68m tại xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang (Q406040).

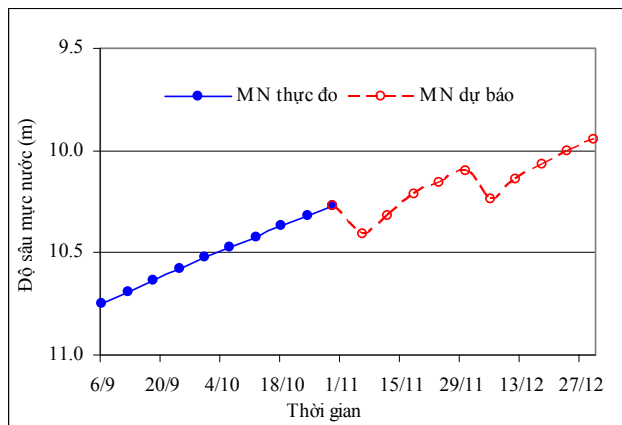
Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước có hai xu hướng. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 73 và bảng 43).



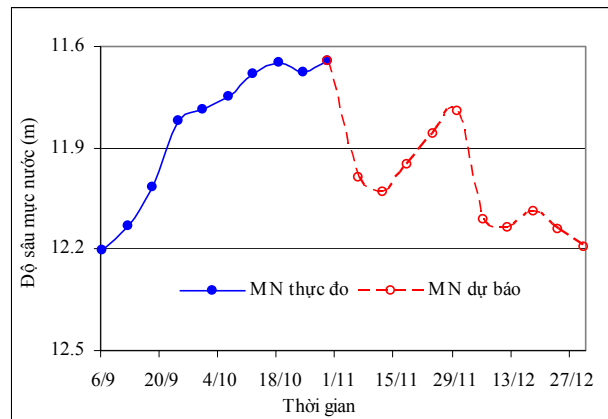
Hình 72. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng n_2^2



(a) TT Duyên Hải, huyện Duyên Hải (Q217030)



(b) xã Tập Sơn, huyện Trà Cú (Q40403Z)



(c) xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang (Q406040)

Hình 73. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng n_2^2

Bảng 43. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

Ngày	TT Duyên Hải, huyện Duyên Hải (Q217030)			Xã Tập Sơn, huyện Trà Cú (Q40403Z)			xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang (Q406040)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	5,17	5,13	5,38	10,47	10,41	10,24	11,75	11,99	12,11
12	5,13	5,27	5,46	10,43	10,32	10,14	11,68	12,03	12,14
18	5,03	5,27	5,56	10,37	10,22	10,07	11,65	11,95	12,09
24	5,02	5,26	5,54	10,32	10,16	10,00	11,68	11,86	12,14
30	5,09	5,34	5,58	10,27	10,10	9,95	11,65	11,79	12,20
TB	5,09	5,26	5,50	10,37	10,24	10,08	11,68	11,92	12,13

Cảnh báo: không có cảnh báo

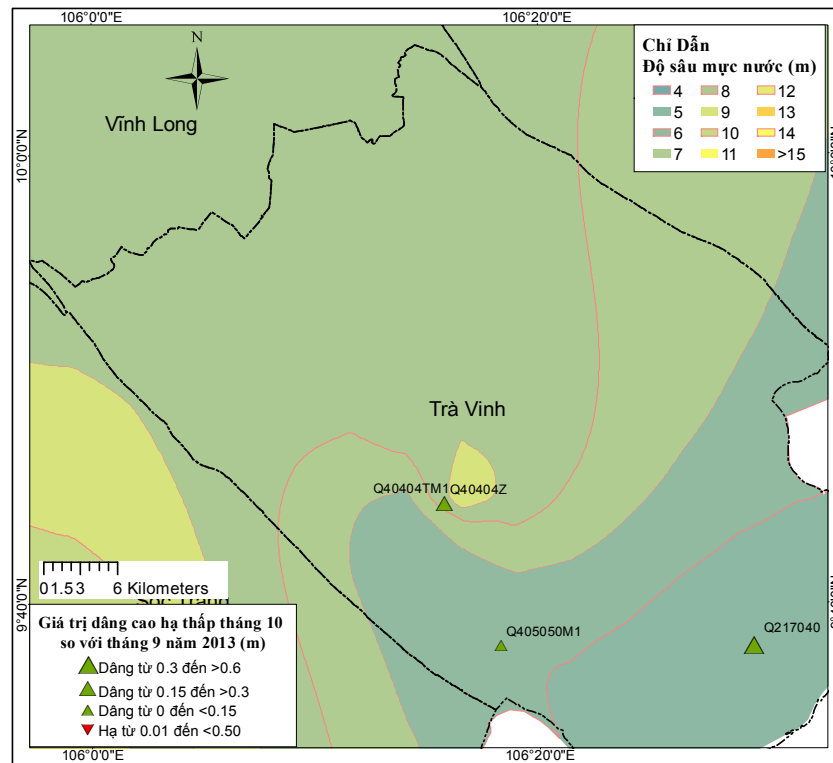
II.12.4. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)

Nhận xét: nhìn chung trên toàn tỉnh, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,18m.

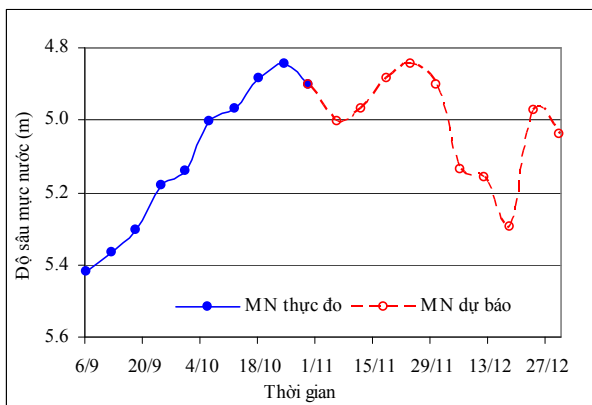
Giá trị dâng cao nhất là 0,36m tại TT Duyên Hải, huyện Duyên Hải (Q217040)

Mực nước nông nhất là 4,94m tại TT Duyên Hải, huyện Duyên Hải (Q217040), mực nước sâu nhất là 9,84m tại xã Tập Sơn, huyện Trà Cú (Q40404TM1)

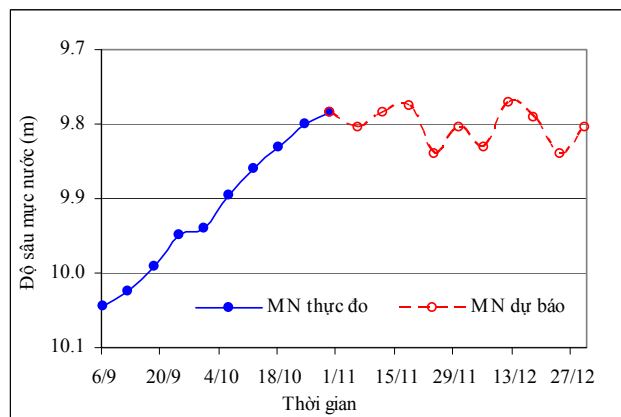
Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước có hai xu hướng. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 75 và bảng 44).



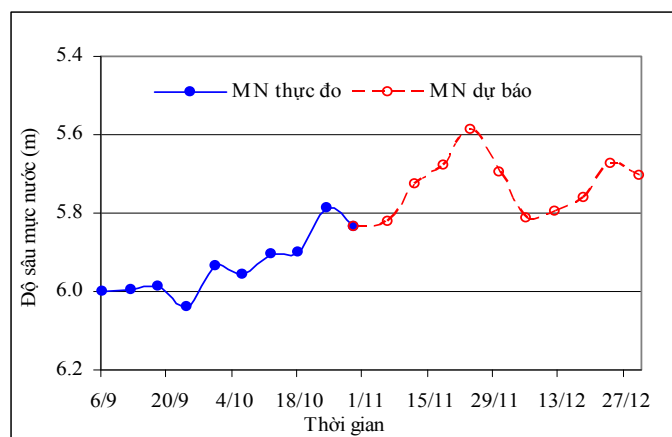
Hình 74. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng n_2^I



(a) TT Duyên Hải, huyện Duyên Hải (Q217040)



(b) xã Tập Sơn, huyện Trà Cú (Q40404TM1)



(c) xã Đại An, huyện Trà Cú (Q405050M1)

Hình 75. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng n_2^I

Bảng 44. Độ sâu mực nước tầng n_2^I (m)

Ngày	TT Duyên Hải, huyện Duyên Hải (Q217040)			xã Tập Sơn, huyện Trà Cú (Q40404TM1)			xã Đại An, huyện Trà Cú (Q405050M1)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	5,01	5,01	5,14	9,90	9,81	9,83	5,96	5,82	5,82
12	4,97	4,97	5,16	9,86	9,79	9,77	5,91	5,73	5,80
18	4,89	4,89	5,30	9,83	9,78	9,79	5,90	5,68	5,76
24	4,85	4,85	4,97	9,80	9,84	9,84	5,79	5,59	5,68
30	4,90	4,90	5,04	9,79	9,81	9,81	5,84	5,70	5,71
TB	4,92	4,92	5,12	9,83	9,80	9,81	5,88	5,70	5,75

Cảnh báo: không có cảnh báo

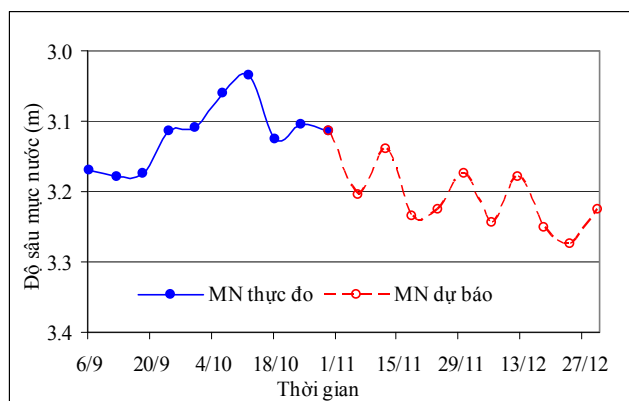
II.13. Tỉnh Kiên Giang:

II.13.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)

Nhận xét: theo kết quả quan trắc mực nước, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng cao so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,07m.

Tại TT Minh Lương, huyện Châu Thành (Q40101Z) mực nước nông nhất là 3,03m, mực nước sâu nhất là 3,15m.

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước như hình vẽ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 76 và bảng 45).



Hình 76. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng qp₃

Bảng 45. Độ sâu mực nước tầng qp₃ (m)

Ngày	TT Minh Lương, huyện Châu Thành (Q40101Z)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	3,06	3,21	3,25
12	3,04	3,14	3,18
18	3,13	3,24	3,25
24	3,11	3,23	3,28
30	3,12	3,18	3,23
TB	3,09	3,20	3,24

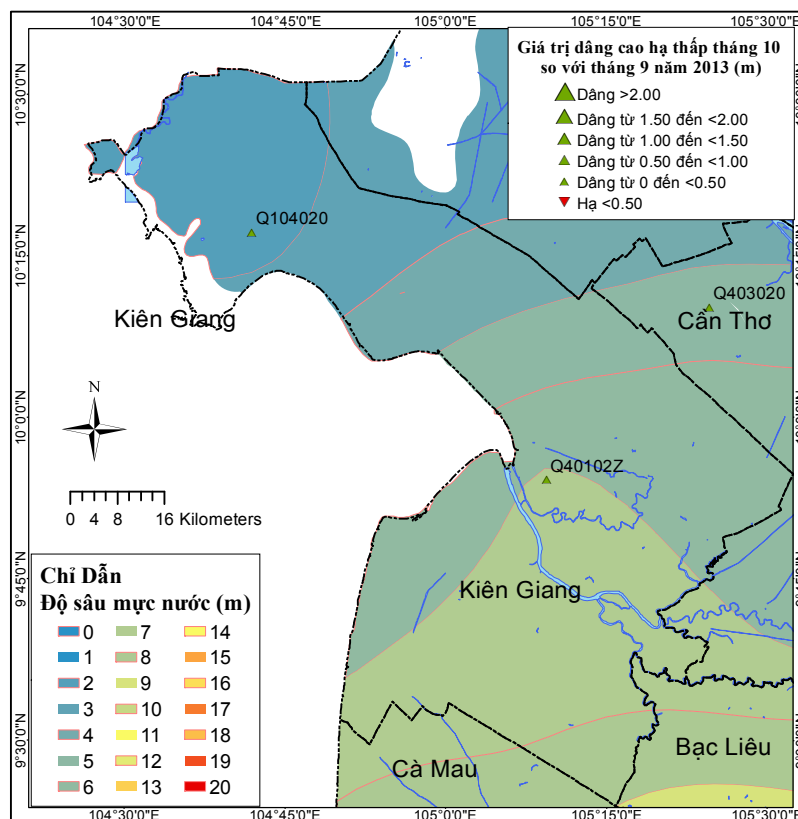
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.13.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

Nhận xét: nhìn chung trên toàn tỉnh, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,18m.

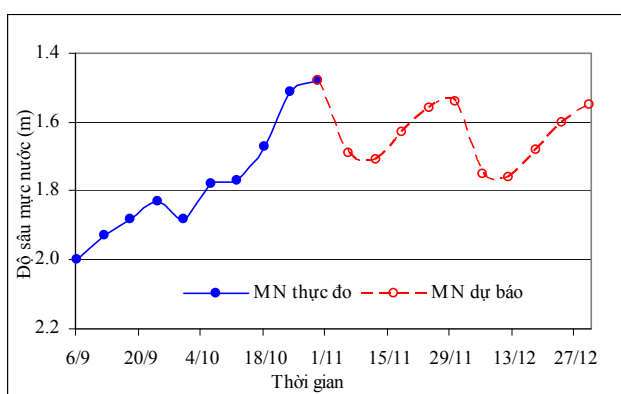
Giá trị dâng cao nhất là 0,26m tại xã Kiên Lương, huyện Hà Tiên (Q104020).

Mực nước nông nhất là 2,58m tại xã Kiên Lương, huyện Hà Tiên (Q104020), mực nước sâu nhất là 7,16m tại TT Minh Lương, huyện Châu Thành (Q40102Z).

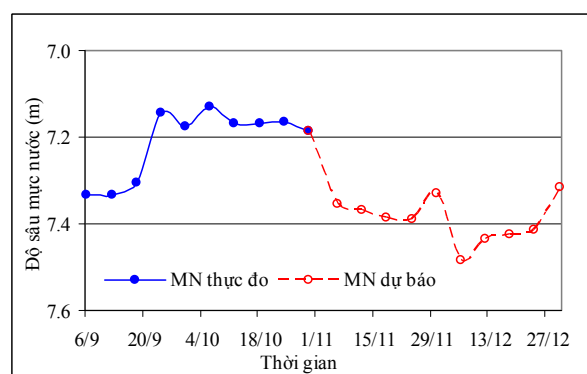


Hình 77. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tăng qp₂₋₃

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước như hình vẽ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 78 và bảng 46).



(a) xã Kiên Lương, huyện Hà Tiên (Q104020)



(b) TT Minh Lương, huyện Châu Thành (Q40102Z)

Hình 78. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tăng qp₂₋₃

Bảng 46. Độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃ (m)

Ngày	xã Kiên Lương, huyện Hà Tiên (Q104020)			TT Minh Lương, huyện Châu Thành (Q40102Z)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	1,78	1,69	1,75	7,13	7,36	7,49
12	1,77	1,71	1,76	7,17	7,37	7,44
18	1,67	1,63	1,68	7,17	7,39	7,43
24	1,51	1,56	1,60	7,17	7,39	7,42
30	1,48	1,54	1,55	7,19	7,33	7,32
TB	1,64	1,63	1,67	7,16	7,37	7,42

Cảnh báo: không có cảnh báo

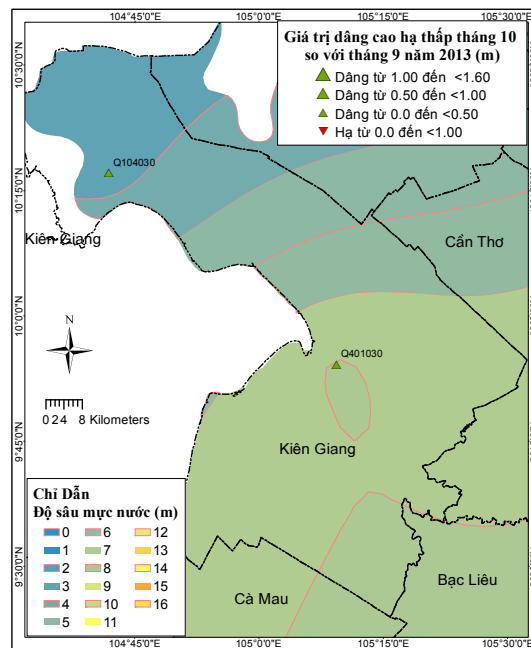
II.13.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp₁)

Nhận xét: nhìn chung trên toàn tỉnh, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,17m.

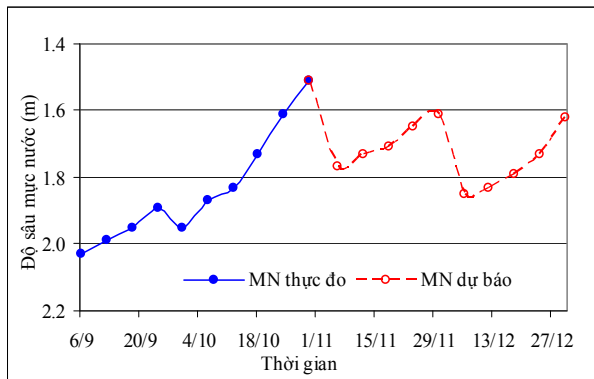
Giá trị dâng cao nhất là 0,25m tại xã Kiên Lương, huyện Hà Tiên (Q104030)

Mực nước nông nhất là 2,68m tại xã Kiên Lương, huyện Hà Tiên (Q104030), mực nước sâu nhất là 7,11m tại TT Minh Lương, huyện Châu Thành (Q401030).

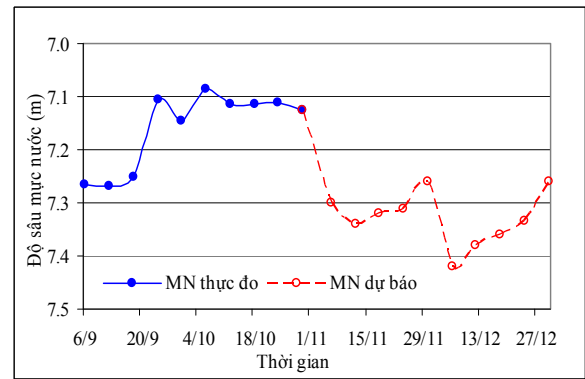
Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước như hình vẽ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 80 và bảng 47).



Hình 79. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng qp₁



(a) xã Kiên Lương, huyện Hà Tiên
(Q104030)



(b) TT Minh Lương, huyện Châu Thành
(Q401030)

Hình 80. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng qp₁

Bảng 47. Độ sâu mực nước tầng qp₁ (m)

Ngày	xã Kiên Lương, huyện Hà Tiên (Q104030)			TT Minh Lương, huyện Châu Thành (Q401030)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	1,87	1,77	1,85	7,09	7,30	7,42
12	1,83	1,73	1,83	7,12	7,34	7,38
18	1,73	1,71	1,79	7,12	7,32	7,36
24	1,61	1,65	1,73	7,11	7,31	7,34
30	1,51	1,61	1,62	7,13	7,26	7,26
TB	1,71	1,69	1,76	7,11	7,31	7,35

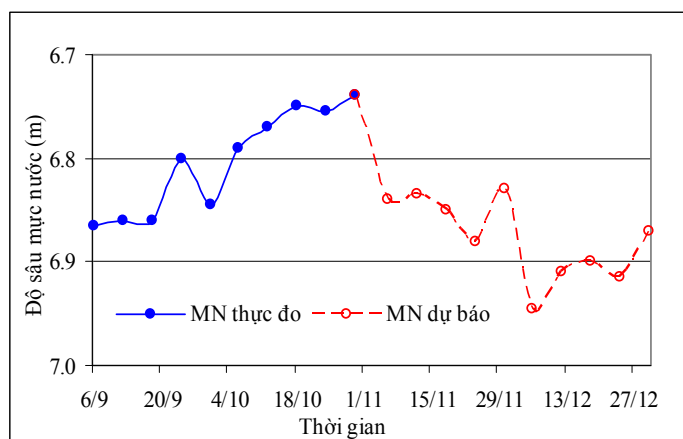
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.13.4. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n₂²)

Nhận xét: theo kết quả quan trắc mực nước, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng cao so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,08m.

Tại TT Minh Lương, huyện Châu Thành (Q40104T) mực nước nông nhất là 6,74m, mực nước sâu nhất là 6,82m.

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước như hình vẽ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 81 và bảng 48).



Hình 81. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng n_2^2

Bảng 48. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

Ngày	TT.Minh Lương, huyện Châu Thành (Q40104T)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	6,79	6,84	6,95
12	6,77	6,84	6,91
18	6,75	6,85	6,90
24	6,76	6,88	6,92
30	6,74	6,83	6,87
TB	6,76	6,85	6,91

Cảnh báo: không có cảnh báo

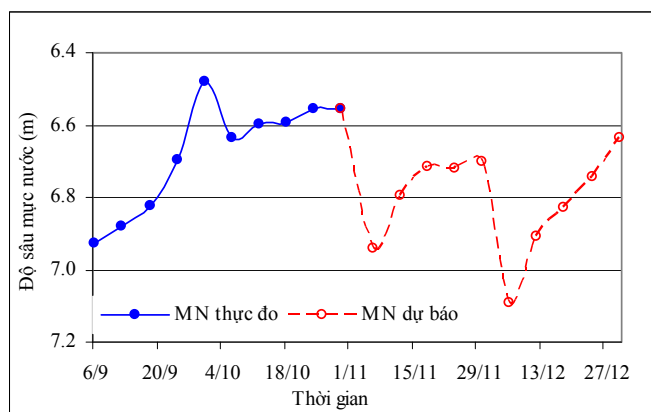
II.14. Tỉnh Hậu Giang:

II.14.1. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp_{2-3})

Nhận xét: theo kết quả quan trắc mực nước, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,21m.

Tại TT.Long Mỹ, huyện Long Mỹ (Q211020) mực nước nông nhất là 6,53m và mực nước sâu nhất là 6,66m.

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước như hình vẽ. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q211020 như sau (xem hình 82 và bảng 49).



Hình 82. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng qp₂₋₃

Bảng 49. Độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃ (m)

Ngày	TT.Long Mỹ, huyện Long Mỹ (Q211020)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	6,63	6,94	7,09
12	6,60	6,80	6,91
18	6,59	6,72	6,83
24	6,56	6,72	6,74
30	6,55	6,70	6,63
TB	6,59	6,78	6,84

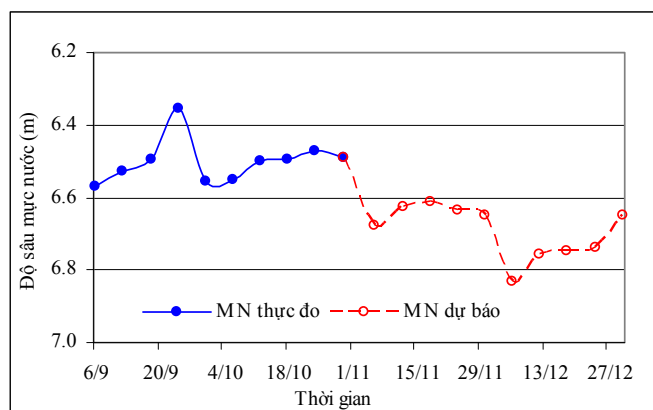
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.14.2. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp₁)

Nhận xét: theo kết quả quan trắc mực nước, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng hạ thấp so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,02m.

Tại TT Long Mỹ, huyện Long Mỹ (Q211030) mực nước nông nhất là 6,43m và mực nước sâu nhất là 6,63m.

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước như hình vẽ. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q211030 như sau (xem hình 83 và bảng 50).



Hình 83. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng qp₁

Bảng 50. Độ sâu mực nước tầng qp₁ (m)

Ngày	TT Long Mỹ, huyện Long Mỹ (Q211030)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	6,55	6,68	6,83
12	6,50	6,63	6,75
18	6,50	6,61	6,75
24	6,47	6,64	6,74
30	6,49	6,65	6,65
TB	6,50	6,64	6,74

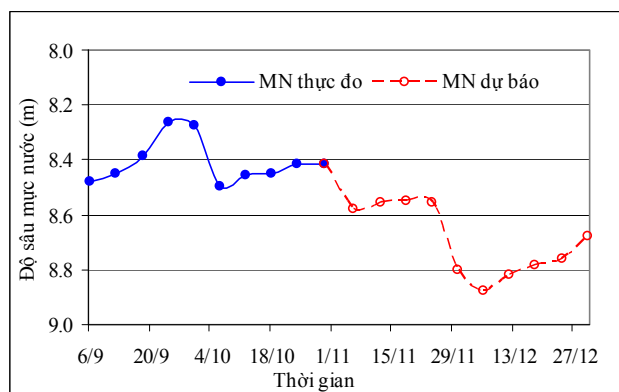
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.14.3. Tầng chứa nước Pliocene trung (n₂²)

Nhận xét: theo kết quả quan trắc mực nước, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,16m.

Tại TT.Long Mỹ, huyện Long Mỹ (Q21104T) mực nước nông nhất là 8,39m và mực nước sâu nhất là 8,52m.

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước như hình vẽ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 84 và bảng 51).



Hình 84. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng n_2^2

Bảng 51. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

Ngày	TT.Long Mỹ, huyện Long Mỹ (Q21104T)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	8,49	8,58	8,88
12	8,46	8,56	8,82
18	8,45	8,55	8,79
24	8,42	8,56	8,76
30	8,41	8,80	8,68
TB	8,45	8,61	8,78

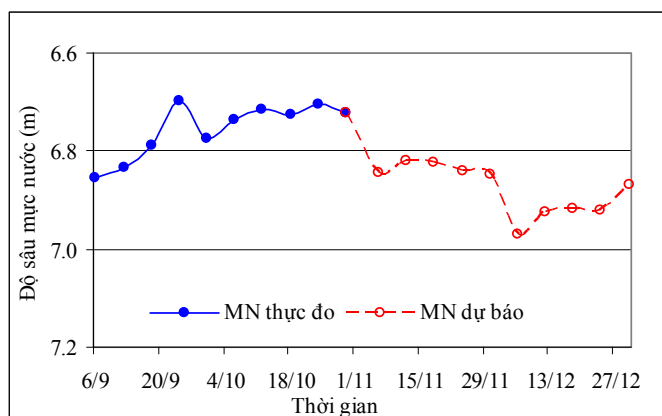
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.14.4. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)

Nhận xét: theo kết quả quan trắc mực nước, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,07m.

Tại TT Long Mỹ, huyện Long Mỹ (Q21104ZM1) mực nước nông nhất là 6,69m, mực nước sâu nhất là 6,80m.

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước như hình vẽ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 85 và bảng 52).



Hình 85. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng n_2^1

Bảng 52. Độ sâu mực nước tầng n_2^1 (m)

Ngày	TT Long Mỹ, huyện Long Mỹ (Q21104ZM1)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	6,74	6,85	6,97
12	6,72	6,82	6,92
18	6,73	6,83	6,92
24	6,71	6,84	6,92
30	6,72	6,85	6,87
TB	6,72	6,84	6,92

Cảnh báo: không có cảnh báo

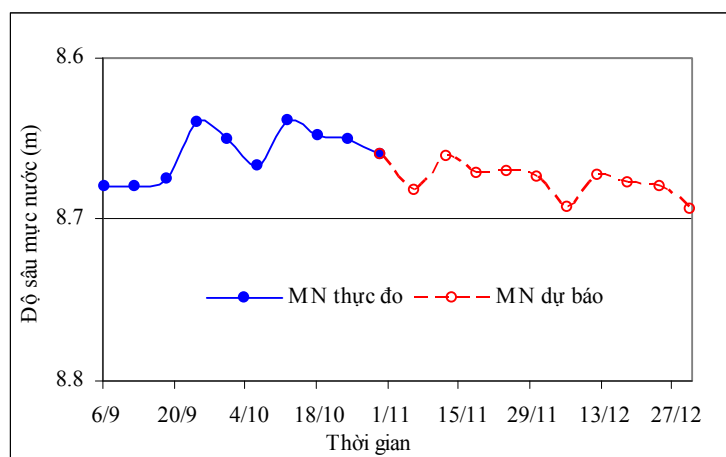
II.15. Tỉnh Sóc Trăng:

II.15.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp₃)

Nhận xét: theo kết quả quan trắc mực nước, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,01m.

Tại phường 6, TP.Sóc Trăng (Q409020M1) mực nước nông nhất là 8,63m và mực nước sâu nhất là 8,67m.

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước như hình vẽ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 86 và bảng 53).



Hình 86. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng qp₃

Bảng 53. Độ sâu mực nước tầng qp₃ (m)

Ngày	Phường 6, TP.Sóc Trăng (Q409020M1)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	8,67	8,68	8,69
12	8,64	8,66	8,67
18	8,65	8,67	8,68
24	8,65	8,67	8,68
30	8,66	8,67	8,69
TB	8,65	8,67	8,68

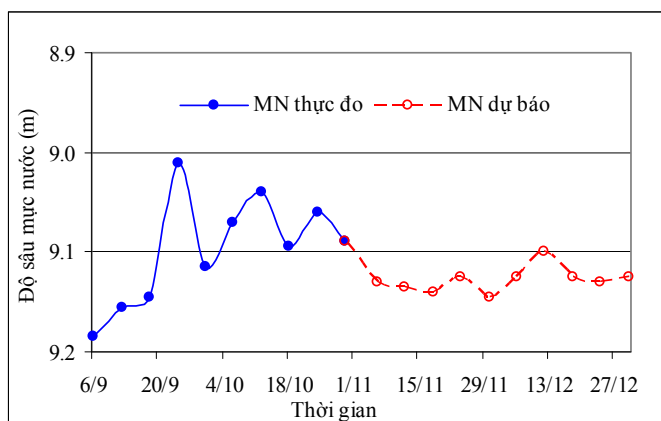
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.15.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

Nhận xét: theo kết quả quan trắc mực nước, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,06m.

Tại phường 3, TP.Sóc Trăng (Q598020M1) mực nước nông nhất là 9,14m và mực nước sâu nhất là 9,23m.

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước như hình vẽ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 87 và bảng 54).



Hình 87. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng qp₂₋₃

Bảng 54. Độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃ (m)

Ngày	Phường 3, TP.Sóc Trăng (Q598020M1)		
	Mức nước thực đo tháng 10	Mức nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	9,07	9,13	9,13
12	9,04	9,14	9,10
18	9,10	9,14	9,13
24	9,06	9,13	9,13
30	9,09	9,15	9,13
TB	9,07	9,14	9,12

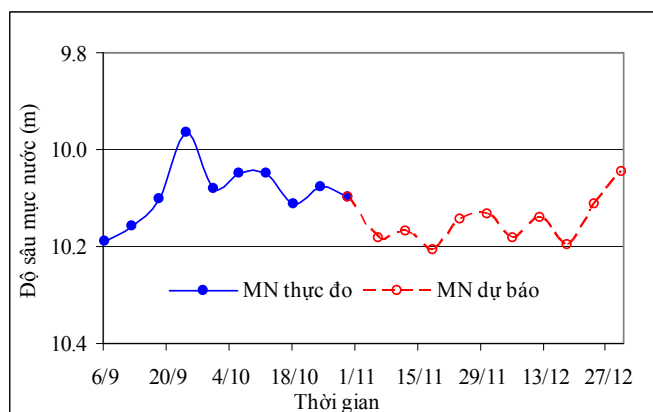
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.15.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp₁)

Nhận xét: theo kết quả quan trắc mực nước, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,02m.

Tại phường 6, TP.Sóc Trăng (Q40903AM1) mực nước nông nhất là 10,02m và mực nước sâu nhất là 10,12m.

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước như hình vẽ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 88 và bảng 55).



Hình 88. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng qp₁

Bảng 55. Độ sâu mực nước tầng qp₁ (m)

Ngày	Phường 6, TP.Sóc Trăng (Q40903AM1)		
	Mực nước thực đo tháng 9	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	10,05	10,18	10,18
12	10,05	10,17	10,14
18	10,11	10,21	10,20
24	10,08	10,14	10,11
30	10,10	10,13	10,05
TB	10,08	10,17	10,14

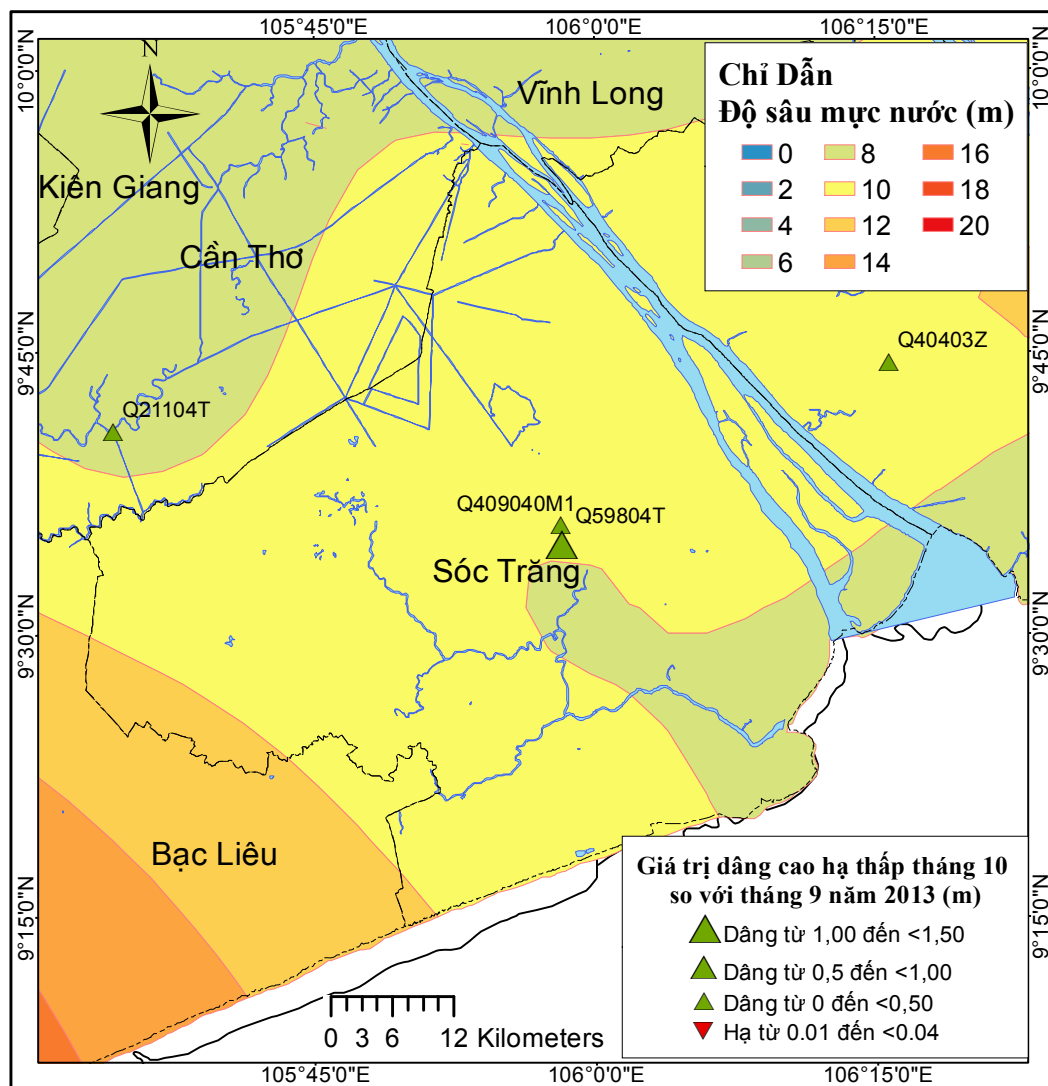
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.15.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n₂²)

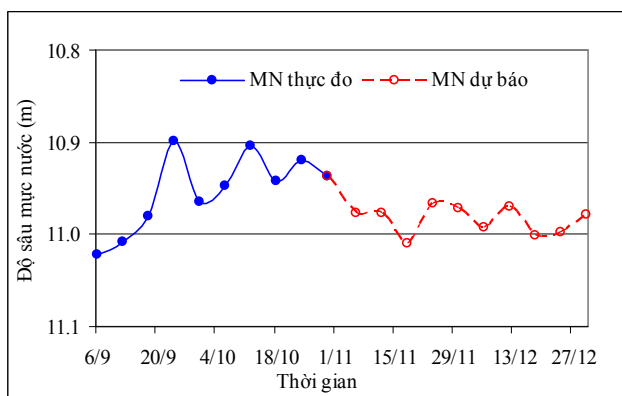
Nhận xét: nhìn chung trên toàn thành phố, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,77m. Giá trị dâng cao nhất là 1,50m tại phường 3, TP.Sóc Trăng (Q59804T).

Mực nước nông nhất là 10,90m tại phường 6, TP.Sóc Trăng (Q409040M1), mực nước sâu nhất là 12,33m tại phường 3, TP.Sóc Trăng (Q59804T).

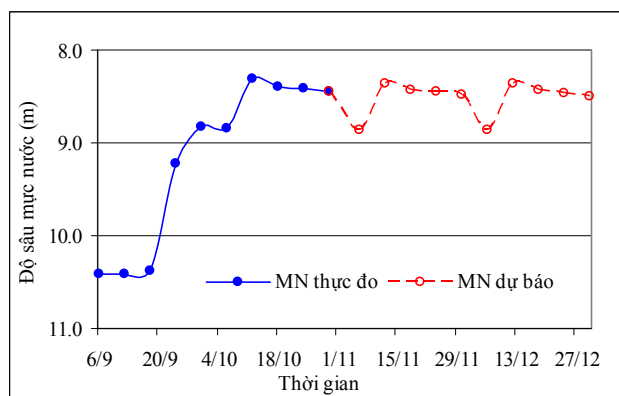
Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước có hai xu hướng. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 90 và bảng 58).



Hình 89. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng n_2^2



(a) Phường 6, TP.Sóc Trăng (Q409040M1)



(b) Phường 3, TP.Sóc Trăng (Q59804T)

Hình 90. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng n_2^2

Bảng 56. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

Ngày	Phường 6, TP Sóc Trăng (Q409040M1)			Phường 3, TP Sóc Trăng (Q59804T)		
	Mực nước thực đo tháng 9	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 9	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	10,95	10,98	10,99	8,84	8,86	8,86
12	10,90	10,98	10,97	8,31	8,36	8,36
18	10,94	11,01	11,00	8,39	8,43	8,43
24	10,92	10,97	11,00	8,41	8,45	8,47
30	10,94	10,97	10,98	8,44	8,49	8,50
TB	10,93	10,98	10,99	8,48	8,52	8,52

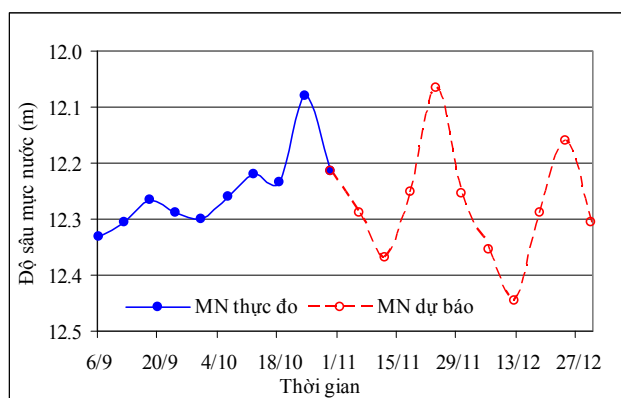
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.15.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)

Nhận xét: theo kết quả quan trắc mực nước, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,10m.

Tại phường 3, TP.Sóc Trăng (Q59804Z) mực nước nông nhất là 12,15m, mực nước sâu nhất là 12,33m.

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước như hình vẽ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 91 và bảng 57).



Hình 91. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng n_2^1

Bảng 57. Độ sâu mực nước tầng n_2^1 (m)

Ngày	Phường 3, TP Sóc Trăng (Q59804Z)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	12,26	12,29	12,36
12	12,22	12,37	12,45
18	12,24	12,25	12,29
24	12,08	12,07	12,16

30	12,22	12,26	12,31
TB	12,20	12,25	12,31

Cảnh báo: không có cảnh báo

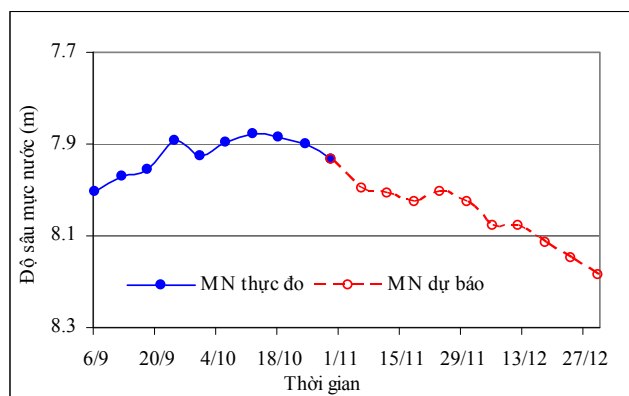
II.16. Tỉnh Bạc Liêu:

II.16.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp₃)

Nhận xét: theo kết quả quan trắc mực nước, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,05m.

Tại phường 7, TP.Bạc Liêu (Q597020M1) mực nước nông nhất là 7,87m và mực nước sâu nhất là 7,94m.

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước như hình vẽ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 92 và bảng 58).



Hình 92. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng qp₃

Bảng 58. Độ sâu mực nước tầng qp₃ (m)

Ngày	Phường 7, TP Bạc Liêu (Q597020M1)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	7,90	8,00	8,08
12	7,88	8,01	8,08
18	7,89	8,03	8,12
24	7,90	8,00	8,15
30	7,93	8,03	8,19
TB	7,90	8,01	8,12

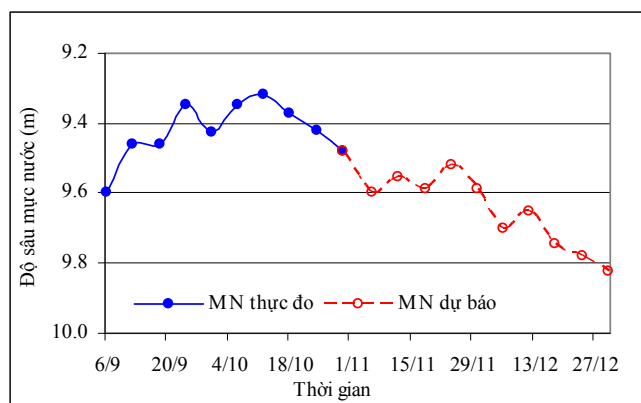
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.16.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

Nhận xét: theo kết quả quan trắc mực nước, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,09m.

Tại phường 7, TP Bạc Liêu (Q597030M1) mực nước nông nhất là 9,30m và mực nước sâu nhất là 9,50m.

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước có xu hướng hạ thấp. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 93 và bảng 59).



Hình 93. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng qp₂₋₃

Bảng 59. Độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃ (m)

Ngày	Phường 7, TP Bạc Liêu (Q597030M1)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	9,35	9,60	9,70
12	9,32	9,56	9,65
18	9,37	9,59	9,75
24	9,42	9,52	9,78
30	9,48	9,59	9,82
TB	9,39	9,57	9,74

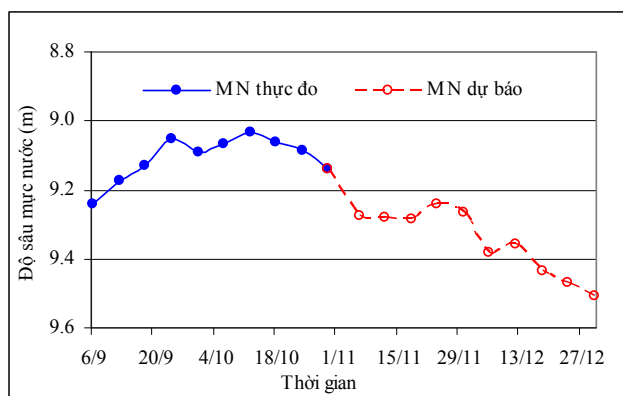
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.16.3. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n₂¹)

Nhận xét: theo kết quả quan trắc mực nước, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,07m.

Tại phường 7, TP.Bạc Liêu (Q59704TM1) mực nước nông nhất là 6,19m và mực nước sâu nhất là 6,29m.

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước có xu hướng hạ thấp. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 94 và bảng 60).



Hình 94. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng n_2^I

Bảng 60. Độ sâu mực nước tầng n_2^I (m)

Ngày	Phường 7, TP Bạc Liêu (Q59704TM1)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	9,07	9,28	9,38
12	9,04	9,28	9,36
18	9,06	9,28	9,43
24	9,09	9,24	9,47
30	9,14	9,27	9,51
TB	9,08	9,27	9,43

Cảnh báo: không có cảnh báo

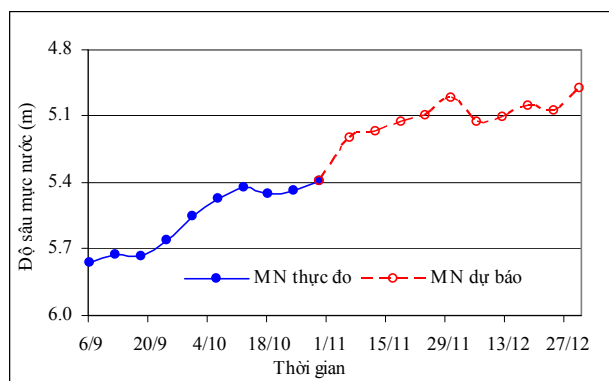
II.17. Tỉnh Cà Mau:

II.17.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)

Nhận xét: theo kết quả quan trắc mực nước, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,27m.

Tại phường 9, TP.Cà Mau (Q17701ZM1) mực nước nông nhất là 5,39m và mực nước sâu nhất là 5,56m.

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước có xu hướng dâng. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 95 và bảng 61).



Hình 95. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng qp₃

Bảng 61. Độ sâu mực nước tầng qp₃ (m)

Ngày	phường 9, TP Cà Mau (Q17701ZM1)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	5,47	5,20	5,13
12	5,42	5,17	5,11
18	5,45	5,13	5,05
24	5,44	5,10	5,07
30	5,39	5,01	4,97
TB	5,43	5,12	5,07

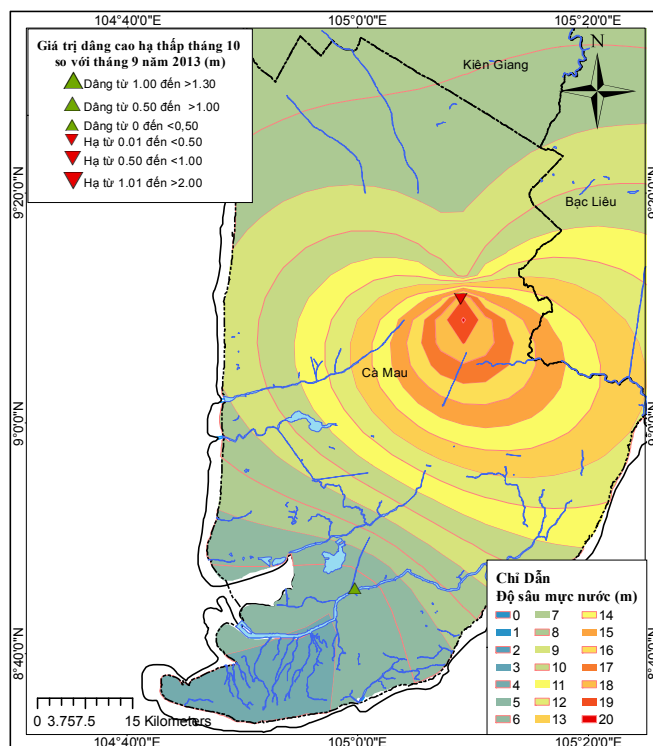
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.17.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

Nhận xét: nhìn chung trên toàn tỉnh, giá trị trung bình tháng 10 so với giá trị trung bình tháng 9 có 2 xu hướng dâng cao và hạ thấp, tuy nhiên xu thế dâng cao chiếm ưu thế với giá trị là 0,79m.

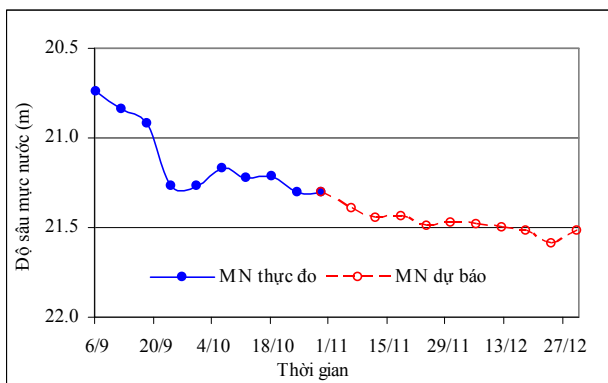
Giá trị dâng cao nhất là 2,55m tại phường 9, TP.Cà Mau (Q117020M1) và hạ thấp nhất là 0,07 tại TT.Năm Căn, huyện Năm Căn (Q199020).

Mực nước nông nhất là 5,04m tại TT.Năm Căn, huyện Năm Căn (Q199020), mực nước sâu nhất là 21,24m tại Phường 5, TP.Cà Mau (Q188020).

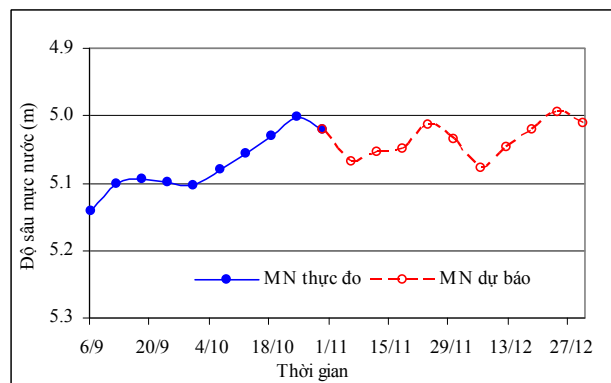


Hình 96. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 tầng qp₂₋₃

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước như hình vẽ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 97 và bảng 62).



(a) Phường 5, TP. Cà Mau (Q188020)



(b) TT. Năm Căn, huyện Năm Căn (Q199020)

Hình 97. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng qp₂₋₃

Bảng 62. Độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃ (m)

Ngày	Phường 5, TP.Cà Mau (Q188020)			TT.Năm Căn, huyện Năm Căn (Q199020)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12		tháng 11	tháng 12
6	21,17	21,39	21,48	5,08	5,07	5,08
12	21,22	21,45	21,50	5,06	5,05	5,05
18	21,21	21,44	21,52	5,03	5,05	5,02
24	21,30	21,49	21,59	5,00	5,01	4,99
30	21,30	21,47	21,52	5,02	5,03	5,01
TB	21,24	21,45	21,52	5,04	5,04	5,03

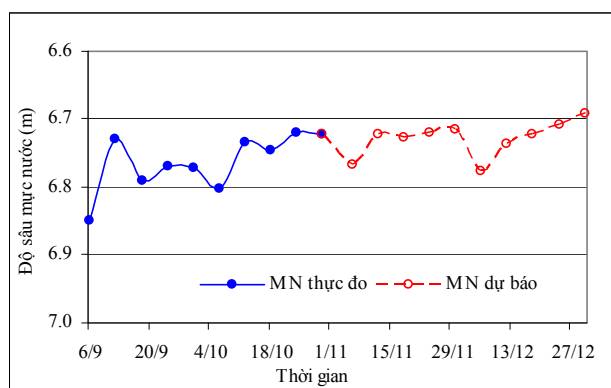
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.17.3. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n₂¹)

Nhận xét: theo kết quả quan trắc mực nước, giá trị trung bình tháng 10 có xu hướng dâng so với giá trị trung bình tháng 9 là 0,04m.

Tại TT.Năm Căn, huyện Năm Căn (Q19904ZM1) mực nước nông nhất là 6,71m và mực nước sâu nhất là 6,82m.

Dự báo: Trong tháng 11, 12 mực nước như hình vẽ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 98 và bảng 63).



Hình 98. Dự báo độ sâu mực nước tháng 11, 12 tầng n₂¹

Bảng 63. Độ sâu mực nước tầng n₂¹ (m)

Ngày	TT Năm Căn, huyện Năm Căn (Q19904ZM1)		
	Mực nước thực đo tháng 10	Mực nước dự báo	
		tháng 11	tháng 12
6	6,80	6,77	6,78
12	6,73	6,72	6,74
18	6,75	6,73	6,72
24	6,72	6,72	6,71
30	6,72	6,71	6,69
TB	6,75	6,73	6,73

Cảnh báo: không có cảnh báo